CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB
ACB SECURITIES COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số: ..011.13./CV-ACBS.26
No: 011.13/ CV-ACBS.26

TP. HCM, ngày 17 tháng 11 năm 2026
HCMC, November 17, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ *To*: **Ủy ban chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission of Vietnam;***
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Exchange;*
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange;*
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức: **Công ty TNHH Chứng khoán ACB**
*Name of organization: **ACB Securities Company***

- Mã thành viên/ *Broker code*: 006
- Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.
Address: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Xuan Hoa Ward, HCMC.
- Điện thoại: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751
Telephone: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751
- E-mail: cbtt@acbs.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ ***Contents of disclosure***:
Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) công bố Thông báo phát hành và Bản cáo bạch đối với 10 chứng quyền có bảo đảm như sau:
ACB Securities Company (ACBS) would like to announce the Covered Warrant Issuance Notice and Prospectuses for the offering of 10 covered warrants as follows:
    1. Chứng quyền **FPT/ACBS/9M/128** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền số 673/GCN-UBCK ngày 12/11/2026);
    *Covered Warrant **FPT/ACBS/9M/128** (According to the Certificate of registration of covered warrant offering No. 673/GCN-UBCK dated November 12, 2026);*
    2. Chứng quyền **HPG/ACBS/9M/129** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền số 674/GCN-UBCK ngày 12/11/2026);
    *Covered Warrant **HPG/ACBS/9M/129** (According to the Certificate of registration of covered warrant offering No. 674/GCN-UBCK dated November 12, 2026);*
    3. Chứng quyền **MBB/ACBS/9M/130** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền số 675/GCN-UBCK ngày 12/11/2026);

*Covered Warrant **MBB/ACBS/9M/130** (According to the Certificate of registration of covered warrant offering No. 675/GCN-UBCK dated November 12, 2026);*

4. Chứng quyền **MSN/ACBS/9M/131** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền số 676/GCN-UBCK ngày 12/11/2026);

   *Covered Warrant **MSN/ACBS/9M/131** (According to the Certificate of registration of covered warrant offering No. 676/ GCN-UBCK dated November 12, 2026);*

5. Chứng quyền **MWG/ACBS/9M/132** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền số 677/GCN-UBCK ngày 12/11/2026);

   *Covered Warrant **MWG/ACBS/9M/132** (According to the Certificate of registration of covered warrant offering No. 677/ GCN-UBCK dated November 12, 2026);*

6. Chứng quyền **STB/ACBS/9M/133** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền số 678/GCN-UBCK ngày 12/11/2026);

   *Covered Warrant **STB/ACBS/9M/133** (According to the Certificate of registration of covered warrant offering No. 678/ GCN-UBCK dated November 12, 2026);*

7. Chứng quyền **TCB/ACBS/9M/134** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền số 679/GCN-UBCK ngày 12/11/2026);

   *Covered Warrant **TCB/ACBS/9M/134** (According to the Certificate of registration of covered warrant offering No. 679/ GCN-UBCK dated November 12, 2026);*

8. Chứng quyền **VIB/ACBS/9M/135** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền số 680/GCN-UBCK ngày 12/11/2026);

   *Covered Warrant **VIB/ACBS/9M/135** (According to the Certificate of registration of covered warrant offering No. 680/ GCN-UBCK dated November 12, 2026);*

9. Chứng quyền **VNM/ACBS/9M/136** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền số 681/GCN-UBCK ngày 12/11/2026);

   *Covered Warrant **VNM/ACBS/9M/136** (According to the Certificate of registration of covered warrant offering No. 681/ GCN-UBCK dated November 12, 2026);*

10. Chứng quyền **VPB/ACBS/9M/137** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền số 682/GCN-UBCK ngày 12/11/2026);

    *Covered Warrant **VPB/ACBS/9M/137** (According to the Certificate of registration of covered warrant offering No. 682/ GCN-UBCK dated November 12, 2026);*

Chi tiết theo file đính kèm/ *Details in attached file.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/11/2026 tại đường dẫn http://acbs.com.vn.

   This information was published on the company's website on November 17, 2026, as in the link http://acbs.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/ *Documents on disclosed information.*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người được UQ CBTT

Person authorized to disclose information

Giám đốc Nhân sự

Chief Human Resources Officer

S.G.P: 06 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CHỨNG KHOÁN
ACB
P. XUÂN HÒA - T.P HỒ CHÍ MINH

Võ Đình Nam

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB ***ACB SECURITIES COMPANY*** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom - Happiness*** ---
Số: 0411.7/CV-ACBS.26 ***Number:*** *0411.7/CV-ACBS.26*	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2026* *Ho Chi Minh City, November 17, 2026*

THÔNG BÁO PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

NOTICE OF COVERED WARRANT ISSUANCE

(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số 678/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/11/2026)

(Certificate of Covered Warrant Issuance No.678/GCN-UBCK approved by Chairman of the State Securities Commission on November 12, 2026)

1. Tên tổ chức phát hành: Công ty TNHH Chứng khoán ACB

   Name of issuing organization: ACB Securities Company

2. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

   Headquarters: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City

3. Số điện thoại/*Tel*: (028) 7300 7000
4. Số Fax/*Fax*: 028 7300 3751
5. Tên, địa chỉ tổ chức bảo lãnh phát hành: Không có

   Name and address of underwriting organization: N/A

6. Thông tin về chứng quyền có bảo đảm đăng ký chào bán:

   Information of covered warrant issued:

   - Tên chứng quyền có bảo đảm: Chứng quyền STB/ACBS/9M/133

     Covered warrant name: Warrant STB/ACBS/9M/133

   - Mã chứng quyền có bảo đảm (trường hợp thông báo phát hành bổ sung): Không có
   - *Covered warrant code (in case of additional issuance of existing warrant): N/A*
   - Tên (mã) chứng khoán cơ sở: STB

     Underlying Security Code: STB

   - Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Tài Lộc

     Underlying Security Issuer: Saigon Treasure Commercial Joint Stock Bank

   - Loại chứng quyền: Mua

     Warrant type: Call

   - Kiểu chứng quyền: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn

- *Exercise type: A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date*
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
  Settlement type: Cash settlement
- Thời hạn: 9 tháng
  Term: 9 months
- Ngày đáo hạn: 19/08/2027
  Maturity date: 19 August, 2027
- Tỷ lệ chuyển đổi: 11:1
  Conversion ratio: 11:1
- Giá thực hiện (chỉ số thực hiện): 71.000 đồng
  Exercise price: 71,000 dong
- Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: 9.600.000.000 đồng
  The value of the collateral for payment security obligation: 9,600,000,000 dong

7. Số lượng đăng ký chào bán: 16.000.000 chứng quyền
   Total offering number: 16,000,000 warrants
8. Giá chào bán: 1.200 đồng/chứng quyền
   Offering price: 1,200 dong per warrant
9. Số lượng chứng quyền có bảo đảm đã phát hành *(trường hợp thông báo phát hành bổ sung)*: Không có
   Number of already issued covered warrant (in case of additional issuance of existing warrant): N/A
10. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: Tối thiểu 1.000 chứng quyền đến tối đa 500.000 chứng quyền phân phối cho mỗi nhà đầu tư đăng ký mua, và là bội số của 100
    Bidding volume per investor: From a minimum of 1,000 warrants to a maximum of 500,000 warrants allocated to each bidding investor, and in multiples of 100
11. Thời gian nhận đăng ký mua: Từ 08:00 ngày 19/11/2026 đến 17:00 ngày 23/11/2026
    Timeline for purchase registration: From 08:00 19 November, 2026 to 17:00 23 November, 2026
12. Địa điểm nhận đăng ký mua chứng quyền và công bố Bản cáo bạch:
    - Nhà đầu tư thực hiện đăng ký mua thông qua kênh online:
      - Tại web SMART.acbs.com.vn
      - Qua ứng dụng ACBS SMART
    - Bản cáo bạch đã được UBCKNN chấp thuận, nhà đầu tư tham khảo tại website của ACBS theo đường dẫn www.acbs.com.vn

    Place for warrants purchase registration and Prospectus:

- *Investors can register to purchase warrants according to the instructions at:*
  - *Website: SMART.acbs.com.vn*
  - *ACBS SMART app*
- *For the Prospectus of the warrants approved by SSC, please visit website at: www.acbs.com.vn*

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm:
    - Chủ tài khoản: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB
    - Số tài khoản: 8640138465 tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

    Bank where the escrow account for covered warrant opened:
    - *Account holder: ACB SECURITIES COMPANY*
    - *Account No.: 8640138465 at BIDV – Nam Ky Khoi Nghia Branch*
14. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư:

    Commitment to fulfill issuer's obligations to warrant holders:

    Công ty cam kết thực hiện tất cả các nghĩa vụ liên quan của tổ chức phát hành đối với người sở hữu chứng quyền như đã công bố theo bản cáo bạch và quy định của pháp luật liên quan

    We undertake to perform all relevant obligations of an issuer to the warrant holders in accordance with the specified terms in the prospectus and relevant laws and regulations.

TUQ. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

BY AUTHORIZATION OF THE CHAIRMAN OF THE MEMBERS' COUNCIL

Phó Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Deputy Chief Financial Officer and Chief Accountant

S.G.P: 06 - C.T.T.N.H.H CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN ACB P.XUÂN HÒA - T.P HỒ CHÍ MINH

Võ Văn Vân

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm chỉ có nghĩa là hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền của tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của tổ chức phát hành.

Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro từ trang 04 trong Bản cáo bạch này và chú ý đến các khoản phí, lệ phí, thuế khi giao dịch chứng quyền có đảm bảo.

Giá giao dịch chứng quyền có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành và các chứng quyền phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho nhà đầu tư.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

(Giấy phép hoạt động số: 06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 06 năm 2000

Giấy phép điều chỉnh số: 117/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 10 năm 2026)

ACBS

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm số 678.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12./.11./2026)

Chứng quyền STB/ACBS/9M/133

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày thông báo phát hành tại:

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. HCM

Điện thoại: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751

Website: www.acbs.com.vn Email: acbs@acbs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông: Võ Đình Nam Chức vụ: Giám đốc nhân sự

Điện thoại: (028) 7300 7000

TP. Hồ Chí Minh, Tháng 10 năm 2026

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 4
1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền 4
2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền 5
3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở 6
4. Các rủi ro khác 6
4.1. Rủi ro về kinh tế 6
4.2. Rủi ro về luật pháp 7
4.3. Rủi ro chính trị 7
4.4. Rủi ro về thuế khi thực hiện quyền 7
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .. 8
1. Tổ chức phát hành 8
2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, tổ chức tư vấn: 8
III. CÁC KHÁI NIỆM 8
IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ 10
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam 10
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư 11
3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền 12
V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM 13
1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm 13
1.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 13
1.2. Cơ cấu tổ chức Công ty 16
1.3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty 19
1.4. Danh sách thành viên góp vốn (tên, địa chỉ, tỷ lệ nắm giữ) nắm giữ từ 5% trở lên vốn góp của công ty và những người có liên quan; Danh sách thành viên sáng lập và tỷ lệ vốn góp nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực) 24
1.5. Danh sáchNgười có liên quan của Công ty: 24
1.6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành 25
1.7. Thông tin về ban điều hành tổ chức phát hành 25
1.8. Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền: kinh nghiệm, chuyên môn, uy tín, năng lực 28
2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành 28

2.1. Tổng hợp tình hình hoạt động của tổ chức phát hành 28
2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm 2024 – 2025 và Quý 3/2026 31
2.3. Các chứng quyền mà công ty đã phát hành: 31
3. Tình hình tài chính 40
3.1. Thanh toán các khoản nợ đến hạn 40
3.2. Các khoản phải nộp theo luật định 40
3.3. Tổng dư nợ vay 40
3.4. Tình hình công nợ hiện nay (tổng nợ phải thu, tổng nợ phải trả) 40
3.5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 40
VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM 42
1. Thông tin chung về chứng quyền 42
1.1. Thông tin về chứng quyền phát hành 42
1.2. Thông tin về các đợt phát hành chứng quyền cùng loại trước đó (đối với trường hợp chào bán bổ sung): Không có 43
2. Thông tin về chứng khoán cơ sở và tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở 43
2,1. Thông tin về chứng khoán cơ sở 43
2,2. Thông tin về tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: 44
3. Thời gian phân phối chứng quyền 46
4. Đăng ký mua chứng quyền 47
5. Hủy bỏ chào bán chứng quyền có bảo đảm 48
6. Thực hiện chứng quyền 48
6.1. Chứng quyền khi đến ngày đáo hạn, việc thanh toán sẽ được thực hiện như sau (với giả định ngày T là ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời là ngày đáo hạn và T được tính theo ngày làm việc): 48
6.2. Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán: 51
7. Quyền của người sở hữu chứng quyền 51
8. Điều chỉnh chứng quyền 51
9. Các khoản phí, lệ phí, thuế phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền 52
10. Hoạt động tạo lập thị trường 54
VII. PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM THANH TOÁN CHO NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM 55
1. Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền được bảo đảm bằng các nguồn tài sản sau: 55
1.1. Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh; 55
1.2. Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký; 55
1.3. Bảo lãnh thanh toán hoặc tài sản khác (nếu có). 55
2. Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có

bảo đảm một phần 55
VIII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM 55
1. Quy trình quản trị rủi ro 55
1.1. Vai trò của nhà quản lý cấp cao trong việc theo dõi quản trị rủi ro, bao gồm vai trò của các Phòng ban liên quan 55
1.2. Quy trình quản trị rủi ro 57
2. Phương án phòng ngừa rủi ro 61
2.1. Mục đích phòng ngừa rủi ro 61
2.2. Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro 61
2.3. Nguyên tắc thực hiện tổng quát 62
3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền: 65
IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN 74
1. Tổ chức kiểm toán 74
2. Ngân hàng lưu ký 74
3. Tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành, tổ chức tư vấn 74
X. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH 74
XI. CAM KẾT 75
XII. GIỚI THIỆU CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN 75
XIII. PHỤ LỤC 76

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư cần đọc Bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có bảo đảm (sau đây gọi tắt là chứng quyền), các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền.

Chứng quyền là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu chứng quyền không nên hiểu việc phát hành chứng quyền như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có chứng khoán cơ sở hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo Bản cáo bạch này.

1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền

- Rủi ro từ giao dịch của tổ chức phát hành: Tổ chức phát hành luôn có thể mua lại chứng quyền trên thị trường và chứng quyền này có thể được nắm giữ hoặc bị hủy hoặc bán lại. Tổ chức phát hành có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá chứng quyền.
- Rủi ro thanh toán: Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong quá trình phát hành chứng quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khắt khe về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.
- Rủi ro chứng quyền bị hủy niêm yết: Chứng quyền sẽ bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc theo các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Do đó tồn tại rủi ro chứng quyền bị hủy trước ngày đáo hạn. Các trường hợp quy định cụ thể như sau:
  a. Chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán;
  b. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; hoặc khi phát hiện tổ chức phát hành không ký quỹ bảo đảm thanh toán hoặc không có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng;

c. Tổ chức phát hành vi phạm nghĩa vụ phòng ngừa rủi ro hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ tạo lập thị trường dẫn đến bị chấm dứt hoạt động tạo lập thị trường theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;

d. Các chứng quyền đã được hoàn tất việc thực hiện quyền hoặc đã đáo hạn;

e. Tổ chức niêm yết bị thu hồi Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành.

- Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của tổ chức phát hành: Người sở hữu chứng quyền nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong Bản cáo bạch này và có thể ảnh hưởng đến giá chứng quyền. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan tới quyền lợi của người sở hữu chứng quyền, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới chứng quyền mà chúng tôi cho rằng phù hợp. Tổ chức phát hành cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cẩn trọng. Nếu các bên liên quan đến các nghĩa vụ với tổ chức phát hành không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới chứng quyền.
- Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi: Tổ chức phát hành tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu chứng quyền. Tổ chức phát hành luôn có thể phát hành và niêm yết các chứng quyền khác có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng quyền này.

2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền

- Rủi ro đầu tư chung: Người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá chứng quyền và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cẩn trọng. Chứng quyền là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào chứng quyền không tương đương với một khoản đầu tư vào tài sản cơ sở. Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào chứng quyền liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của tài sản cơ sở, sự thay đổi giá của chứng quyền đối với sự thay đổi giá tài sản cơ sở có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của chứng quyền có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào tài sản cơ sở.
- Rủi ro do thời gian đáo hạn của chứng quyền: Do chứng quyền có thời gian đáo hạn nên giá của chứng quyền có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của chứng quyền sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua chứng quyền. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào chứng quyền, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của chứng quyền.
- Rủi ro về giá: Là rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền. Sự thay đổi giá của chứng quyền phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến độ giá chứng khoán cơ sở, thời gian còn hiệu lực của chứng quyền, lãi suất, cổ tức của chứng khoán cơ sở... trong đó,

yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, giá của chứng quyền còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về chứng quyền. Mặc dù tổ chức phát hành thường phát hành khối lượng chứng quyền theo khối lượng đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tuy nhiên, tổ chức phát hành vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng chứng quyền thông qua phương thức phát hành bổ sung, miễn là hạn mức phát hành chứng quyền đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc phát hành bổ sung có thể ảnh hưởng đến giá của chứng quyền.

- Rủi ro từ tính đòn bẩy: Đầu tư vào chứng quyền chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của chứng quyền khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của chứng quyền trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của chứng khoán cơ sở, vì vậy nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán chứng quyền tại mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với chứng quyền đó. Thanh khoản của chứng quyền phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động tạo lập thị trường của tổ chức phát hành. Mặc dù tổ chức phát hành cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường chứng quyền, tổ chức phát hành không cam kết thị trường giao dịch của chứng quyền sẽ sôi động.
- Nhà đầu tư sở hữu chứng quyền không có quyền lợi như cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở, bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở

Một số sự kiện xảy ra (bao gồm phát hành cổ phiếu thưởng hoặc phân phối tiền bởi Công ty, chia nhỏ hoặc hợp nhất chứng khoán cơ sở hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới Công ty) có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh các điều khoản của chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan tới chứng khoán cơ sở. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh chứng quyền sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Các rủi ro khác

4.1. Rủi ro về kinh tế

Trong nền kinh tế thị trường, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung luôn gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Sự tăng trưởng của nền kinh tế sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế toàn cầu, các doanh nghiệp sẽ gặp không ít thách thức do phải đối mặt với áp lực cạnh tranh, thâm nhập và mở rộng thị trường mới. Triển vọng phát triển kinh tế luôn chịu tác động của nhiều yếu tố biến động khó dự báo mà khi xảy ra sẽ nhanh chóng tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Điều này sẽ ảnh hưởng gián tiếp đến sự phát triển của thị trường chứng khoán nói chung và sự phát triển của các sản phẩm chứng quyền nói riêng.

4.2. Rủi ro về luật pháp

Hiện nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam đã và đang hoàn thiện, luôn được thay đổi để phù hợp với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, xã hội. Do vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhịp với sự vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới. Để hạn chế những tác động của rủi ro liên quan đến luật pháp, các doanh nghiệp cũng như ACBS sẽ luôn chủ động, thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật để có những điều chỉnh phù hợp trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Hoạt động theo hình thức Công ty TNHH, ACBS chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Các văn bản pháp luật này nếu có sự thay đổi thì sẽ ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.

4.3. Rủi ro chính trị

Những sự kiện chính trị, những thay đổi trong việc điều hành chính sách của Nhà nước, Chính phủ sẽ luôn ảnh hưởng đến nền kinh tế và từ đó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

4.4. Rủi ro về thuế khi thực hiện quyền

Theo quy định của pháp luật về thuế khi thực hiện quyền đối với chứng quyền đáo hạn trong trạng thái có lãi, nhà đầu tư có thể gặp phải rủi ro khi tiền thuế mà nhà đầu tư phải nộp có thể nhiều hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được. Do đó, nhà đầu tư cần cân nhắc những vấn đề này trong quá trình đầu tư của mình.

Hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành cũng như sự kỳ vọng của những nhà đầu tư có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro bất khả kháng khác như: rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, hay sự ảnh hưởng bởi những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, v.v... Điều này, không những ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành, mà còn ảnh hưởng đến tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp làm ảnh hưởng đến giá của các sản phẩm chứng quyền.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS).

Ông: **Đỗ Minh Toàn**	Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng thành viên.**
Ông: **Nguyễn Đức Hoàn**	Chức vụ: **Tổng Giám đốc.**
Ông: **Võ Văn Vân**	Chức vụ: **Phó Giám đốc tài chính kiêm Kế Toán Trưởng.**
Ông: **Huỳnh Hiếu Nghĩa**	Chức vụ: **Kiểm soát viên.**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, tổ chức tư vấn:

Không có.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- **ACBS; Tổ chức phát hành**: Công ty TNHH Chứng Khoán ACB.
- **UBCKNN**: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- **SGDCK**: Sở Giao dịch Chứng khoán.
- **HOSE**: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- **HNX**: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- **VSDC**: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở**: là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **TNHH**: Trách nhiệm hữu hạn.
- **MTV**: Một thành viên.
- **CTCP**: Công ty Cổ phần.
- **VNĐ**: Việt Nam đồng.
- **CBCNV:** Cán bộ công nhân viên.
- **SVCK:** So với cùng kỳ.
- **DN:** Doanh nghiệp.
- **XNK:** Xuất nhập khẩu.

- **NSNN:** Ngân sách Nhà nước.
- **Chứng quyền có bảo đảm**: là loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá thanh toán tại thời điểm thực hiện.
- **Chứng quyền mua:** là loại chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá thanh toán cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện.
- **Chứng khoán cơ sở (CKCS)**: là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng quyền** (sau đây gọi tắt là tổ chức phát hành, hoặc TCPH): là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền.
- **Ngân hàng lưu ký**: là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.
- **Người sở hữu chứng quyền**: là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.
- **Giá thực hiện**: là mức giá được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.
- **Tỷ lệ chuyển đổi**: cho biết số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở. Tỷ lệ chuyển đổi được làm tròn đến bốn chữ số thập phân sau dấu phẩy.
- **Ngày đáo hạn**: là ngày mà người sở hữu chứng quyền thực hiện chứng quyền và tổ chức phát hành phải thanh toán đối với chứng quyền có lãi.
- **Chứng quyền đang lưu hành**: là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.
- **Chứng quyền chưa lưu hành**: là chứng quyền đã phát hành nhưng chưa được sở hữu bởi nhà đầu tư.
- **Vị thế mở chứng quyền của tổ chức phát hành**: bao gồm tất cả các chứng quyền đang lưu hành chưa được thực hiện.
- **Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết**: là số lượng chứng khoán cơ sở dự kiến cần phải nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền xác định theo phương án phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành.

- **Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế**: là vị thế được xác định bằng số lượng chứng khoán cơ sở thực có, số lượng chứng khoán cơ sở chờ về trên tài khoản tự doanh được dùng cho mục đích phòng ngừa rủi ro, số lượng chứng khoán phát sinh do thực hiện quyền (trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu) từ chứng khoán thực có trên tài khoản tự doanh được dùng cho mục đích phòng ngừa rủi ro và số lượng chứng khoán quy đổi trong trường hợp tổ chức phát hành sử dụng chứng khoán phòng ngừa rủi ro là chứng khoán có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền. Chứng khoán có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền bao gồm chứng khoán thực có trên tài khoản tự doanh và chứng khoán chờ về tài khoản tự doanh.
- **Chứng quyền có lãi (ITM):** là chứng quyền mua có giá thực hiện thấp hơn giá thanh toán.
- **Chứng quyền lỗ (OTM):** là chứng quyền mua có giá thực hiện cao hơn giá thanh toán.
- **Chứng quyền hòa vốn (ATM):** là chứng quyền mua có giá thực hiện bằng giá thanh toán.
- **Delta; Hệ số phòng ngừa rủi ro Delta:** là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở, được tính dựa trên công thức Black Scholes.

  Công thức tính Delta:

$$Delta = \frac{\textit{Mức độ thay đổi giá chứng quyền}}{\textit{Mức độ thay đổi giá chứng khoán cơ sở}}$$

- **Công thức Black Scholes**: là một công thức toán học ứng dụng để định giá các công cụ tài chính mà tiêu biểu là quyền chọn kiểu châu Âu, với giả định giá của các công cụ này sẽ tuân theo phân phối chuẩn.
- **Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền**: là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.

IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Số liệu tháng 9 củng cố bối cảnh vĩ mô của tháng 8 về vai trò dẫn dắt tăng trưởng của sản xuất và đầu tư. GDP quý III tăng 9,95% YoY , đưa tăng trưởng chín tháng lên 9,01% . Đầu tư công và FDI thực hiện tiếp tục hỗ trợ hoạt động xây dựng, lắp đặt thiết bị và hoạt động công nghiệp, trong khi tiêu dùng phục hồi chậm hơn.

- **Cán cân thương mại chuyển sang xuất siêu 1,27 tỷ USD trong tháng 9 sau khi nhập siêu thu hẹp mạnh trong tháng 8.** Điện tử, máy móc và điện thoại đóng góp 77,7% phần tăng kim ngạch xuất khẩu chín tháng ; dệt may và giày dép tăng chậm. PMI giảm từ 53,3 xuống 51,9 điểm,

với đơn hàng xuất khẩu và việc làm tiếp tục giảm, cho thấy các doanh nghiệp chưa cùng hưởng lợi từđà tăng sản lượng.

- **Hoạt động tiêu dùng ghi nhận tín hiệu tích cực khi doanh số bán lẻ sau khi loại bỏ tác động của lạm phát đạt mức tăng trưởng 7,8% trong 9T2026,** so với 7,2% cùng kỳ năm trước. T rong đó, tăng trưởng trong thu nhập lao động và lượng khách quốc tế đồng thời thúc đẩy chi tiêu dịch vụ. Tuy vậy, tuyển dụng yếu trong ngành sản xuất tiếp tục hạn chế triển vọng tăng thu nhập và sức mua hộ gia đình.

- **Áp lực giá nhiên liệu kéo dài sang tháng 9,** đẩy CPI tăng 0,62% MoM; CPI cơ bản vẫn chỉ tăng 0,11% . Việc gia hạn ưu đãi thuế nhiên liệu đến hết tháng 12 đã loại bỏ rủi ro kết thúc sự hỗ trợ về chính sách thuế mà chúng tôi đã đề cập ở kỳ báo cáo gần nhất. Trong khi đó, giá nhiên liệu quốc tế vẫn là nguồn gây áp lực lên chi phí vận tải và sản xuất.Chi phí vốn cao vẫn hạn chế dư địa giảm lãi suất cho vay. Lãi suất phát hành trái phiếu ngân hàng trong quý III tăng lên 8,84% , trong khi quy mô phát hành chín tháng giảm 27,8% . Thông tư 50, Thông tư 138 và Quy ết định 1809 tiếp tục điều chỉnh cơ chế huy động, cấp tín dụng và tiếp cận vốn; triển vọng giảm chi phí vay còn phụ thuộc vào nguồn vốn ổn định của ngân hang.

- **Chi phí vốn cao vẫn hạn chế dư địa giảm lãi suất cho vay**. Lãi suất phát hành trái phiếu ngân hàng trong quý III tăng lên 8,84% , trong khi quy mô phát hành chín tháng giảm 27,8% . Thông tư 50, Thông tư 138 và Quy ết định 1809 tiếp tục điều chỉnh cơ chế huy động, cấp tín dụng và tiếp cận vốn; triển vọng giảm chi phí vay còn phụ thuộc vào nguồn vốn ổn định của ngân hàng

(Nguồn: Cục Thống kê – Bộ Tài chính, S&P Global, ACBS tổng hợp)

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

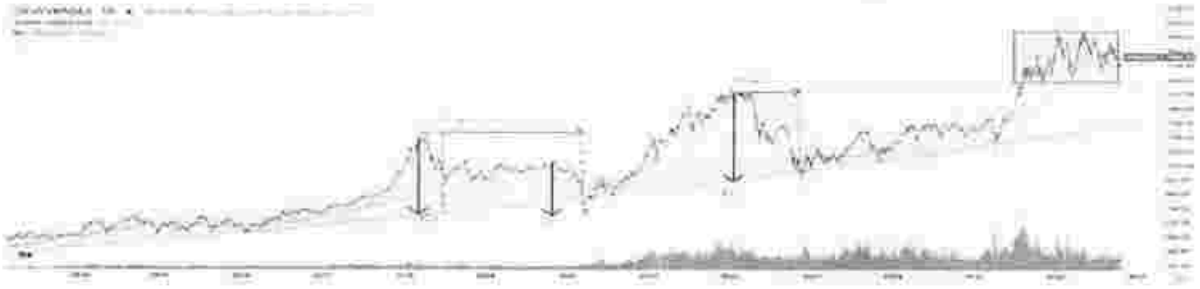
Xét xu hướng giá, kết thúc tháng 9/2026, VN-Index ghi nhận diễn biến điều chỉnh sau giai đoạn hồi phục trong tháng 8 về tiệm cận vùng kháng cự thiết lập trong năm 2026. Chỉ số tiếp tục dao động quanh các vùng hỗ trợ kỹ thuật quan trọng, trong khi nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn và ngân hàng có sự phân hóa, khiến động lực phục hồi của thị trường chưa thực sự rõ nét.

Về mặt định giá, P/E của VN-Index ở mức 12,x và VN30 khoảng 12,x. Mặt bằng định giá hiện tại vẫn tương đối hấp dẫn khi đặt trong bối cảnh triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam duy trì tích cực, cùng kỳ vọng nâng hạng thị trường và cải thiện kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết.

Xét về yếu tố thanh khoản, giá trị giao dịch bình quân tháng 9/2026 trên VN-Index đạt khoảng 15,3 nghìn tỷ đồng/phiên, giảm so với mức 19,3 nghìn tỷ đồng/phiên của tháng 8 và thấp hơn đáng

kể so với mức bình quân 26,5 nghìn tỷ đồng/phiên của năm 2025

Hình. VNIndex đang điều chỉnh giá về dưới vùng MA200 để kiểm nghiệm xu hướng mới



(Nguồn: Fireant.vn, ACBS tổng hợp)

3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền

Chứng quyền có bảo đảm là một sản phẩm được phát hành bởi công ty chứng khoán, được niêm yết và giao dịch trên HOSE. Sản phẩm này mang lại cho nhà đầu tư công cụ phòng hộ rủi ro, cũng như đa dạng hóa và gia tăng hiệu quả cho danh mục đầu tư khi thị trường chứng khoán có biến động mạnh. Với tác động đòn bẩy cao, đây là cơ hội cho các nhà đầu tư với số vốn nhỏ có thể tiếp cận được cổ phiếu của các doanh nghiệp tốt trên thị trường thông qua sản phẩm chứng quyền. Khi có một sự thay đổi nhỏ về giá của chứng khoán cơ sở có thể dẫn đến sự thay đổi lớn hơn về giá của chứng quyền.

Giá chứng quyền phụ thuộc nhiều vào giá chứng khoán cơ sở, diễn biến chung của thị trường và một số yếu tố khác. Khi đầu tư vào chứng quyền mua, lợi nhuận có thể thu được là không hạn chế trong trường hợp biến động giá của chứng khoán cơ sở theo xu hướng tăng như kỳ vọng. Trong khi đó, khoản lỗ tối đa được cố định trong trường hợp biến động giá của chứng khoán cơ sở theo xu hướng không như dự đoán và khoản lỗ đó cũng chính là chi phí mua chứng quyền mua của nhà đầu tư.

Thời gian và phương thức giao dịch chứng quyền được thực hiện một cách dễ dàng và thuận lợi tương tự như chứng khoán cơ sở đang giao dịch trên HOSE. Nhà đầu tư không cần phải mở tài khoản giao dịch khác để đầu tư vào chứng quyền. Ngoài ra, các tổ chức phát hành phải thực hiện nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành theo quy định cũng góp phần đảm bảo thanh khoản và thu hút nhiều nhà đầu tư quan tâm.

Đối với các nhà đầu tư nước ngoài, chứng quyền là một sản phẩm đầu tư hấp dẫn bởi không giới hạn tỷ lệ đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài như khi đầu tư vào chứng khoán cơ sở. Qua đó, thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung và chứng quyền nói riêng sẽ thu hút các tổ chức tài chính quốc tế, tạo sân chơi rộng hơn cho các nhà đầu tư, thể hiện sự chuyên nghiệp của thị trường.

Tuy nhiên, do chứng quyền là một loại chứng khoán có những yếu tố đặc thù riêng biệt, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư cần nghiên cứu, tìm hiểu kỹ trước khi ra quyết định đầu tư nhằm giảm thiểu những rủi ro và tổn thất có thể xảy ra

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

1.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) được thành lập theo giấy phép hoạt động kinh doanh số 06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/06/2000. Hội sở chính đặt tại: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh. Vốn điều lệ hiện nay của ACBS là **13.000** tỷ đồng.

Năm 2000: Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp phép hoạt động số 06/GPHĐKD ngày 29/6/2000 cho Công ty TNHH Chứng khoán ACB thành lập với 100% vốn chủ sở hữu của Ngân hàng TMCP Á Châu. Vốn điều lệ ban đầu là 43 tỷ đồng (Bốn mươi ba tỷ đồng). Từ ngày đầu hoạt động, ACBS đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo luật định: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Năm 2005: ACBS thay đổi vốn điều lệ lần thứ nhất, tăng lên 100 tỷ đồng (Một trăm tỷ đồng).

Năm 2006: Tháng 05/2006, vốn điều lệ tăng lần hai lá 250 tỷ đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng).

Năm 2007: Tháng 09/2007, thay đổi vốn điều lệ lần ba, tăng thành 500 tỷ đồng (Năm trăm tỷ đồng). Ra mắt và chính thức đưa vào sử dụng hệ thống giao dịch trực tuyến, cho phép giao dịch qua Internet với phương thức bảo mật bằng Chứng chỉ số.

Năm 2008: Ngày 14/01/2008, ACBS tăng vốn lần thứ tư, vốn điều lệ lúc này là 1.000 tỷ đồng (Một nghìn tỷ đồng). Đồng thời, nghiệp vụ Quản lý Danh mục đầu tư được hủy bỏ theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Năm 2009: Ngày 04/11/2009, ACBS tăng vốn điều lệ lần thứ năm, 1.500 tỷ đồng. (Một nghìn năm trăm tỷ đồng). Định vị thương hiệu với giá trị cốt lõi: An toàn, Chính xác, Bảo mật, Sáng tạo.

Năm 2010: Đưa vào sử dụng dịch vụ giao dịch qua Tổng đài điện thoại 1900 5555533. Chuyển đổi phương thức bảo mật từ Chứng chỉ số USB Token cho các giao dịch qua Internet.

Năm 2011: ACBS vinh hạnh được Tạp chí Asiamoney trao tặng nhiều danh hiệu xuất sắc như:

Chất lượng dịch vụ khách hàng tốt nhất; Thực hiện giao dịch tốt nhất; Tổ chức sự kiện và hội thảo tốt nhất; Tổ chức giới thiệu cơ hội đầu tư và gặp gỡ doanh nghiệp tốt nhất; Chuyên viên môi giới xuất sắc nhất.

Năm 2012: ACBS đã chính thức triển khai giải pháp kết nối điện SWIFT với các ngân hàng lưu ký nước ngoài. Đứng hạng 3 về thị phần môi giới trên cả hai sàn HOSE và HNX.

Năm 2013: Đưa vào sử dụng phần mềm giao dịch ACBS Trading cho thiết bị di động dùng hệ điều hành iOS.

Năm 2014: Ngày 13/06/2014, ACBS chuyển đổi trụ sở chính đến 41 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 01, TP.HCM. Thay đổi giá trị cốt lõi: Chính trực, Hiệu quả, Hài hòa, Cẩn trọng, Cách tân.

Năm 2015: Chính thức vận hành hệ thống giao dịch mới hiện đại, an toàn, bảo mật hơn. Ra mắt phần mềm giao dịch ACBS Trading cho máy tính bản, máy tính xách tay và các thiết bị di động sử dụng hệ điều hành Android. Được vinh danh trong top 10 các Công ty Chứng khoán tiêu biểu của Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

Năm 2016: Ngày 06/01/2016, ra mắt và chính thức đưa vào sử dụng hệ thống nhận diện thương hiệu mới trên nền tảng những giá trị cốt lõi "Đáng tin cậy – Thân thiện – Nhạy bén". Ngày 22/04/2016, khai trương phòng giao dịch Bàu Cát; Nâng cao thành công hệ thống giao dịch mới hiện đại, nhanh gọn, an toàn, bảo mật hơn; Là 1 trong 4 Công ty Chứng khoán được UBND Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh và trao tặng bằng khen do có hoạt động xuất sắc nhiều năm liền.

Năm 2017: Ra mắt ứng dụng ACBS trade giúp giao dịch chứng khoán trực tuyến trên iOS và Android; Tổ chức Cuộc thi "TRADE PRO 2017" dành cho sinh viên yêu thích chứng khoán thuộc ngành kinh tế – tài chính, chứng khoán hoặc ngân hàng trên địa bàn TP.HCM. ACBS được vinh danh trong top 10 các Công ty Chứng khoán thành viên tiêu biểu; Ra mắt chương trình Top Trader – Nhà đầu tư tài năng.

Năm 2018: Tiếp tục tổ chức cuộc thi ACBS Trade Pro dành cho sinh viên yêu thích chứng khoán thuộc ngành kinh tế – tài chính, chứng khoán hoặc ngân hàng trên địa bàn TP.HCM. Kỷ niệm 18 năm thành lập Công ty TNHH Chứng khoán ACB. Được vinh danh Top 10 công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu của HNX và HSX.

Năm 2019: Ngày 20/5 ACBS ký thỏa thuận hợp tác với EFG Hermes. Chi nhánh Chợ Lớn được thay đổi địa điểm hoạt động về địa chỉ 321 – 323 Trần Phú, Phường 08, Quận 05, TP.HCM.

Năm 2020: Công ty lần đầu tiên phát hành chứng quyền có bảo đảm và đạt thành công rực rỡ

với lượng đăng ký đặt mua đạt hơn 50% trong đợt IPO đầu tiên.

Năm 2021: ACBS tăng vốn điều lệ lên thành 3.000 tỷ đồng (Ba nghìn tỷ đồng). Ra mắt dịch vụ mở tài khoản chứng khoán trực tuyến S-eyes sử dụng công nghệ định danh điện tử eKYC.

Năm 2022: ACBS chuyển Trụ sở chính về địa chỉ Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM. Nâng cấp hoàn toàn ứng dụng giao dịch qua điện thoại di động ACBS SMART với giao diện hiện đại và bắt kịp xu hướng.

Năm 2023: ACBS tăng vốn điều lệ lên thành 4.000 tỷ đồng (Bốn nghìn tỷ đồng), đồng thời ACBS mở thêm Chi nhánh Mạc Đĩnh Chi và Chi nhánh Đông Sài Gòn. Được vinh danh là Thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2023 bởi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).

Năm 2024: ACBS tăng vốn điều lệ lên thành 7.000 tỷ đồng (Bảy nghìn tỷ đồng). Triển khai thành công hệ thống giao dịch chứng khoán mới (core giao dịch); Được vinh danh là Top 10 công ty uy tín ngành tài chính năm 2024 do Vietnam Report và báo Vietnamnet bình chọn; Đoạt giải Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á, cấp bởi tổ chức APEA.

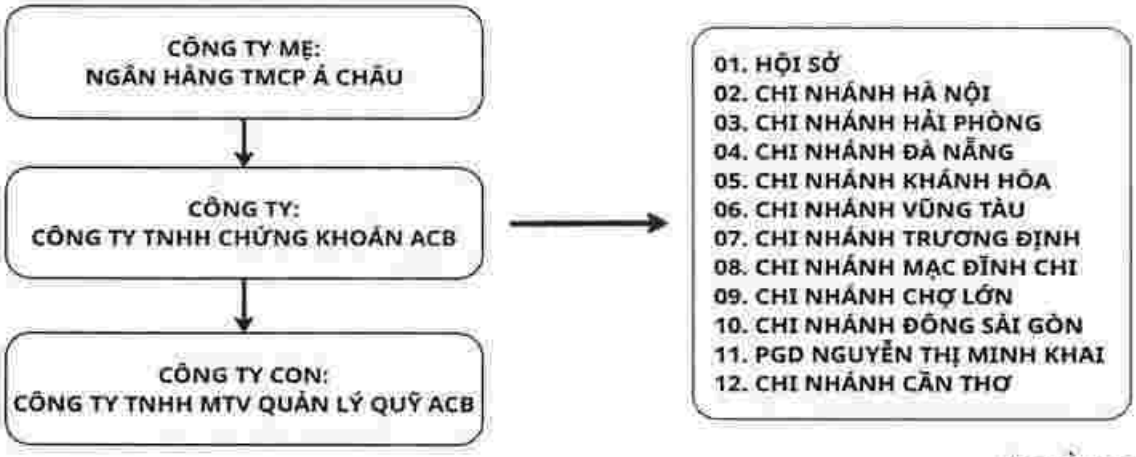
Năm 2025: ACBS tăng vốn điều lệ lên thành 10.000 tỷ đồng (mười nghìn tỷ đồng) vào tháng 01 năm 2025 và tiếp tục tăng thêm 1.000 tỷ đồng (một nghìn tỷ đồng), đạt mốc 11.000 tỷ đồng (mười một nghìn tỷ đồng) vào tháng 04 năm 2025. Công ty đã đạt được các giải thưởng như Doanh Nghiệp Phát Triển Nhanh và Doanh Nghiệp xuất sắc Châu Á do APEA công nhận; Sản phẩm Chuyển đổi số tiêu biểu do Cộng đồng Cố vấn Tài chính Việt Nam (VWA) và Báo Đầu Tư công nhận; Top 10 Công ty Uy tín Ngành Tài chính do Vietnam Report công nhận.

Năm 2026: ACBS tăng vốn điều lệ lên thành 13.000 tỷ đồng (Mười ba nghìn tỷ đồng) vào tháng 10 năm 2026.

- ***Thành tích, giải thưởng đạt được***



1.2. Cơ cấu tổ chức Công ty



(Nguồn: ACBS)

- **Công ty mẹ: Ngân hàng TMCP Á Châu**

Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP.HCM.

Điện thoại: (028) 3929 0999. Fax: (028) 3839 9885.

Vốn điều lệ: 58.044 tỷ đồng.

- **Công ty: Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP.HCM.

Điện thoại: (028) 7300 7000. Fax: (028) 7300 3751

Vốn điều lệ: 13.000 tỷ đồng do Ngân hàng TMCP Á Châu sở hữu 100%.

- **Công ty con: Công ty TNHH MTV quản lý quỹ ACB**

Địa chỉ: 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP.HCM.

Điện thoại: (028) 6290 5989.

Vốn điều lệ: 1.050 tỷ đồng do Công ty TNHH Chứng khoán ACB sở hữu 100%

Thông tin về chi nhánh, phòng giao dịch của Tổ chức Phát hành

- Hội sở
  - ✓ Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hoà, TP. HCM
  - ✓ Số điện thoại: (028) 7300 7000
  - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 29/06/2000
  - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508

- Chi Nhánh Hà Nội
  - ✓ Địa chỉ: Số 10 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Hà Nội
  - ✓ Số điện thoại: (024) 3942 9395
  - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 04/01/2002
  - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-001
- Chi Nhánh Hải Phòng
  - ✓ Địa chỉ: Tầng 3 số 15 Hoàng Diệu, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng
  - ✓ Số điện thoại: (022) 5356 9998
  - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 09/10/2007
  - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-002
- Chi Nhánh Đà Nẵng
  - ✓ Địa chỉ: Số 218 Bạch Đằng, Phường Hải Châu, Đà Nẵng
  - ✓ Số điện thoại: (023) 6384 3444
  - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 21/04/2010
  - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-006
- Chi Nhánh Khánh Hòa
  - ✓ Địa chỉ: Số 80 Quang Trung, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
  - ✓ Số điện thoại: (025) 8352 2762
  - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 19/04/2010
  - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-007
- Chi Nhánh Vũng Tàu
  - ✓ Địa chỉ: Số 111 Hoàng Hoa Thám (Lầu 2 Lô A3-A8), Phường Vũng Tàu, TP.HCM
  - ✓ Số điện thoại: (025) 4359 7104
  - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 21/04/2010
  - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-005
- Chi nhánh Trương Định
  - ✓ Địa chỉ: Số 107N Trương Định, Phường Xuân Hoà, TP.HCM
  - ✓ Số điện thoại: (028) 5404 3054

✓ Ngày đăng ký lần đầu: 03/11/2008

✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-012

- Chi nhánh Mạc Đĩnh Chi

✓ Địa chỉ: 41 Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, TP.HCM

✓ Số điện thoại: (028) 3823 4160

✓ Ngày đăng ký lần đầu: 27/01/2023

✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-014

- Chi nhánh Chợ Lớn

✓ Địa chỉ: Số 321 - 323 Trần Phú, Phường An Đông, TP.HCM

✓ Số điện thoại: (028) 3969 5548

✓ Ngày đăng ký lần đầu: 15/04/2010

✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-011

- Chi nhánh Đông Sài Gòn

✓ Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà số 53-55 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM

✓ Số điện thoại: (028) 7301 7933

✓ Ngày đăng ký lần đầu: 08/11/2023

✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-015

- Phòng Giao Dịch Nguyễn Thị Minh Khai

✓ Địa chỉ: Số 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP.HCM

✓ Số điện thoại: (028) 7303 1568

✓ Quyết định về việc chấp thuận lập phòng giao dịch công ty chứng khoán: số 232/QĐ-UBCK ngày 14/04/2010 (Phòng giao dịch Nguyễn Thị Minh Khai là điểm giao dịch trực thuộc Trụ sở chính, không đăng ký hoạt động với tư cách đơn vị phụ thuộc độc lập, không có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động riêng).

- Chi Nhánh Cần Thơ

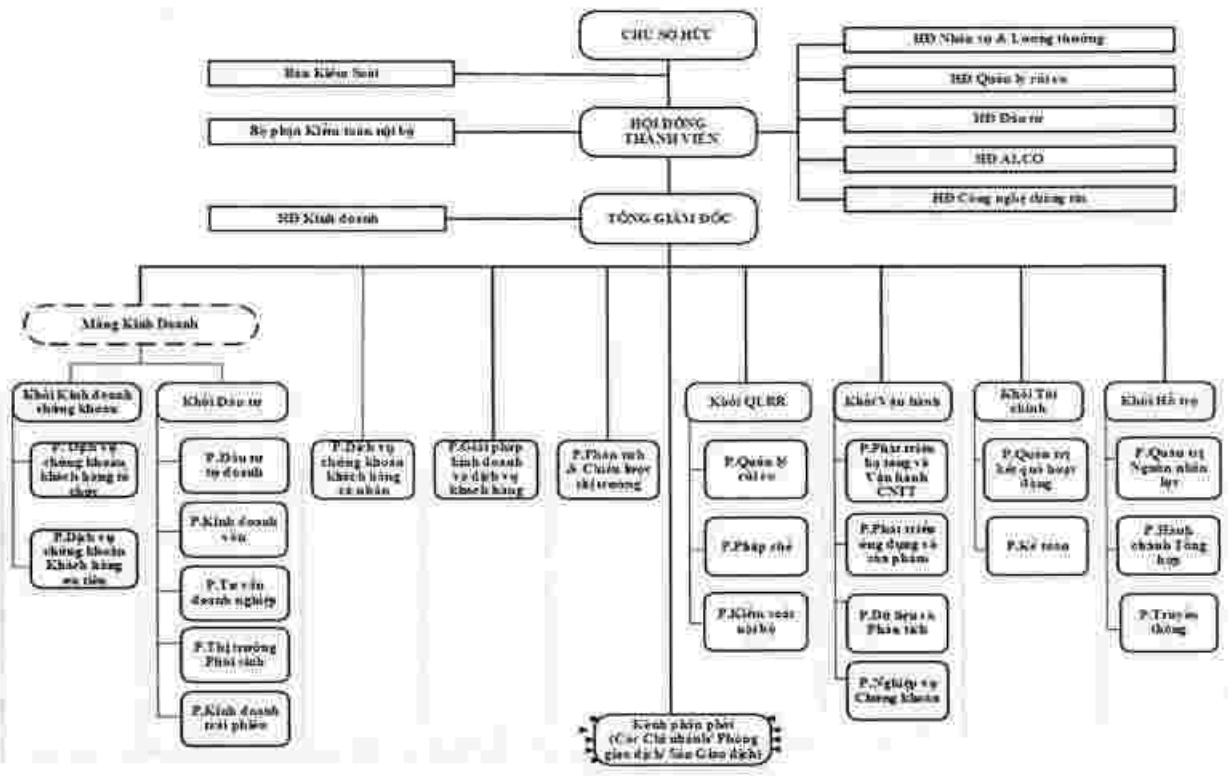
✓ Địa chỉ: Số 17–19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

✓ Số điện thoại: (029) 2378 3638

✓ Ngày đăng ký lần đầu: 14/04/2010

✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-004

1.3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: ACBS)

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 01 (một) Kiểm soát viên do Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 (năm) năm và Kiểm soát viên có thể được bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu công ty, Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng thành viên:

Hội đồng thành viên gồm 04 (bốn) thành viên do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm với nhiệm kỳ 05 (năm) năm; nhân danh Chủ sở hữu Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty; nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và của pháp luật có liên quan.

Các đơn vị trực thuộc Hội đồng thành viên (HĐTV)

Hội đồng Nhân sự và Lương thưởng:

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng thành viên nhằm đề xuất, tham mưu cho Hội đồng thành viên trong việc thực hiện chức năng về quản trị nhân sự và lương thưởng nhằm xây dựng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, cơ cấu tổ chức phục vụ hiệu quả cho nhu cầu phát triển của ACBS.

Hội đồng quản lý rủi ro:

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng thành viên nhằm đề xuất, tham mưu cho Hội đồng

thành viên và Tổng Giám đốc trong việc đưa ra các quyết định liên quan đến quản lý rủi ro tại ACBS.

- **Hội đồng đầu tư:**

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng thành viên nhằm đề xuất, tham mưu cho Hội đồng thành viên trong việc đưa ra các quyết định liên quan đến hoạt động đầu tư tại ACBS.

- **Hội đồng Quản lý tài sản Nợ - tài sản Có (Hội đồng ALCO):**

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng thành viên nhằm đề xuất, tham mưu cho Hội đồng thành viên trong việc đưa ra các quyết định để duy trì bảng cân đối kế toán bền vững, đảm bảo thanh khoản và hiệu quả, từ đó tối đa hóa lợi nhuận theo khẩu vị và khả năng chịu đựng rủi ro cũng như vốn tự có của ACBS.

- **Hội đồng Công nghệ thông tin (HĐ CNTT):**

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng thành viên nhằm đề xuất, tham mưu cho Hội đồng thành viên về lĩnh vực Công nghệ thông tin nhằm đảm bảo thực thi việc phát triển CNTT phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh của ACBS trong từng thời kỳ.

- **Bộ phận Kiểm toán nội bộ:**

Bộ phận Kiểm toán nội bộ là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng thành viên, có trách nhiệm đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Hội đồng thành viên; kiểm tra, xem xét, đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc; đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ; tham mưu thiết lập các chính sách, quy trình nội bộ; đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản; đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và quá trình kinh doanh; đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh; đánh giá hiệu quả của các hoạt động và việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng; kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin; điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty; kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con; kiểm tra và đánh giá các hoạt động cụ thể theo yêu cầu của Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát, Chủ sở hữu. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật.

- **Tổng Giám đốc:**

Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Chủ sở hữu bổ nhiệm hoặc thuê với nhiệm kỳ theo quy định của Chủ sở hữu từng thời kỳ, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế; chịu sự giám sát của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên và chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc được phân công phụ trách các mảng công việc khác nhau.

Các đơn vị trực thuộc Tổng Giám đốc

- **Hội đồng kinh doanh:**

Hội đồng kinh doanh là cơ quan chuyên môn trực thuộc Tổng Giám đốc nhằm đề xuất, tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc đưa ra các quyết định thực hiện nhiệm vụ kinh doanh do Hội đồng thành viên phân công/ủy quyền trong từng thời kỳ.

Cơ cấu tổ chức phân thành như sau:

a) **Kênh phân phối** (các chi nhánh, phòng giao dịch và sàn giao dịch) là trung tâm lợi nhuận, là đầu mối tiếp xúc trực tiếp với khách hàng cá nhân, khách hàng tổ chức (ngoại trừ các tổ chức định chế tài chính) để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh, chịu trách nhiệm tìm kiếm, phát triển, chăm sóc và quản lý khách hàng đồng thời cung cấp các sản phẩm dịch vụ khách hàng bao gồm thực hiện các nghiệp vụ môi giới, tư vấn đầu tư, cung cấp, tư vấn sử dụng dịch vụ lưu ký, cầm cố, mua bán thỏa thuận cổ phiếu chưa niêm yết…cho khách hàng cập nhật và cung cấp thông tin thị trường, pháp luật, chuyên môn cho khách hàng.

b) **Khối Kinh doanh chứng khoán gồm 02 (hai) Phòng:** Phòng Dịch vụ chứng khoán Khách hàng tổ chức và Phòng Dịch vụ chứng khoán Khách hàng ưu tiên.

i. **Phòng Dịch vụ chứng khoán khách hàng tổ chức** là đơn vị kinh doanh tại Hội sở chịu trách nhiệm tìm kiếm, phát triển, chăm sóc và quản lý khách hàng đồng thời cung cấp các sản phẩm dịch vụ đến khách hàng là các tổ chức trong và ngoài nước, thực hiện các nghiệp vụ môi giới tư vấn đầu tư, xử lý lệnh mua bán chứng khoán cho các khách hàng là tổ chức trong và ngoài nước, cập nhật và cung cấp các bài phân tích thông tin thị trường, thông tin giao dịch, các bài phân tích đầu tư chứng khoán chuyên sâu cho khách hàng.

ii. **Phòng Dịch vụ chứng khoán Khách hàng ưu tiên** là đơn vị tư vấn và cung cấp dịch vụ khách hàng ưu tiên tại Hội sở, thực hiện tư vấn, quản lý và triển khai các chính sách bán hàng, tập trung vào việc phân phối sản phẩm và phát triển phân khúc khách hàng ưu tiên nhóm khách hàng ưu tiên (bao gồm khách hàng cá nhân có giao dịch lớn…).

c) **Khối Đầu tư gồm 05 (năm) Phòng:** Phòng Tư vấn Doanh nghiệp; Phòng Đầu tư Tự doanh; Phòng Thị trường Phái sinh; Phòng Kinh doanh vốn; Phòng Kinh doanh trái phiếu.

i. **Phòng Tư vấn Doanh nghiệp** là đơn vị kinh doanh trực thuộc Hội sở, là nơi cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính liên quan đến thị trường vốn, thị trường nợ, tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp khác có liên quan đến việc sử dụng nguồn vốn tại ACBS.

ii. **Phòng Đầu tư Tự doanh** là đơn vị kinh doanh tại Hội sở trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh đầu tư cổ phiếu.

iii. **Phòng Thị trường Phái sinh** là đơn vị kinh doanh tại Hội sở trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh các sản phẩm phái sinh, sản phẩm chứng quyền có đảm bảo, sản phẩm tài chính có cấu trúc.

iv. **Phòng Kinh doanh vốn** là đơn vị kinh doanh tại Hội sở trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh vốn của Công ty trong từng thời kỳ nhằm tối ưu hóa chi phí và gia tăng lợi nhuận cho Công ty; quản lý tài sản Nợ - Có của Công ty theo định hướng của Hội đồng ALCO; quản lý thanh khoản của công ty nhằm đảm bảo thanh khoản phục vụ hoạt

động kinh doanh và tuân thủ các quy định.

v. **Phòng Kinh doanh trái phiếu** là đơn vị kinh doanh tại Hội sở, Trực thuộc Khối Đầu tư, có chức năng sau:

- Xây dựng chiến lược, chính sách đầu tư, quy trình nghiệp vụ kinh doanh trái phiếu theo định hướng của ACBS trong từng thời kỳ;
- Tổ chức triển khai hoạt động đầu tư và mua trái phiếu doanh nghiệp;
- Tổ chức hoạt động phân phối trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường, bao gồm chào bán, tư vấn đầu tư và chăm sóc khách hàng tổ chức, nhằm mở rộng quy mô khách hàng và tạo doanh thu từ phí dịch vụ; định giá;
- Phân tích diễn biến thị trường tài chính, xu hướng lãi suất, tình hình tín dụng doanh nghiệp và yếu tố kinh tế vĩ mô đảm bảo tối ưu hóa hiệu quả đầu tư và phòng ngừa rủi ro;
- Tham gia xây dựng và phát triển hệ thống giao dịch trái phiếu.

d) **Phòng Dịch vụ chứng khoán khách hàng cá nhân** là đơn vị quản lý, phát triển, chăm sóc khách hàng không có nhân viên thuộc các chức danh tại Kênh phân phối chăm sóc thông qua các công cụ, nền tảng trực tuyến nhằm gia tăng tài sản, giá trị giao dịch của khách hàng tại ACBS.

e) **Phòng Giải pháp kinh doanh và dịch vụ khách hàng** là đơn vị hỗ trợ Ban Tổng giám đốc và phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ trong việc xây dựng và triển khai các chính sách kinh doanh, chính sách sản phẩm, chính sách hoa hồng, quản lý hiệu quả kinh doanh tại Kênh phân phối; Phòng Dịch vụ chứng khoán khách hàng cá nhân, Phòng dịch vụ chứng khoán khách hàng ưu tiên, Phòng dịch vụ chứng khoán khách hàng tổ chức.

f) **Phòng Phân tích và Chiến lược thị trường** là đơn vị hỗ trợ các đơn vị kinh doanh toàn Công ty thông qua việc cung cấp các báo cáo phân tích, các báo cáo nhận định thị trường, phân tích chứng khoán, báo cáo chiến lược, khảo sát đánh giá đối thủ cạnh tranh và thị trường nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, gia tăng giá trị đầu tư cho Công ty và khách hàng.

g) **Khối Quản lý Rủi ro** gồm 03 (ba) Phòng: Phòng Quản lý Rủi ro; Phòng Kiểm soát nội bộ và Phòng Pháp chế.

i. **Phòng Quản lý Rủi ro** là đơn vị thực hiện xác định, đánh giá và giám sát rủi ro, xây dựng và triển khai các chính sách quản lý rủi ro, phê duyệt cấp tín dụng, đề xuất giải pháp giảm thiểu rủi ro, và tư vấn cho ban lãnh đạo để đưa ra các hướng giải quyết phù hợp.

ii. **Phòng Kiểm soát nội bộ** là đơn vị thực hiện chức năng kiểm tra, kiểm soát, giám sát, cảnh báo; bao gồm và không giới hạn ở công việc kiểm soát việc tuân thủ, kiểm soát tình hình hoạt động theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Hội đồng thành viên, các quy chế, quy định, thủ tục, quy trình nghiệp vụ, hướng dẫn công việc, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các Ban/Phòng/Bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty

iii. **Phòng Pháp chế** là đơn vị tham mưu và tư vấn những vấn đề pháp lý có liên quan đến

hoạt động kinh doanh của Công ty; làm đầu mối trong việc xử lý thu hồi nợ xấu bảo đảm tuân thủ theo quy định hiện hành.

h) **Khối Vận hành** gồm 04 (bốn) Phòng: Phòng Nghiệp vụ Chứng khoán; Phòng Phát triển ứng dụng và sản phẩm; Phòng Phát triển hạ tầng và Vận hành Công nghệ thông tin; Phòng Dữ liệu và Phân tích.

i. **Phòng Nghiệp vụ Chứng khoán** là đơn vị chức năng tại Hội sở chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý và hỗ trợ thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến nghiệp vụ chứng khoán cho tất cả các đơn vị trong toàn Công ty.

ii. **Phòng Phát triển ứng dụng và sản phẩm** là đơn vị hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong việc quy hoạch và xây dựng lộ trình triển khai các công việc xây dựng và phát triển công nghệ số trong ACBS; phối hợp cùng các đơn vị trong ACBS để triển khai các giải pháp công nghệ phục vụ việc kinh doanh hiệu quả và hỗ trợ đạt mục tiêu kinh doanh chung của ACBS; triển khai số hóa, tự động hóa và tối ưu hóa nghiệp vụ nhằm giảm thiểu công việc thủ công, hoàn thiện hơn quy trình vận hành và tăng năng suất lao động.

iii. **Phòng Phát triển hạ tầng và Vận hành Công nghệ thông tin** là đơn vị chịu trách nhiệm phát triển hạ tầng, quản lý bảo mật, quản lý vận hành hệ thống thông tin ổn định, hoạt động liên tục và an toàn thông tin theo quy định của Luật chứng khoán, các cơ quan công quyền có liên quan và ACBS; quản trị kiến trúc tổng thể hệ thống thông tin nhằm đáp ứng tính ổn định, khả năng tương tác và mở rộng nhằm hỗ trợ chiến lược phát triển lâu dài của Công ty.

iv. **Phòng Dữ liệu và Phân tích** là đơn vị chịu trách nhiệm quản trị và khai thác dữ liệu, triển khai hoạt động làm giàu dữ liệu và phân tích dữ liệu nhằm đề xuất các biện pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả kinh doanh và doanh số của ACBS; là đầu mối cung cấp các dữ liệu, báo cáo, phân tích theo nhu cầu của các đơn vị trong ACBS.

i) **Khối Tài chính** gồm 02 (hai) Phòng: Phòng Quản trị kết quả hoạt động; Phòng Kế toán.

i. **Phòng Quản trị kết quả hoạt động** là đơn vị chịu trách nhiệm Quản trị kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; Thiết lập và vận hành các quy trình, hệ thống báo cáo để đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty; phân tích vị thế của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh trên thị trường.

ii. **Phòng Kế toán** là đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu, tổ chức vận hành, quản lý và thực hiện các nghiệp vụ kế toán theo quy định của Công ty, ACB và các quy định hiện hành của pháp luật; quản lý chi phí bao gồm ngân sách và hiệu quả chi phí cho Công ty.

j) **Khối Hỗ trợ** gồm 03 (ba) Phòng: Phòng Quản trị Nguồn nhân lực; Phòng Hành chính tổng hợp và Phòng Truyền thông.

i. **Phòng Quản trị Nguồn nhân lực** là đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc xây dựng và triển khai thực hiện các công việc liên quan đến chiến lược quản trị nguồn nhân lực, thực hiện các chính sách nhân sự, phát triển và thu hút nhân tài, quy hoạch và quản lý hiệu quả đội ngũ nhân sự, nhằm hỗ trợ và thúc đẩy thực

hiện chiến lược kinh doanh của Công ty.

ii. **Phòng Hành chánh Tổng hợp** là đơn vị tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến quản trị hành chánh của hệ thống, công tác phát triển cơ sở vật chất, quản lý tài sản, trang thiết bị làm việc và các công việc có liên quan khác nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

iii. **Phòng Truyền thông** là đơn vị tổ chức thực hiện công tác truyền thông, tổ chức sự kiện của Công ty, tổ chức hoạt động truyền thông được thực hiện trên nền tảng kỹ thuật số, quản lý nhận diện thương hiệu và xây dựng hình ảnh Công ty.

1.4. Danh sách thành viên góp vốn (tên, địa chỉ, tỷ lệ nắm giữ) nắm giữ từ 5% trở lên vốn góp của công ty và những người có liên quan; Danh sách thành viên sáng lập và tỷ lệ vốn góp nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực)

Danh sách thành viên góp vốn nắm giữ trên 5% vốn điều lệ

ĐVT: tỷ đồng

Tên thành viên góp vốn	Địa chỉ	Số vốn góp	Tỷ lệ (%)
Ngân hàng TMCP Á Châu	Số 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP.HCM	13.000	100%
Tổng cộng		**13.000**	**100%**

(Nguồn: ACBS)

1.5. Danh sáchNgười có liên quan của Công ty:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Chức vụ tại công ty (nếu có)
I	**Công ty mẹ**	
1	Ngân hàng TMCP Á Châu	Công ty mẹ
2	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (ACBC)	Công ty con
II	**Hội đồng thành viên**	
1	Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch HĐTV
2	Nguyễn Đức Thái Hân	Phó Chủ tịch HĐTV
3	Huỳnh Duy Sang	Thành viên HĐTV
4	Trịnh Bảo Quốc	Thành viên HĐTV
5	Huỳnh Hiếu Nghĩa	Kiểm soát viên
6	Nguyễn Đức Hoàn	Tổng Giám đốc
7	Võ Văn Vân	Phó Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng
III	**Người được ủy quyền công bố thông tin**	
	Võ Đình Nam	Giám đốc Nhân sự
IV	**Thư ký công ty**	
	Dương Kim Liên	Thư ký Công ty

(Nguồn: ACBS)

1.6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

+ Danh sách những công ty mẹ của tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Công ty mẹ: Ngân hàng TMCP Á Châu

- Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP.HCM.
- Điện thoại: (028) 3929 0999. Fax: (028) 3839 9885.
- Vốn điều lệ: 58.044 tỷ đồng.

+ Danh sách nhưng công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Công ty con: Công ty TNHH MTV quản lý quỹ ACB

- Địa chỉ: 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP.HCM.
- Điện thoại: (028) 6290 5989.
- Vốn điều lệ: 1.050 tỷ đồng do Công ty TNHH Chứng khoán ACB sở hữu 100%.

1.7. Thông tin về ban điều hành tổ chức phát hành

+ Hội đồng thành viên

Stt	Họ và tên	Chức danh
1.	Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch
2.	Nguyễn Đức Thái Hân	Phó Chủ tịch
3.	Trịnh Bảo Quốc	Thành viên
4.	Huỳnh Duy Sang	Thành viên

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Họ và tên : Đỗ Minh Toàn.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1971.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Columbia Southern, Hoa Kỳ; Cử nhân ngành Ngân hàng Đại học Ngân hàng TP.HCM; Cử nhân Quản trị ngoại thương Đại học Kinh Tế TP.HCM; Cử nhân Luật Đại học Luật TP.HCM.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu.

Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên

Họ và tên : Nguyễn Đức Thái Hân.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1967.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa học, Đại học Tổng hợp TP.HCM.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu.

Thành viên Hội đồng thành viên

Họ và tên : Trịnh Bảo Quốc.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Mỹ.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1971.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Trường kinh doanh Berkeley Haas, Đại học California, Hoa Kỳ; Cử nhân sinh vật học và cử nhân sử học, Trường Đại học Kansas, Hoa Kỳ.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu.

Thành viên Hội đồng thành viên

Họ và tên : Huỳnh Duy Sang.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1984.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính ngân hàng, Đại học Paris Dauphine & ESCP

Europe.

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Hội đồng thành viên.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Giám đốc Khối Thị trường Tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu.

- **Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức danh
Nguyễn Đức Hoàn	Tổng Giám đốc

Họ và tên : Nguyễn Đức Hoàn.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1974.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Đại học Leicester (Anh); Thạc sĩ Khoa học Tài chính Quốc tế (MSc in Finance), Đại học Westminster (Anh).

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Không có.

- **Kiểm soát viên**

Họ và tên	Chức danh
Huỳnh Hiếu Nghĩa	Kiểm soát viên

Họ và tên : Huỳnh Hiếu Nghĩa.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1964.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Đại học Ngân hàng TP.HCM.

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Kiểm soát viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Trưởng Ban kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu.

- **Phó Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức danh
Võ Văn Vân	Phó Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Kế toán trưởng

Họ và tên : Võ Văn Vân.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1978.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân.

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Không có.

1.8. Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền: kinh nghiệm, chuyên môn, uy tín, năng lực

- Ông Đặng Quang Huy – Cán bộ Quản lý rủi ro thanh khoản và thị trường.
- Chứng chỉ hành nghề của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước: Phân tích tài chính
- Kinh nghiệm: Có 8 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán.

2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành

2.1. Tổng hợp tình hình hoạt động của tổ chức phát hành

- **Tình hình hoạt động của tổ chức phát hành:**

Hoạt động kinh doanh chính của ACBS:

Kết thúc Quý 3 năm 2026, quy mô tài sản và dư nợ cho vay của ACBS tiếp tục tăng so với đầu năm. Các chỉ tiêu hợp nhất chủ yếu như sau:

- Tổng tài sản tại ngày 30/09/2026 đạt gần 43.799 tỷ đồng, tăng 13,5% so với đầu năm.
- Các khoản cho vay tại ngày 30/09/2026 đạt xấp xỉ 22.634 tỷ đồng, tăng 30,5% so với đầu năm.
- Tổng dư nợ vay và trái phiếu phát hành tại ngày 30/09/2026 đạt gần 28.525 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế lũy kế 9 tháng năm 2026 đạt 793 tỷ đồng.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế lũy kế 9 tháng trên tổng tài sản bình quân (ROA) đạt 1,54% và trên

vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt 4,35%.

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất lũy kế 9 tháng năm 2026 của ACBS đạt 634 tỷ đồng, giảm 13,8% so với cùng kỳ.

- Tình hình các hoạt động kinh doanh tại ACBS:

- Hoạt động tự doanh và Kinh doanh vốn

- Trong 9 tháng đầu năm 2026, tổng lãi từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) đạt 2.082 tỷ đồng, chiếm khoảng 52,7% doanh thu hoạt động hợp nhất. Trong đó, lãi từ FVTPL đạt 1.484 tỷ đồng và lãi từ HTM đạt 598 tỷ đồng.

- Hoạt động cho vay ký quỹ và phải thu

- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu hợp nhất lũy kế 9 tháng năm 2026 đạt 1.578 tỷ đồng, tăng 103,7% so với cùng kỳ, chiếm khoảng 39,9% tổng doanh thu hoạt động. Tại ngày 30/09/2026, các khoản cho vay đạt 22.634 tỷ đồng, tăng 30,5% so với đầu năm và chiếm 51,7% tổng tài sản hợp nhất. Hoạt động cho vay tiếp tục đóng góp đáng kể vào doanh thu của Công ty.

- Hoạt động môi giới chứng khoán

- Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán hợp nhất lũy kế 9 tháng năm 2026 đạt gần 266 tỷ đồng, giảm 18,8% so với cùng kỳ. Riêng Quý 3/2026, doanh thu môi giới đạt gần 69 tỷ đồng.

- Hoạt động Bảo lãnh và Tư vấn Doanh nghiệp

- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính hợp nhất lũy kế 9 tháng năm 2026 đạt 11,2 tỷ đồng, so với 1,5 tỷ đồng cùng kỳ năm trước. Riêng Quý 3/2026, doanh thu hoạt động này đạt 10,9 tỷ đồng.

Các khoản đầu tư lớn:

Tại ngày 30/09/2026, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) của ACBS đạt 6.539 tỷ đồng, tăng 31,0% so với đầu năm và chiếm 14,9% tổng tài sản hợp nhất. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) đạt 11.799 tỷ đồng, giảm 4,8% so với đầu năm và chiếm 26,9% tổng tài sản. Các số liệu được trình bày theo giá trị ghi sổ trên BCTC hợp nhất Quý 3/2026.

Song hành với sự thay đổi hành vi và khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư trên thị trường cơ sở, Nhà đầu tư chứng quyền cũng trở nên phòng thủ hơn và chấp nhận mức định giá thấp hơn rất nhiều so với giai đoạn 2021-2023. Với sự thích ứng và kinh nghiệm hoạt động từ năm 2020, ACBS đã cải tiến sản phẩm và thu hút được chú ý nhiều hơn của khách hàng trên thị trường, giúp ACBS gia tăng thị phần trên thị trường chứng quyền và duy trì ổn định trong Nhóm 3 Nhà tạo lập thị trường hàng đầu thị trường Việt Nam. Sản phẩm chứng quyền của ACBS dần dần có tính cạnh tranh cao và trở thành kênh đầu tư phòng vệ và thay thế hợp lý cho Nhà đầu tư yêu thích các cổ phiếu vốn hóa lớn. Xu hướng này sẽ tiếp tục phát triển và mở rộng trong năm 2026.

Trong chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 vừa được Thủ tướng phê duyệt, quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu sẽ đạt 100% GDP năm 2025 và 120% GDP vào năm 2030. Con số này gần gấp đôi so với quy mô vốn hóa hiện tại. Dư nợ thị trường trái phiếu đạt tối thiểu 47% GDP (trong đó dư nợ trái phiếu doanh nghiệp đạt tối thiểu 20% GDP) vào năm 2025 và đạt tối thiểu 58% GDP vào năm 2030. Đi theo dòng chảy ấy, các khoản đầu tư tiếp theo trong năm 2026 của ACBS bắt buộc phải mở rộng mạnh về cả lượng và chất để có thể đem lại không những lợi nhuận cho Công ty, cổ đông mà còn cho khách hàng tin tưởng sử dụng dịch vụ liên quan đầu tư của ACBS.

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ ACB (ACBC) là công ty con của ACBS được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ.

Năm 2026 thị trường chứng khoán có diễn biến tương đối tích cực nhưng vẫn còn nhiều biến động. Tuy nhiên, ACBC vẫn linh hoạt cùng diễn biến thị trường để khai thác hiệu quả sinh lời và bám sát chiến lược đầu tư, đảm bảo quản trị rủi ro, tập trung vào các giá trị tăng thêm cho khách hàng. Hoạt động kinh doanh của ACBC tập trung vào việc khai thác tối ưu hiệu quả đầu tư và phát triển bền vững trong dài hạn.

Kết thúc Quý 3 năm 2026, hoạt động của ACBC đạt kết quả như sau:

- Vốn điều lệ: 1.050 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: (44) tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: (44) tỷ đồng

Trong năm 2026, ACBC tiếp tục tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi, nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý tài sản cho khách hàng hiện hữu, đồng thời quản lý có hiệu quả Quỹ thành viên ACB50 nhằm đem lại giá trị tối ưu cho khách hàng. ACBC tiếp tục nghiên cứu, thiết kế và quản lý các quỹ đầu tư mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng hiện hữu và khách hàng tiềm năng.

- **Các tranh chấp/kiện tụng mà công ty đang gặp phải và diễn biến tại thời điểm hiện tại (nếu có)**

Hiện nay, Công ty đang có tranh chấp Hợp đồng giao dịch ký quỹ với khách hàng. Ngoài ra, Công ty còn là 1 (một) bên có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong các sự việc mà các Bên khác đang tranh chấp về Hợp đồng mua bán trái phiếu và Bồi thường thiệt hại hợp đồng.

Các tranh chấp/kiện tụng tính đến thời điểm hiện tại không làm ảnh hưởng đáng kể đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành.

- **Tình hình tuân thủ nghĩa vụ thanh toán của sản phẩm tài chính đã chào bán.**

Từ năm 2020, ACBS đã thực hiện chào bán các sản phẩm tài chính là Chứng quyền có bảo

đảm và tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán khi chứng quyền đáo hạn theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 202 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Điểm g Khoản 1 Điều 202a được bổ sung bởi Khoản 72 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ.

Thông tin khác

UBCKNN đã ban hành Quyết định số 267/QĐ-XPHC ngày 12/09/2025 và Quyết định số 410/QĐ-XPHC ngày 12/11/2025 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm 2024 – 2025 và Quý 3/2026

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu (hợp nhất)	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm 2025/2024	Lũy kế 9T/2026
1	Tổng giá trị tài sản	26.040.684	38.583.644	48%	43.799.050
2	Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh	2.534.400	4.613.719	82%	3.954.343
3	Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh	846.194	1.253.726	48%	792.433
4	Lợi nhuận khác	488	221	-55%	628
5	Lợi nhuận trước thuế	846.682	1.253.947	48%	793.061
6	Lợi nhuận sau thuế	683.017	1.017.986	49%	634.479

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024,2025 và BCTC hợp nhất Quý 3/2026 của ACBS)

2.3. Các chứng quyền mà công ty đã phát hành:

Các chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành và niêm yết trên HOSE

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
1	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/ Cash/10M/93	CFPT2610	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	10,7639:1	76.244 đồng	19.000.000
2	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/ Cash/10M/94	CMSN2609	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	8:1	85.000 đồng	16.000.000
3	Chứng quyền TPB/ACBS/Call/EU/ Cash/10M/95	CTPB2605	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	1,6806:1	15.125 đồng	11.000.000
4	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU	CVHM2609	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	4,3334:1	62.593 đồng	16.000.000

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
	/Cash/10M/96								
5	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/ Cash/10M/97	CVIB2604	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	1,7320:1	16.020 đồng	20.000.000
6	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU /Cash/10M/98	CVNM2605	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	5,8148:1	62.993 đồng	16.000.000
7	Chứng quyền VPB/ACBS/Call/EU/ Cash/10M/99	CVPB2608	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	1,5586:1	23.379 đồng	15.000.000
8	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/ Cash/10M/100	CVRE2603	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	2,8973:1	29.938 đồng	16.000.000
9	Chứng quyền HPG/ACBS/8M/102 Thời hạn 8 tháng	CHPG2625	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	2:1	25.000 đồng	18.000.000
10	Chứng quyền MBB/ACBS/8M/103 Thời hạn 8 tháng	CMBB2614	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	1,6019:1	20.825 đồng	18.000.000
11	Chứng quyền MWG/ACBS/8M/104 Thời hạn 8 tháng	CMWG2616	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	6,8019:1	79.680 đồng	18.000.000
12	Chứng quyền STB/ACBS/8M/105 Thời hạn 8 tháng	CSTB2619	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	5:1	79.000 đồng	18.000.000
13	Chứng quyền TCB/ACBS/8M/106 Thời hạn 8 tháng	CTCB2611	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	2,0015:1	22.684 đồng	18.000.000
14	Chứng quyền VPB/ACBS/8M/107 Thời hạn 8 tháng	CVPB2615	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	1,5863:1	22.605 đồng	18.000.000
15	Chứng quyền FPT/ACBS/8M/101 Thời hạn 8 tháng	CFPT2631	Mua	08 tháng	26/08/2026	26/04/2027	10,9121:1	65.473 đồng	15.000.000
16	Chứng quyền MSN/ACBS/8M/109 Thời hạn 8 tháng	CMSN2626	Mua	08 tháng	26/08/2026	26/04/2027	10:1	69.000 đồng	15.000.000
17	Chứng quyền SHB/ACBS/8M/110 Thời hạn 8 tháng	CSHB2620	Mua	08 tháng	26/08/2026	26/04/2027	2:1	12.500 đồng	5.000.000
18	Chứng quyền VHM/ACBS/8M/112 Thời hạn 8 tháng	CVHM2620	Mua	08 tháng	26/08/2026	26/04/2027	10:1	76.000 đồng	4.000.000
19	Chứng quyền VIB/ACBS/8M/113 Thời hạn 8 tháng	CVIB2611	Mua	08 tháng	26/08/2026	26/04/2027	1,8267:1	13.700 đồng	15.000.000
20	Chứng quyền VNM/ACBS/8M/114 Thời hạn 8 tháng	CVNM2619	Mua	08 tháng	26/08/2026	26/04/2027	6:1	64.000 đồng	11.000.000
21	Chứng quyền VRE/ACBS/8M/115 Thời hạn 8 tháng	CVRE2610	Mua	08 tháng	26/08/2026	26/04/2027	3:1	25.000 đồng	4.000.000

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
22	Chứng quyền FPT/ACBS/7M/116	CFPT2636	Mua	07 tháng	25/09/2026	23/04/2027	9:1	69.100 đồng	15.000.000
23	Chứng quyền HPG/ACBS/7M/117	CHPG2642	Mua	07 tháng	25/09/2026	23/04/2027	3:1	23.000 đồng	28.000.000
24	Chứng quyền MBB/ACBS/7M/118	CMBB2624	Mua	07 tháng	25/09/2026	23/04/2027	3:1	21.000 đồng	28.000.000
25	Chứng quyền MSN/ACBS/7M/119	CMSN2631	Mua	07 tháng	25/09/2026	23/04/2027	9:1	71.000 đồng	20.000.000
26	Chứng quyền MWG/ACBS/7M/120	CMWG2630	Mua	07 tháng	25/09/2026	23/04/2027	8,8816:1	75.000 đồng	28.000.000
27	Chứng quyền STB/ACBS/7M/122	CSTB2631	Mua	07 tháng	25/09/2026	23/04/2027	7:1	77.000 đồng	15.000.000
28	Chứng quyền TCB/ACBS/7M/123	CTCB2624	Mua	07 tháng	25/09/2026	23/04/2027	2,6687:1	22.016 đồng	20.000.000
29	Chứng quyền VIB/ACBS/7M/125	CVIB2612	Mua	07 tháng	25/09/2026	23/04/2027	2:1	14.000 đồng	20.000.000
30	Chứng quyền VNM/ACBS/7M/126	CVNM2624	Mua	07 tháng	25/09/2026	23/04/2027	7:1	61.000 đồng	15.000.000
31	Chứng quyền VPB/ACBS/7M/127	CVPB2630	Mua	07 tháng	25/09/2026	23/04/2027	2,3795:1	22.209 đồng	20.000.000
32	Chứng quyền SHB/ACBS/7M/121	CSHB2622	Mua	07 tháng	25/09/2026	23/04/2027	2:1	12.500 đồng	15.000.000

Các chứng quyền có bảo đảm đã đáo hạn

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
1	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/3M/01	CHPG2023	Mua	3 tháng	12/10/2020	12/01/2021	1:1	28.500 đồng	2.000.000
2	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/6M/02	CHPG2102	Mua	6 tháng	05/01/2021	05/07/2021	0,7352:1	30.144 đồng	4.000.000
3	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/9M/05	CTCB2101	Mua	9 tháng	05/01/2021	05/10/2021	1:1	31.000 đồng	2.000.000
4	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/4M/05	CHPG2110	Mua	4 tháng	04/08/2021	06/12/2021	5:1	44.000 đồng	10.000.000
5	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/4M/07	CVNM2108	Mua	4 tháng	04/08/2021	06/12/2021	9,8301:1	78.641 đồng	5.000.000
6	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/E	CFPT2104	Mua	4 tháng	04/08/2021	06/12/2021	9,8947:1	79.158 đồng	7.000.000

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
	U/Cash/4M/10								
7	Chứng quyền MWG/ACBS/Call /EU/Cash/12M/04	CMWG2104	Mua	12 tháng	22/03/2021	22/03/2022	6,6444:1	89.699 đồng	5.000.000
8	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/06	CTCB2105	Mua	9 tháng	04/08/2021	04/05/2022	5:1	45.000 đồng	15.000.000
9	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/08	CVRE2105	Mua	9 tháng	04/08/2021	04/05/2022	5:1	30.000 đồng	10.000.000
10	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/09	CMSN2104	Mua	9 tháng	04/08/2021	04/05/2022	8,3261:1	98.248 đồng	5.000.000
11	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/11	CVHM2115	Mua	9 tháng	17/11/2021	17/08/2022	9,7163:1	91.333 đồng	15.000.000
12	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/12	CHPG2208	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	3,7823:1	30.258 đồng	10.000.000
13	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/13	CTCB2204	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	5:1	45.000 đồng	5.000.000
14	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/14	CMSN2202	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	8,2758:1	126.620 đồng	5.000.000
15	Chứng quyền MWG/ACBS/Call /EU/Cash/6M/15	CMWG2204	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	4,9711:1	72.080 đồng	5.000.000
16	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/16	CVNM2204	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	9,6717:1	70.603 đồng	5.000.000
17	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/17	CVRE2204	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	5:1	33.000 đồng	5.000.000
18	Chứng quyền VIC/ACBS/Call/E U/Cash/6M/18	CVIC2203	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	10:1	86.000 đồng	5.000.000
19	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/19	CHPG2225	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	17.000 đồng	18.000.000

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
20	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/8M/20	CTCB2214	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	27.000 đồng	4.500.000
21	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/8M/21	CMBB2213	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	17.000 đồng	9.000.000
22	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/8M/22	CMSN2214	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	10:1	100.000 đồng	3.000.000
23	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/8M/23	CMWG2213	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	6:1	54.000 đồng	9.000.000
24	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/8M/24	CVNM2211	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	5,8946:1	66.806 đồng	6.000.000
25	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/8M/25	CVRE2219	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	29.000 đồng	4.500.000
26	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/8M/26	CVHM2218	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	6:1	54.000 đồng	9.000.000
27	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/8M/27	CFPT2212	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	10:1	70.000 đồng	8.000.000
28	Chứng quyền POW/ACBS/Call/EU/Cash/8M/28	CPOW2210	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	1:1	13.000 đồng	2.000.000
29	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/9M/29	CHPG2306	Mua	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	3:1	20.000 đồng	24.000.000
30	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/9M/30	CFPT2303	Mua	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	8,4983:1	73.085 đồng	8.000.000
31	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/9M/31	CSTB2303	Mua	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	2:1	22.000 đồng	10.000.000
32	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/9M/32	CMWG2302	Mua	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	5,943:1	49.525 đồng	12.000.000
33	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/7M/42	CFPT2311	Mua	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	9,8844:1	88.960 đồng	10.000.000

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
34	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/7M/43	CHPG2330	Mua	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	3:1	31.000 đồng	12.000.000
35	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/44	CMBB2313	Mua	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	2:1	21.000 đồng	10.000.000
36	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/45	CTCB2308	Mua	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	3:1	37.000 đồng	9.000.000
37	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/33	CSTB2306	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	2:1	30.000 đồng	19.000.000
38	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/34	CMBB2306	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	1,6965:1	16.965 đồng	20.000.000
39	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/35	CHPG2309	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3:1	24.000 đồng	25.000.000
40	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/36	CMWG2305	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3,962:1	35.658 đồng	9.000.000
41	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/37	CVIB2302	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	1,5718:1	18.076 đồng	15.000.000
42	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/38	CTCB2302	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3:1	27.000 đồng	14.000.000
43	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/39	CVHM2302	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	4:1	50.000 đồng	12.000.000
44	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/40	CMSN2302	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	6:1	66.000 đồng	6.000.000
45	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/12M/41	CVRE2303	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3:1	25.000 đồng	8.000.000
46	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/10M/46	CMWG2316	Mua	10 tháng	24/10/2023	23/08/2024	6:1	48.000 đồng	10.000.000
47	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/47	CSTB2334	Mua	10 tháng	24/10/2023	23/08/2024	3:1	27.000 đồng	8.000.000

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
48	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/48	CVIB2306	Mua	10 tháng	24/10/2023	23/08/2024	1,8879:1	16.047 đồng	7.000.000
49	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/49	CHPG2402	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	2,7268:1	28.177 đồng	10.500.000
50	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/50	CMBB2402	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	1,7003:1	20.403 đồng	11.000.000
51	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/51	CMWG2401	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	4:1	66.000 đồng	10.000.000
52	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/52	CSTB2402	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	3:1	30.000 đồng	10.500.000
53	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/53	CVIB2402	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	1,6444:1	19.732 đồng	10.000.000
54	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/54	CVNM2401	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	7,4141:1	61.166 đồng	8.000.000
55	Chứng quyền VPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/55	CVPB2401	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	1,8488:1	19.412 đồng	9.000.000
56	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/12M/56	CFPT2404	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	12,8473: 1	103.635 đồng	12.000.000
57	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/57	CHPG2409	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	2,4982: 1	20.818 đồng	20.000.000
58	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/58	CMBB2407	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	1,3033:1	16.943 đồng	15.000.000
59	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/59	CMSN2406	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	6:1	79.000 đồng	6.000.000
60	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/60	CMWG2407	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	5,9149:1	69.007 đồng	18.000.000
61	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/61	CSTB2410	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	3:1	38.000 đồng	11.000.000

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
62	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/62	CTCB2403	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	4,8710:1	25.329 đồng	12.000.000
63	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/63	CVHM2408	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	4:1	38.000 đồng	7.000.000
64	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/64	CVIB2407	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	1,6895: 1	15.205 đồng	9.000.000
65	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/65	CVNM2407	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	5,4968:1	62.296 đồng	9.000.000
66	Chứng quyền VPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/66	CVPB2409	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	1,9471:1	21.418 đồng	11.000.000
67	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/12M/67	CVRE2407	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	2:1	16.000 đồng	6.000.000
68	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/7M/81	CFPT2519	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	6,8870:1	121.385 đồng	16.000.000
69	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/7M/82	CHPG2528	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	2:1	30.000 đồng	17.000.000
70	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/83	CMBB2518	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	1,5:1	21.750 đồng	17.000.000
71	Chứng quyền MWG/ACBS/Call / EU/Cash/7M/84	CMWG2520	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	4,9291: 1	77.879 đồng	17.000.000
72	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/85	CSTB2528	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	3:1	49.000 đồng	17.000.000
73	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/86	CTCB2518	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	1,9484: 1	35.071 đồng	16.000.000
74	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/12M/68	CFPT2513	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	11,0965: 1	115.234 đồng	26.700.000
75	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/69	CHPG2518	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	2,4533:1	22.897 đồng	31.900.000

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
76	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/70	CMBB2511	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	2,25:1	18.750 đồng	35.200.000
77	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/71	CMSN2512	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	7:1	60.000 đồng	10.000.000
78	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/72	CMWG2511	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	5,9149:1	63.092 đồng	27.600.000
79	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/73	CSTB2515	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	3:1	40.000 đồng	25.500.000
80	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/74	CTCB2507	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	2,8624:1	27.193 đồng	20.100.000
81	Chứng quyền TPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/75	CTPB2503	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	1,9063:1	12.391 đồng	12.900.000
82	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/76	CVHM2512	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	4:1	58.000 đồng	10.000.000
83	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/77	CVIB2504	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	1,6654:1	15.821 đồng	16.600.000
84	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/78	CVNM2511	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	5,7358:1	52.579 đồng	14.200.000
85	Chứng quyền VPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/79	CVPB2513	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	1,9651:1	17.686 đồng	29.500.000
86	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/12M/80	CVRE2512	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	2:1	23.500 đồng	11.000.000
87	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/10M/87	CHPG2604	Mua	10 tháng	26/12/2025	26/10/2026	2,6778:1	25.885 đồng	19.000.000
88	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/88	CMBB2604	Mua	10 tháng	26/12/2025	26/10/2026	2,4028:1	21.626 đồng	19.000.000
89	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/10M/89	CMWG2604	Mua	10 tháng	26/12/2025	26/10/2026	6,8019:1	82.595 đồng	19.000.000

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
90	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/90	CSTB2604	Mua	10 tháng	26/12/2025	26/10/2026	5:1	60.000 đồng	19.000.000
91	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/91	CTCB2601	Mua	10 tháng	26/12/2025	26/10/2026	3,9176:1	36.238 đồng	19.000.000

(*) Nghĩa vụ thanh toán: Từ năm 2020, ACBS đã thực hiện chào bán các sản phẩm tài chính là Chứng quyền có bảo đảm và tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán khi chứng quyền đáo hạn theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 202 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Điểm g Khoản 1 Điều 202a được bổ sung bởi Khoản 72 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ.

3. Tình hình tài chính

3.1. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn.

3.2. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thực hiện nộp các khoản phải nộp theo luật định.

3.3. Tổng dư nợ vay

Thông tin về các khoản nợ quá hạn, tổng dư nợ bảo lãnh (nếu có), quá hạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, nguyên nhân dẫn đến nợ quá hạn, khả năng thu hồi: Không có.

3.4. Tình hình công nợ hiện nay (tổng nợ phải thu, tổng nợ phải trả)

Tổng dư nợ vay và tình hình công nợ hiện nay:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu (hợp nhất)	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm 2025/2024	30/09/2026
1	Tổng dư nợ vay	16.403.200	23.373.380	42%	28.525.140
2	Tổng nợ phải thu	9.604.261	18.999.797	98%	22.886.189
3	Tổng nợ phải trả	16.788.968	24.313.943	45%	28.894.869

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024,2025 và BCTC hợp nhất Quý 3/2026 của ACBS)

3.5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu (hợp nhất)	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1	**Chỉ tiêu về an toàn tài chính (triệu đồng)**			
1.1	- Giá trị vốn khả dụng	8.800.225	9.637.458	
1.2	- Rủi ro (Rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro hoạt động, rủi ro tăng thêm)	1.558.550	1.435.262	
1.3	- Tỷ lệ vốn khả dụng (%): *(Giá trị vốn khả dụng/Tổng rủi ro)*	565%	671%	
2	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)**			
2.1	- Hệ số thanh toán ngắn hạn: *(TSNH/Nợ ngắn hạn)*	1,54	1,59	
2.2	- Hệ số thanh toán nhanh: *((TSNH – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)*	1,54	1,59	Không có hàng tồn kho
3	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)**			
3.1	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (TTS)	0,64	0,63	
3.2	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (VCSH)	1,81	1,70	
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (lần)**			
4.1	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,27	0,22	
4.2	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,07	0,07	
4.3	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,03	0,03	
4.4	- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,33	0,27	
4.5	- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	N/A	N/A	(*)

(Nguồn: ACBS)

(*): ACBS hoạt động theo mô hình Công ty TNHH, nên không có chỉ tiêu EPS.

VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Thông tin chung về chứng quyền

1.1. Thông tin về chứng quyền phát hành

- Tên chứng quyền: **Chứng quyền STB/ACBS/9M/133.**
- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: **STB.**
- Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Tài Lộc.**
- Loại chứng quyền (mua): Chứng quyền Mua.
- Kiểu thực hiện: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền.
- Thời hạn: **9 tháng**.
- Ngày phát hành (dự kiến): Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm.
- Ngày đáo hạn: **09** tháng kể từ ngày phát hành.
- Tỷ lệ chuyển đổi: **11:1.**
- Giá thực hiện: Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành. Giá thực hiện được thông báo cụ thể tại thông báo phát hành.
- Giá chào bán thấp nhất (dự kiến): **1.000** đồng/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố chính thức tại Thông báo phát hành.
- Giá chào bán cao nhất (dự kiến): **2.500** đồng/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố chính thức tại Thông báo phát hành.
- Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán: **16.000.000** chứng quyền.
- Tổng giá trị chứng quyền chào bán (dự kiến): **16.000.000.000** (mười sáu tỷ) đồng đến **40.000.000.000** (bốn mươi tỷ) đồng.
- Tài sản bảo đảm thanh toán: Bằng tiền (VND), ký quỹ đảm bảo thanh toán tại Ngân hàng lưu ký
- Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến: 50% giá trị chứng quyền chào bán.
- Phương pháp tính giá: theo công thức Black Scholes như sau:

$$C=\frac{N(d_1)S\text{-}N(d_2)Xe^{-r_cT}}{k}$$

Với:

$$d_1 = \frac{ln(\frac{S}{X}) + (r_c + \frac{\sigma^2}{2})T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C: Giá lý thuyết của chứng quyền mua.

$N(d_1)$, $N(d_2)$: Xác suất phân phối chuẩn tích luỹ.

Tham số	Phương pháp tính
X: Giá thực hiện của chứng quyền.	Do ACBS ấn định tùy thuộc vào điều kiện thị trường tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng.
S: Giá CKCS hiện tại.	Là giá đóng cửa của CKCS tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng hoặc tại thời điểm tính toán làm báo cáo.
T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm)	Là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/365.
r_c: Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm).	Bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng của 4 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng hoặc tại thời điểm tính toán làm báo cáo, cộng biên độ 2%
σ: Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm).	Độ biến động giá kỳ vọng = độ biến động giá quá khứ x (1 + hệ số điều chỉnh) Trong đó: - Độ biến động giá quá khứ của chứng khoán cơ sở được xác định trong thời gian 12 tháng gần nhất. - Hệ số điều chỉnh được xác định dựa trên nhu cầu thị trường về chứng quyền và chứng khoán cơ sở, tính thanh khoản của chứng quyền và của chứng khoán cơ sở và độ biến động giá kỳ vọng của các chứng quyền tương tự.
k: Tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền	Là số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị CKCS.

1.2. Thông tin về các đợt phát hành chứng quyền cùng loại trước đó (đối với trường hợp chào bán bổ sung): Không có.

2. Thông tin về chứng khoán cơ sở và tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở

2,1. Thông tin về chứng khoán cơ sở

- Tên chứng khoán cơ sở: **Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Tài Lộc**

- Thời điểm niêm yết lần đầu của chứng khoán cơ sở (STB): 12/07/2006
- Chỉ số giá/thu nhập P/E (theo EPS 4 quý gần nhất và giá thời điểm 23/10/2026): 41,9 lần
- Mức vốn hóa (tại ngày 23/10/2026): 129.137 tỷ đồng
- Dao động bình quân của giá chứng khoán cơ sở (STB) trong 6 tháng gần nhất (tính theo năm): 32%
- Tính thanh khoản, tình hình biến động giá trong năm 2025:
  - ✓ Khối lượng giao dịch bình quân trong năm: 11.169.630 cổ phiếu;
  - ✓ Giá giao dịch cao nhất trong năm (giá đã điều chỉnh): 61.000 đồng/cổ phiếu;
  - ✓ Giá giao dịch thấp nhất trong năm (giá đã điều chỉnh): 33.100 đồng/cổ phiếu;
  - ✓ Giá đóng cửa ngày giao dịch cuối năm (giá đã điều chỉnh): 58.000 đồng/cổ phiếu
- Giá đóng cửa (giá đã điều chỉnh) của chứng khoán cơ sở tại ngày giao dịch cuối các tháng trong vòng 12 tháng của năm gần nhất (đồng/cổ phiếu)

Tháng 1/2025	37.000
Tháng 2/2025	38.250
Tháng 3/2025	38.300
Tháng 4/2025	39.100
Tháng 5/2025	40.700
Tháng 6/2025	46.700
Tháng 7/2025	49.950
Tháng 8/2025	55.600
Tháng 9/2025	56.900
Tháng 10/2025	55.500
Tháng 11/2025	48.600
Tháng 12/2025	58.000

2,2. Thông tin về tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:

- Tên tổ chức phát hành: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Tài Lộc
- Mã chứng khoán cơ sở: STB
- Lĩnh vực hoạt động: Tài chính - Ngân hàng
- **Tình hình hoạt động kinh doanh:**

Kết quả hoạt động kinh doanh 2024 – 2025 và Quý 3/2026 (Hợp nhất):

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm 2025/2024	Lũy kế đến Quý 3/2026
1	Tổng giá trị tài sản	748.094.546	917.119.803	22,59%	1.057.397.840
2	Vốn chủ sở hữu	54.972.070	59.866.744	8,90%	64.136.639
3	Tổng thu nhập hoạt động	28.677.118	32.056.679	11,78%	27.793.979
4	Thuế và các khoản phải nộp (Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước)	1.301.063	265.635	-79,58%	573.451
5	Lợi nhuận trước thuế	12.720.365	7.628.025	-40,03%	5.893.421
6	Lợi nhuận sau thuế	10.087.495	5.939.111	-41,12%	4.277.778
7	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	18,35 %	9,92 %		6,67 %

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024,2025 và BCTC hợp nhất Quý 3/2026 của STB, dữ liệu doanh nghiệp FiinPro-X và ACBS tính toán. Hệ số tài chính (7) được tính dựa trên số dư cuối kỳ.)

Các chỉ số tài chính của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở trong 2 năm gần nhất

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)**		
1.1	- Tỷ lệ Nợ/Vốn huy động (LDR) thuần	0,94	0,98
1.2	- Dự nợ cho vay/Tổng tài sản	0,71	0,66
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)**		
2.1	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,93	0,93
2.2	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	12,61	14,32
3	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)**		
3.1	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng thu nhập hoạt động	35,18%	18,53%
3.2	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	18,35 %	9,92 %
3.3	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	1,35%	0,65%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
3.4	- Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng / Tổng thu nhập hoạt động	51,24%	59,31%
3.5	- Thu nhập (EPS) (đồng/cổ phiếu)	4.751	3.150

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025 của STB, dữ liệu doanh nghiệp FiinPro-X và ACBS tính toán. Các hệ số tài chính (1.1 đến 3.4) được tính dựa trên số dư cuối kỳ.)

3. Thời gian phân phối chứng quyền

ACBS dự kiến phân phối chứng quyền ngay sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm theo quy định.

Thời gian phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư dự kiến thực hiện trong vòng **10 ngày làm việc** kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm có hiệu lực, trong đó thời gian để nhà đầu tư đăng ký mua tối thiểu là **03 ngày**.

Lịch phân phối chứng quyền dự kiến như sau:

STT	Nội dung	Thời gian (Dự kiến)	Ghi chú
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm	T	Ngày làm việc
2	Công bố thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm được UBCKNN cấp	T → T+1	Trong vòng 24h kể từ ngày T
3	Công bố thông tin về đợt phát hành trên trang thông tin điện tử của Tổ chức phát hành và Sở giao dịch chứng khoán, bao gồm: - Thông báo phát hành chứng quyền - Bản cáo bạch chào bán chứng quyền	T+2 → T+3	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày T
4	Công bố Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp.	T+2 → T+7	
5	Phân phối chứng quyền (trong đó thời gian nhà đầu tư đăng ký mua tối thiểu là 03 ngày)	T+3 → Tối đa T+7	
6	Báo cáo và công bố thông tin kết quả phân phối chứng quyền (trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phân phối chứng quyền)	T+8 → T+9	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày T+7

(*) Ghi chú:

- Thời gian phân phối cụ thể sẽ được công bố chính thức tại bản Thông báo phát hành.
- Tài sản bảo đảm thanh toán được ACBS ký quỹ tại ngân hàng lưu ký trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền và duy trì tối thiểu là 50% giá trị chứng quyền đã phát hành, không tính số chứng quyền đã hủy niêm yết. Tài sản này không được dùng để cầm cố, thế chấp,

làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay hoặc các nghĩa vụ tài chính khác của ACBS hay của bất cứ bên thứ ba khác.

- Việc phân phối chứng quyền chỉ được thực hiện sau khi ACBS bảo đảm người mua chứng quyền tiếp cận được Bản cáo bạch.

4. Đăng ký mua chứng quyền

Thời hạn đăng ký mua

ACBS sẽ công bố chính thức thời gian nhận đăng ký mua trong Thông báo phát hành chứng quyền sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Thời gian để nhà đầu tư đăng ký mua đảm bảo tối thiểu là **03 ngày** và được dự kiến theo lịch như đã trình bày tại Mục 3 Phần VI trên đây.

Cách thức đăng ký

Nhà đầu tư thực hiện đăng ký mua thông qua kênh online:

- Tại web SMART.acbs.com.vn
- Qua ứng dụng ACBS SMART

Phương thức thanh toán

Khi đăng ký mua chứng quyền, nhà đầu tư đồng thời thực hiện nộp tiền mua chứng quyền vào tài khoản phong tỏa của Công ty theo thông tin sau:

- Chủ tài khoản: **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB.**
- Số tài khoản: **8640138465** tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

Cách thức xử lý khi chứng quyền chưa được phân phối hết

Trong trường hợp tổng số lượng chứng quyền do các nhà đầu tư đăng ký mua thấp hơn số lượng chứng quyền chào bán, tổ chức phát hành được chuyển số chứng quyền chưa phân phối hết vào tài khoản tự doanh của mình và tiếp tục phân phối thông qua hoạt động tạo lập thị trường trên hệ thống giao dịch của HOSE sau khi chứng quyền được niêm yết trên HOSE.

Cách thức xử lý khi số lượng chứng quyền đăng ký mua vượt số lượng chứng quyền chào bán

Trong trường hợp tổng số chứng quyền do các nhà đầu tư đăng ký mua vượt quá số lượng chứng quyền chào bán, số chứng quyền của từng nhà đầu tư được mua sẽ được xác định dựa trên nguyên tắc phân bổ theo tỷ lệ đăng ký mua của các nhà đầu tư, cụ thể như sau:

$$\text{Số lượng chứng quyền của từng nhà đầu tư được mua} = \text{Tổng số chứng quyền chào bán} \times \frac{\text{Số chứng quyền của từng nhà đầu tư đăng ký mua}}{\text{Tổng số chứng quyền của}}$$

các nhà đầu tư đăng ký mua

Số lượng chứng quyền phân bổ cho từng nhà đầu tư sẽ được làm tròn xuống đến hàng trăm (**100 chứng quyền**), đồng thời tổng số lượng chứng quyền phân phối cho tất cả các nhà đầu tư không vượt quá tổng số lượng chứng quyền chào bán.

Trường hợp đối với số lượng chứng quyền còn dư phát sinh sau khi làm tròn xuống (nếu có), số chứng quyền này sẽ được phân bổ đều cho các nhà đầu tư có khối lượng đăng ký mua lớn nhất bằng nhau. Nếu sau khi phân bổ đều theo nguyên tắc trên vẫn phát sinh số chứng quyền còn dư, số chứng quyền còn lại này sẽ được phân bổ vào tài khoản tự doanh của ACBS.

5. Hủy bỏ chào bán chứng quyền có bảo đảm

Trong trường hợp đợt chào bán chứng khoán ra công chúng của Công ty bị hủy bỏ theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng khoán 2019 và các quy định khác có liên quan (nếu có), Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về việc hủy bỏ đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ, Công ty sẽ thực hiện thu hồi toàn bộ chứng khoán đã phát hành và hoàn trả đầy đủ số tiền nhà đầu tư đã thanh toán (không bao gồm lãi, nếu có), thông qua phương thức thanh toán đã được Công ty công bố trong đợt chào bán. Quá thời hạn nêu trên, Công ty có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư theo các cam kết đã công bố và theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Thực hiện chứng quyền

6.1. Chứng quyền khi đến ngày đáo hạn, việc thanh toán sẽ được thực hiện như sau (với giả định ngày T là ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời là ngày đáo hạn và T được tính theo ngày làm việc):

- Ngày T - 7: VSDC lập và gửi cho HOSE, các Thành viên lưu ký Thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền.
- Ngày T: ACBS gửi thông báo giá thanh toán chứng quyền cho VSDC.
- Ngày T + 1 (9h): VSDC lập và chuyển Danh sách người sở hữu chứng quyền lưu ký cho Thành viên Lưu ký (dưới dạng chứng từ điện tử).
- Ngày T + 1 (11h): Thành viên lưu ký đối chiếu thông tin trong Danh sách do VSDC cung cấp và gửi cho VSDC thông báo xác nhận (dưới dạng chứng từ điện tử).

  Trường hợp xác nhận có sai sót hoặc sai lệch số liệu, Thành viên lưu ký phải gửi thêm cho

VSDC văn bản trong đó nêu rõ các thông tin sai sót hoặc sai lệch để phối hợp với VSDC điều chỉnh. Ngay sau khi điều chỉnh, VSDC sẽ cung cấp lại Danh sách đã hiệu chỉnh cho Thành viên lưu ký (dưới dạng chứng từ điện tử).

- Ngày T + 2: VSDC gửi cho ACBS Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền
- Ngày T + 3: ACBS gửi Thông báo xác nhận Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền cho VSDC. Trường hợp không chấp thuận thông tin trong Danh sách, ACBS phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSDC nêu rõ lý do.

  Trong ngày T + 3, ACBS chuyển đủ số tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản tiền theo thông báo của VSDC.
- Ngày T + 4: VSDC phân bổ tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản của Thành viên lưu ký liên quan. Thành viên lưu ký chịu trách nhiệm phân bổ tiền cho nhà đầu tư sở hữu chứng quyền trong ngày thanh toán (ngày T + 5).
- Ngày T + 5: là ngày thanh toán tiền. Tại ngày này, Thành viên lưu ký thực hiện phân bổ tiền thanh toán cho nhà đầu tư.

Lưu ý:

- Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền: Là số tiền trên một đơn vị chứng quyền trong trường hợp Giá thanh toán lớn hơn Giá thực hiện, được tính từ chênh lệch giữa Giá thanh toán và Giá thực hiện, bằng [(Giá thanh toán – Giá thực hiện) / Tỷ lệ chuyển đổi].
- Giá thanh toán chứng quyền là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.
- Trường hợp giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán trong 05 ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở vào những ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ được điều chỉnh tương ứng. Phương pháp tính toán và quy tắc làm tròn đối với các mức giá đóng cửa điều chỉnh này được áp dụng tương tự tại ngày giao dịch không hưởng quyền. Tổ chức phát hành xác định mức giá thanh toán làm căn cứ tính số tiền thanh toán và công bố mức giá này đối với các chứng quyền đang lưu hành vào ngày đáo hạn.

Ví dụ:

Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/48 (HSX: CVIB2306) có:

- Ngày giao dịch cuối cùng: 21/08/2024
- Ngày đáo hạn: 23/08/2024.

- Giá thanh toán chứng quyền là bình quân giá đóng cửa trong 05 (năm) ngày giao dịch cuối cùng của chứng khoán cơ sở (cổ phiếu VIB) trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn. Trường hợp này, giá đóng cửa cổ phiếu VIB được xác định tại trong 05 (năm) ngày: **16/08/2024, 19/08/2024, 20/08/2024, 21/08/2024, 22/08/2024**.

Trong 05 (năm) ngày tính giá bình quân, VIB phát sinh sự kiện giao dịch không hưởng quyền dẫn tới giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh:

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thông báo (số 1453/TB-SGDHCM) về ngày đăng ký cuối cùng như sau:

- Tổ chức niêm yết: Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
- Mã chứng khoán: VIB
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)
- **Ngày giao dịch không hưởng quyền: 22/8/2024**
- Ngày đăng ký cuối cùng: 23/8/2024
- Lý do và mục đích: Nhận cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ thêm 4.312.572.810.000 đồng
- Tỷ lệ thực hiện: 100:17

Như vậy, giá thanh toán chứng quyền CVIB2306 được tính như sau:

Ngày	Giá đóng cửa VIB, chưa điều chỉnh	Giá đóng cửa VIB điều chỉnh, chưa làm tròn số	Giá đóng cửa VIB điều chỉnh, đã làm tròn số
22/08/2024 **(Ngày GDKHQ của VIB)**	18.400	18.400,0	18.400
21/08/2024	21.350	[21.350/(1 + 17%)] = 18.247,9	18.250
20/08/2024	21.400	[21.400/(1 + 17%)] = 18.290,6	18.300
19/08/2024	21.500	[21.500/(1 + 17%)] = 18.376,1	18.400
16/08/2024	21.150	[21.150/(1 + 17%)] = 18.076,9	18.100
Giá thanh toán chứng quyền CVIB2306		**[18.400 + 18.250 +18.300 +18.400 +18.100]/5 = 18.290**	

- Số tiền thanh toán ròng: là số tiền thanh toán sau khi đã giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (thuế thu nhập cá nhân và các chi phí khác, nếu có).
- Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự

động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn.

6.2. Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán:

Trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán, thì việc thanh toán cho nhà đầu tư được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Thông tư 122/2025/TT-BTC ngày 22/12/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chứng quyền có bảo đảm. Tài sản dùng để thanh toán cho nhà đầu tư, bao gồm từ các nguồn sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký;
- Bảo lãnh thanh toán hoặc tài sản khác (nếu có);

Nếu trường hợp, Tổ chức phát hành vẫn không đủ tài sản để thanh toán cho nhà đầu tư, thì sẽ giải quyết theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

7. Quyền của người sở hữu chứng quyền

- Quyền của người sở hữu chứng quyền mua: người sở hữu chứng quyền mua được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện.
- Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán, phá sản, giải thể: việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có đảm bảo một phần.
- Trong trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do tổ chức phát hành đình chỉ, tạm ngừng hoạt động; hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết; hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc về xác định chỉ số; hoặc do Sở Giao dịch Chứng khoán xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư, thì cách tính giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền kể từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực được áp dụng theo công thức Black Scholes nêu tại mục 1.1. phần V của Bản cáo bạch này.

8. Điều chỉnh chứng quyền

- Tổ chức phát hành phải điều chỉnh chứng quyền trong các trường hợp sau: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, phát

hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu mới ...

- Cách thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi chứng khoán cơ sở có sự kiện doanh nghiệp như sau:
  - ✓ Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở.
  - ✓ Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
  - ✓ Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ × (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Tỷ lệ thực hiện hoặc giá thực hiện điều chỉnh cần làm tròn tới 4 chữ số thập phân
- Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của HOSE, tổ chức phát hành sẽ thực hiện điều chỉnh phù hợp theo quy định.

9. Các khoản phí, lệ phí, thuế phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền

- **Phí giao dịch:** Áp dụng khi nhà đầu tư đặt lệnh mua hoặc bán chứng quyền. Mức phí áp dụng theo quy định tại công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng quyền.
- **Thuế:** khi nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền, nắm giữ chứng quyền đến khi đáo hạn và thực hiện chứng quyền đối với chứng quyền có lãi, mức thuế suất áp dụng là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần.

Lưu ý: *trong một số trường hợp, số tiền thuế phải nộp có thể cao hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được từ tổ chức phát hành, phụ thuộc vào tương quan giữa giá thanh toán của chứng khoán cơ sở và tỷ lệ chuyển đổi.*

Ví dụ về cách tính thuế:

- ✓ ***Trường hợp 1:*** *Áp dụng khi nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền trước ngày đáo hạn (mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần).*

Ví dụ 1: Nhà đầu tư mua 100 chứng quyền mua có tài sản cơ sở là MWG với giá 2.000 VNĐ/chứng quyền, tỷ lệ chuyển đổi là 1:1, giá thực hiện là 30.000 VNĐ. Nếu nhà đầu tư bán 100 chứng quyền này tại mức giá 3.000 VNĐ/chứng quyền, số thuế phải nộp là: 3.000 x 100 x 0,1% = 300 VNĐ.

- ✓ ***Trường hợp 2:*** *Áp dụng khi nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền và chứng quyền này bị hủy niêm yết trước ngày đáo hạn (mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần). Trong đó, Giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần là:*
  - *Giá mua lại theo mức giá thị trường của Tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường x Số lượng chứng quyền (trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực); hoặc;*
  - *Giá thanh toán chứng quyền do Tổ chức phát hành công bố x Số lượng chứng quyền (sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực).*

Ví dụ 2: Tương ứng các giả thiết tại ví dụ 1, nếu chứng quyền bị hủy niêm yết và Tổ chức phát hành công bố giá thanh toán chứng quyền là 3.000 VNĐ/chứng quyền thì số thuế nhà đầu tư phải nộp cho 100 chứng quyền mình sở hữu là: 3.000 x 100 x 0,1% = 300 VNĐ.

- ✓ ***Trường hợp 3:*** *Áp dụng khi nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền đến khi đáo hạn, và thực hiện chứng quyền đối với chứng quyền có lãi (mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần). Trong đó, Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần bằng giá thanh toán của chứng khoán cơ sở nhân (x) Số lượng chứng quyền chia (:) cho Tỷ lệ chuyển đổi.*

Ví dụ 3: Tương ứng các giả thiết tại ví dụ 1, nếu giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở Giao dịch Chứng khoán công bố tại thời điểm thực hiện quyền là 30.000 VNĐ/cổ phiếu thì số thuế nhà đầu tư phải nộp khi thực hiện quyền cho 100 chứng quyền đang sở hữu là: 30.000 x 100 x 0,1% = 3.000 VNĐ

- ✓ ***Trường hợp 4:*** *trong một số trường hợp, số tiền thuế phải nộp có thể cao hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được từ tổ chức phát hành, phụ thuộc vào tương quan giữa giá thanh toán của chứng khoán cơ sở và tỷ lệ chuyển đổi.*

Ví dụ 4: Nhà đầu tư mua 100 chứng quyền mua có tài sản cơ sở là MWG với tỷ lệ chuyển đổi là 1:1, giá thực hiện là 100.000 VNĐ.

Nếu nhà đầu tư giữ chứng quyền đến ngày đáo hạn và giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở Giao dịch Chứng khoán công bố tại thời điểm thực hiện quyền là 100.100 VNĐ/cổ phiếu. Khi đó, chứng quyền này sẽ đáo hạn trong trạng thái có lãi và nhà đầu tư nhận được khoản tiền thanh toán từ tổ chức phát hành là: (100.100 – 100.000) x 100 = 10.000 VNĐ.

Số thuế nhà đầu tư phải nộp khi thực hiện quyền cho 100 chứng quyền đang sở hữu là: 100.100 x 100 x 0,1% = 10.010 VNĐ.

Như vậy, trong trường hợp này, số tiền thuế phải nộp của nhà đầu tư cao hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư được nhận là (10.010 – 10.000) = 10 VNĐ.

- **Phí thực hiện quyền:** nhà đầu tư phải trả phí cho VSDC theo quy định.
- **Phí lưu ký, chuyển khoản:** Áp dụng theo quy định của VSDC.

10. Hoạt động tạo lập thị trường

ACBS phải tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng năm (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:

- ✓ *Chỉ có lệnh bên mua hoặc lệnh bên bán chứng quyền.*
- ✓ *Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền.*
- ✓ *Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%. Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của giá (giá chào bán thấp nhất – giá chào mua cao nhất)/ giá chào mua cao nhất.*

Khi tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường ACBS phải tuân thủ:

- ✓ *Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền.*
- ✓ *Loại lệnh sử dụng là lệnh giới hạn.*
- ✓ *Giá đặt lệnh phải đảm bảo không vượt tỷ lệ chênh lệch 5%*
- ✓ *Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, ACBS phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán)*
- ✓ *Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút.*

Trong các trường hợp sau, ACBS không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- ✓ *Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa (ATO), năm (05) phút đầu sau khi kết thúc ATO và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa (ATC).*
- ✓ *Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch.*
- ✓ *Giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại bản cáo bạch của ACBS nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng.*
- ✓ *Số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng số lượng tối thiểu (100 chứng quyền) ACBS được miễn đặt lệnh bán.*
- ✓ *Chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp ACBS chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), ACBS được miễn đặt lệnh mua.*
- ✓ *Trường hợp thực hiện huỷ niêm yết chứng quyền, ACBS được miễn đặt lệnh bán.*
- ✓ *Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), ACBS được miễn đặt lệnh bán hoặc giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), ACBS được miễn đặt lệnh mua.*

- ✓ *Giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), ACBS được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua và được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền bán.*
- ✓ *Giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), ACBS được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền mua.*
- ✓ *Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức là chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% giá thực hiện), ACBS được miễn đặt lệnh bán.*
- ✓ *Trong 14 ngày trước khi chứng quyền đáo hạn.*
- ✓ *Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hoả hoạn, chiến tranh, ...*
- ✓ *Các trường hợp khác được SGDCK áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của UBCKNN.*
- ✓ *SGDCK sẽ thực hiện giám sát việc yết giá tạo lập thị trường của ACBS và yêu cầu ACBS giải trình nếu cần.*

VII. PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM THANH TOÁN CHO NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền được bảo đảm bằng các nguồn tài sản sau:

1.1. Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;

1.2. Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký;

1.3. Bảo lãnh thanh toán hoặc tài sản khác (nếu có).

2. Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

VIII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Quy trình quản trị rủi ro

1.1. Vai trò của nhà quản lý cấp cao trong việc theo dõi quản trị rủi ro, bao gồm vai trò của các Phòng ban liên quan

Hội đồng thành viên ACBS

- Phê chuẩn các hoạt động phát hành chứng quyền của ACBS trong hạn mức được quy định tại ACBS.
- Phê chuẩn nguồn vốn phân bổ cho toàn bộ hoạt động phát hành chứng quyền theo quy

định của UBCKNN và pháp luật.

- Phê chuẩn các kịch bản cho hoạt động phòng ngừa rủi ro liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền, bao gồm và không giới hạn trong việc quyết định các hạn mức quy mô, hạn mức tổn thất tối đa, lợi nhuận kỳ vọng, vị thế phòng ngừa rủi ro; phù hợp với hạn mức đầu tư và khẩu vị rủi ro trong hoạt động đầu tư đã được phê duyệt bởi Hội đồng thành viên ACBS (nếu có).
- Phê duyệt và ban hành Quy trình quản trị rủi ro và các Quy trình nội bộ có liên quan.

Tổng Giám đốc ACBS

- Chịu trách nhiệm về việc triển khai các phê chuẩn của Hội đồng thành viên ACBS.
- Thực hiện theo phân quyền hạn mức phán quyết của Hội đồng thành viên ACBS.
- Đảm bảo Quy trình được thiết lập và tổ chức đầy đủ, rõ ràng.

Phòng Quản lý rủi ro:

- Đề xuất các hạn mức quy mô và hạn mức ngăn lỗ cho các hoạt động phòng ngừa rủi ro theo quy định nội bộ và quy định pháp luật.
- Theo dõi và cảnh báo các rủi ro về giới hạn hoạt động phòng ngừa rủi ro cho hoạt động phát hành chứng quyền, các rủi ro về thị trường, các biến động khác làm ảnh hưởng đến nguồn vốn, quyền lợi của ACBS.
- Đưa ra các đề xuất hoặc cảnh báo khi hoạt động phòng ngừa rủi ro cho hoạt động phát hành chứng quyền chạm các hạn mức hoặc giới hạn nội bộ và quy định pháp luật.

Phòng Thị trường Phái sinh

Theo dõi, tuân thủ và cảnh báo các rủi ro về giới hạn hoạt động phòng ngừa rủi ro cho việc phát hành chứng quyền, rủi ro về thị trường, các biến động khác làm ảnh hưởng đến nguồn vốn, quyền lợi của ACBS. Đồng thời, báo cáo ngay các nội dung này cho Cấp có thẩm quyền để xem xét và có hướng xử lý.

Phòng Pháp chế:

Kiểm tra tính tuân thủ pháp luật của các nội dung trong Quy trình quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền của ACBS.

Phòng Kiểm soát nội bộ:

Giám sát thực hiện các quy định và quy trình về quản trị rủi ro, nhằm đảm bảo các hoạt động này được thực hiện một cách cẩn trọng, đúng trình tự, đồng thời tuân thủ các quy định nội bộ và

pháp luật hiện hành.

1.2. Quy trình quản trị rủi ro

ACBS thực hiện quy trình quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh sản phẩm chứng quyền theo các bước, trình tự như sau:

- **Bước 1: Nhận diện các rủi ro có thể phát sinh từ hoạt động kinh doanh chứng quyền**

Trong hoạt động phát hành chứng quyền ACBS có thể gặp phải các rủi ro chính như sau:

a. **Rủi ro thanh toán**: Rủi ro phát sinh khi ACBS không thể thực hiện được một phần hoặc toàn bộ các nghĩa vụ đã cam kết đối với nhà đầu tư. Ví dụ: ACBS bị mất khả năng thanh toán khi nhà đầu tư thực hiện quyền do không có đủ cổ phiếu hoặc tiền.

b. **Rủi ro thị trường:**

- Rủi ro phát sinh do các biến động kinh tế vi mô và vĩ mô tác động tiêu cực đến một hoặc một số ngành nghề, đối tượng doanh nghiệp nhất định, từ đó gây nên tâm lý hoảng loạn và hoạt động bán tháo chứng quyền hoặc tài sản cơ sở.
- Rủi ro phát sinh do các biến động xuất phát từ các yếu tố chính trị - xã hội trong và ngoài nước dẫn đến hoạt động bán tháo chứng quyền hoặc tài sản cơ sở trên diện rộng;
- Rủi ro phát sinh do các hoạt động thao túng giá và thanh khoản trên thị trường mà ACBS chưa thể hoặc không thể nhận diện được.

c. **Rủi ro pháp lý:**

- Rủi ro phát sinh do chính sách kinh doanh của ACBS không tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành;
- Rủi ro phát sinh do các phòng ban, nghiệp vụ, nhân viên ACBS thực hiện công việc không tuân thủ với quy định của pháp luật hiện hành.
- Rủi ro phát sinh do các quy định pháp lý liên quan thay đổi mang tính bất lợi hoặc ACBS khó xử lý nhanh dẫn đến chưa đáp ứng hoàn toàn các thay đổi theo quy định của pháp luật.
- Rủi ro phát sinh do các điều khoản trong hợp đồng kinh tế chưa rõ ràng dẫn đến khách hàng khiếu kiện hoặc ACBS không thể khiếu kiện khách hàng hoặc khả năng thắng kiện thấp.
- Rủi ro pháp lý phát sinh dẫn đến ACBS bị phạt, cảnh cáo, tạm ngừng hoạt động hoặc bị rút giấy phép nghiệp vụ kinh doanh chứng quyền.

d. **Rủi ro hoạt động:**

- Rủi ro phát sinh do ACBS chưa hoàn thiện/cập nhật quy trình vận hành hiện tại.
- Rủi ro phát sinh do con người hoặc do hệ thống giao dịch dẫn tới khách hàng có thể thực hiện các giao dịch không đúng quy định tại ACBS.
- Rủi ro phát sinh do con người hoặc do hệ thống giao dịch dẫn tới tính toán tỷ lệ/giá trị hedging bị lỗi/bị sai dẫn đến mua bán chứng khoán cơ sở/chứng quyền nhiều hơn trạng thái trung hòa rủi ro.
- Rủi ro phát sinh do nhân viên vô tình hoặc cố tình không tuân thủ các quy trình hướng dẫn tại các bộ phận nghiệp vụ.
- Rủi ro phát sinh do các yếu tố khách quan bên ngoài như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, ...

e. **Rủi ro thanh khoản:** Rủi ro phát sinh khi ACBS không thể thực hiện được hoặc thực hiện với phí cao hơn cho giao dịch mua/bán để đạt được trạng thái trung hòa rủi ro do cổ phiếu không có hoặc có thanh khoản thấp.

Bước 2: Phân tích rủi ro

a. **Rủi ro thanh toán:** Với quy mô của ACBS cũng như lịch sử về việc quản trị nguồn tiền và tài sản thì mức độ xảy ra rủi ro này tại ACBS là thấp, bên cạnh đó ACBS cũng thực hiện hoạt động hedging theo quy định để đảm bảo cổ phiếu thanh toán cho khách hàng khi đến ngày thực hiện quyền.

b. **Rủi ro thị trường**: Đây là rủi ro lớn nhất và có khả năng xảy ra cao nhất đồng thời là rủi ro khó phòng ngừa nhất trong hoạt động kinh doanh và phát hành chứng quyền có đảm bảo; khi rủi ro phát sinh cũng gây thiệt hại lớn trong hoạt động kinh doanh của ACBS.

c. **Rủi ro pháp lý:** Có thể xảy ra nếu ACBS vô tình không thực hiện đúng một hoạt động nào đó do thiếu ý kiến tư vấn từ bộ phận Luật, hoặc do chưa kịp cập nhật các thay đổi trong quy định chính sách.

d. **Rủi ro hoạt động:** Rủi ro xảy ra các lỗi liên quan đến hệ thống phần mềm là có thể xảy ra, bên cạnh đó là các rủi ro liên quan đến nhân viên làm sai quy trình cũng có thể xảy ra.

e. **Rủi ro thanh khoản:** Trong điều kiện thị trường bình thường với các cổ phiếu lớn thì rủi ro này thấp. Tuy nhiên vẫn có thể xảy ra rủi ro thanh khoản do có các thông tin tốt/xấu đột biến của doanh nghiệp, hoặc các thông tin có tác động tiêu cực tới toàn thị trường.

Bước 3: Kiểm soát rủi ro

Dựa trên việc đánh giá các rủi ro trọng yếu có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh chứng quyền tại ACBS, công ty xây dựng biện pháp kiểm soát rủi ro cụ thể cho từng loại rủi ro như sau :

a. Rủi ro thanh toán:

- Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro:
  - ✓ *Duy trì hệ số phòng ngừa rủi ro trung hòa theo một tỷ lệ nhất định nhưng không thấp hơn yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;*
  - ✓ *Bên cạnh đó ACBS luôn có các tài sản dự phòng để đảm bảo khả năng thanh toán khi đến hạn.*
- Cách thực hiện:
  - ✓ *Thực hiện giao dịch mua/bán hàng ngày tài sản cơ sở hoặc chứng quyền để đảm bảo tỷ lệ hedging theo mức trung hòa rủi ro;*
  - ✓ *Đánh giá rủi ro thanh khoản chung của ACBS bao gồm cả nghĩa vụ thanh toán dự kiến nếu có từ các chứng quyền đáo hạn.*
- Cơ sở vật chất thực hiện: Hệ thống phần mềm giao dịch, phần mềm excel, hệ thống BI, các báo cáo giám sát.

b. Rủi ro thanh khoản

- Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro: đảm bảo chi phí giao dịch phòng ngừa rủi ro ở mức thấp nhất.
- Cách thực hiện: Luôn giao dịch để đảm bảo một tỷ lệ trung hòa rủi ro theo quy định, chỉ phát hành chứng quyền với các cổ phiếu lớn và có thanh khoản ổn định. Bên cạnh đó là quy định khối lượng cổ phiếu hoặc tài sản cơ sở tối đa bắt buộc phải thực hiện giao dịch mua/bán để hạn chế rủi ro thanh khoản.
- Cơ sở vật chất thực hiện: Hệ thống phần mềm giao dịch, các báo cáo giám sát.

c. Rủi ro hoạt động

- Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro: giảm thiểu tối đa xảy ra các sự kiện rủi ro hoạt động.
- Cách thực hiện:
  - ✓ *Các bộ phận kinh doanh xây dựng đầy đủ các quy trình hoạt động liên quan đến kinh doanh chứng quyền có đảm bảo.*
  - ✓ *Thực hiện đào tạo đầy đủ cho các nhân sự liên quan về sản phẩm, quy trình để đảm bảo các quy trình được thực hiện đúng và đủ.*

- ✓ *Tiến hành đào tạo nâng cao nhận thức về rủi ro và phòng ngừa rủi ro cho toàn bộ nhân sự nhằm hạn chế các gian lận có thể xảy ra.*
- ✓ *Kiểm thử đầy đủ các hệ thống phần mềm giao dịch và hỗ trợ trước khi đưa vào sử dụng. Bên cạnh đó là luôn ghi nhận các phản hồi của khách hàng hoặc nhân viên ACBS để có điều chỉnh nếu cần.*
- ✓ *Có sự hỗ trợ, kiểm tra giám sát từ bộ phận quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ.*

- Công cụ thực hiện:

- ✓ *Các quy trình làm việc.*
- ✓ *Các tài liệu hướng dẫn và đào tạo.*

d. Rủi ro pháp lý

- Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro: Tuân thủ các quy định pháp lý liên quan.
- Cách thực hiện:

- ✓ *Bộ phận luật thực hiện rà soát các quy trình, hoặc các chính sách sản phẩm trước khi được ban hành và đưa vào sử dụng.*
- ✓ *Bộ phận luật cập nhật thường xuyên các thay đổi trong văn bản pháp luật để có thể hiệu chỉnh kịp thời các hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng nếu cần.*
- ✓ *Đào tạo nâng cao nhận thức cho nhân viên của ACBS về các rủi ro pháp lý nếu làm sai quy định.*

- Công cụ thực hiện: Các văn bản pháp luật, các chính sách, quy trình của ACBS.

Bước 4: Giám sát rủi ro

- Hoạt động quản trị rủi ro được giám sát hàng ngày hoặc định kỳ thông qua các báo cáo giám sát cụ thể theo quy định của UBCKNN, HOSE và của ACBS. Giám sát rủi ro cho hoạt động hedging được thực hiện theo quy trình của hoạt động hedging.
- Định kỳ thực hiện phân tích, đánh giá các rủi ro đã xảy ra để xác định các khu vực tiềm ẩn nhiều rủi ro và có biện pháp xử lý, hạn chế rủi ro thích hợp.

1.1. Sự kiểm soát giao dịch, hạn mức tín dụng và ký quỹ (theo đặc thù của tổ chức phát hành)

Kiểm soát giao dịch

- Đối với giao dịch của khách hàng: lệnh chỉ vào hệ thống khi bên mua đủ tiền thanh toán và bên bán phải có chứng khoán sẵn sàng để bán.

- Đối với giao dịch của tự doanh: các hạn mức đầu tư của nghiệp vụ tự doanh được Hội đồng Đầu tư phê duyệt. Giao dịch của tự doanh hoàn toàn tách biệt với giao dịch của khách hàng.

+ **Hạn mức ký quỹ:** Thực hiện theo Quyết định 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2017 của UBCKNN về việc hướng dẫn cho vay giao dịch ký quỹ đối với công ty chứng khoán:

- Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán không được vượt quá 200% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán.
- Tổng mức cho vay giao dịch ký quỹ của công ty chứng khoán đối với một khách hàng không được vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán.
- Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán đối với một loại chứng khoán không được vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán.
- Tổng số chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán không được vượt quá 5% tổng số chứng khoán niêm yết của một tổ chức niêm yết.

1.2. Tổ chức đánh giá tín dụng: Không có

2. Phương án phòng ngừa rủi ro

2.1. Mục đích phòng ngừa rủi ro

Để đảm bảo khả năng thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, hạn chế một cách hiệu quả những tổn thất do rủi ro gây ra đối với ACBS và người sở hữu chứng quyền.

2.2. Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro

Ban điều hành có trách nhiệm:

- Chỉ đạo xây dựng chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro chứng quyền.
- Phân công trách nhiệm và giám sát việc thực hiện quy trình quản trị rủi ro đã được cấp có thẩm quyền ban hành.
- Theo dõi kết quả thực hiện và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về việc thực hiện quyền và trách nhiệm trong công tác quản trị rủi ro.

Bộ phận Kiểm soát nội bộ (thuộc Phòng Kiểm soát nội bộ) có trách nhiệm:

- Kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng thành viên và các văn bản liên quan.
- Kiểm tra và giám sát hoạt động phát hành và phòng ngừa rủi ro theo đúng quy định, quy trình và chính sách của công ty.
- Giám sát và đánh giá các xung đột lợi ích nếu có.

Bộ phận Quản lý Rủi ro (thuộc Phòng Quản lý Rủi ro) có trách nhiệm:

- Theo dõi, giám sát hoạt động phòng ngừa rủi ro của bộ phận trực tiếp tham gia phòng ngừa rủi ro chứng quyền.
- Cảnh báo Ban điều hành về các hạn mức của ACBS, của Sở Giao dịch Chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước liên quan đến phát hành và phòng ngừa rủi ro chứng quyền.
- Tham mưu cho Ban điều hành các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa và xử lý rủi ro.
- Đảm bảo các rủi ro được quản lý theo chính sách của ACBS và sự tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro được ban hành trong toàn hệ thống.

Phòng Thị trường Phái sinh có trách nhiệm:

- Trực tiếp tham gia vào quy trình phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.
- Thực hiện các hoạt động mua bán chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro, thực hiện báo cáo về chênh lệch vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế và lý thuyết hàng ngày theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
- Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và phối hợp với Phòng Quản lý Rủi ro để quản trị và kiểm soát rủi ro cho sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.

Thông tin về các nhân sự tại bộ phận trực tiếp thực hiện hoạt động phòng ngừa rủi ro chứng quyền

Ông Huỳnh Minh Tuấn – Giám đốc Phòng Thị trường Phái sinh.

Trình độ chuyên môn: Chứng chỉ phân tích tài chính bậc 3 (CFA Level 3), Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Kinh nghiệm: Có 8 năm làm việc trong lĩnh vực phân tích và đầu tư chứng khoán.

2.3. Nguyên tắc thực hiện tổng quát

ACBS áp dụng phương án phòng ngừa rủi ro trung hòa delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, ACBS sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở để giữ cho tổng vị thế phòng ngừa rủi ro của ACBS không thấp hơn tỷ lệ phòng ngừa rủi ro tối thiểu theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi.

a. Chứng khoán phòng ngừa rủi ro

- Chứng khoán cơ sở của chứng quyền.

b. Vị thế phòng ngừa rủi ro

Cách tính hệ số phòng ngừa rủi ro

- Hệ số phòng ngừa rủi ro được ACBS áp dụng là hệ số Delta.
- Delta: Hệ số phòng ngừa rủi ro delta, là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở.
- Delta được tính toán dựa trên công thức Black Scholes như sau:

$$Delta_{CALL} = N(d_1)$$

Trong đó:

- $Delta_{CALL}$: Giá trị delta của chứng quyền mua;
- $N(d1)$: xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes như sau:

$$d_1 = \frac{ln(\frac{S}{X}) + (r_c + \frac{\sigma^2}{2})T}{\sigma\sqrt{T}}$$

Các tham số đầu vào trong công thức trên được xác định như sau:

Tham số	Phương pháp tính
X: Giá thực hiện của chứng quyền.	Do ACBS ấn định tùy thuộc vào điều kiện thị trường tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng.
S: Giá chứng khoán cơ sở hiện tại.	Là giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng hoặc tại thời điểm tính toán làm báo cáo.
T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm)	Là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/365.
r_c: Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm).	Bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng của 4 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng hoặc tại thời điểm tính toán làm báo cáo, cộng biên độ 2%.
σ: Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm).	Độ biến động giá kỳ vọng = độ biến động giá quá khứ x (1 + hệ số điều chỉnh) Trong đó: - Độ biến động giá quá khứ của chứng khoán cơ sở được xác định trong thời gian 12 tháng gần nhất.

	- Hệ số điều chỉnh được xác định dựa trên nhu cầu thị trường về chứng quyền và chứng khoán cơ sở, tính thanh khoản của chứng quyền và của chứng khoán cơ sở và độ biến động giá kỳ vọng của các chứng quyền tương tự.
k: Tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền	Là số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.

Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết

- ACBS xác định vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết dựa trên công thức Black Scholes như sau:

$$P = Delta \times OI / k$$

Trong đó:

- P: Số lượng chứng khoán cơ sở do ACBS dự kiến nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.
- OI: Xác định vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết. OI = Số lượng chứng quyền đang lưu hành + Số lượng chứng quyền đã bán từ tài khoản tự doanh nhưng chưa được VSDC thực hiện bút toán ghi sổ vào tài khoản NĐT - Chứng quyền chờ về tài khoản tự doanh của TCPH.
- k: Tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền.
- Delta: Hệ số phòng ngừa rủi ro delta, là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở, được tính dựa trên công thức DeltaCALL = N(d1).

Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế

- Độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T của chứng quyền được xác định như sau:

$$\Delta p_t \% = (P_t - p_t)/P_t \times 100\ \%$$

Trong đó:

- Δ pT %: Độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T.
- PT: Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết trong ngày T của chứng quyền.

- pT: Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T của chứng quyền.
- P.TTPS ACBS thực hiện phòng ngừa rủi ro để đảm bảo độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế tại cuối ngày giao dịch không vượt quá 20%.
- Để hạn chế rủi ro, P.TTPS phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc quy định trong Chính sách Đầu tư và phê duyệt của Hội đồng Đầu tư liên quan đến hạn mức phòng ngừa rủi

ro từng thời kỳ. Các trường hợp vượt hạn mức nêu trên phải có sự phê duyệt của TGĐ hoặc Cấp có thẩm quyền.

- Vị thế phòng ngừa rủi ro phải được ACBS quản lý theo từng chứng quyền.

c. Phương án phòng ngừa rủi ro

- ACBS áp dụng phương án phòng ngừa rủi ro trung hòa delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, ACBS sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở để giữ cho tổng vị thế phòng ngừa rủi ro của ACBS không thấp hơn tỷ lệ phòng ngừa rủi ro tối thiểu theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi.

d. Ví dụ minh họa

- Giả sử ACBS phát hành chứng quyền có bảo đảm với các thông số đầu vào mô tả như bên dưới:
    - Tài sản cơ sở: ABC (mã chứng khoán cơ sở giả định).
    - Ngày phát hành: 15/10/2020.
    - Ngày niêm yết 22/10/2020.
    - Ngày đáo hạn: 15/01/2021.
    - Hệ số chuyển đổi: 1:1.
    - Lãi suất: 7%.
    - Độ biến động giả kỳ vọng: 36%.
    - Giá thực hiện: 24.000.
- ACBS thực hiện mua vào, bán ra cổ phiếu ABC khi giá cổ phiếu ABC thay đổi như sau:

Ngày	Giá cổ phiếu ABC	Delta	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết	Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế	Thay đổi của số lượng cổ phiếu ABC
21/10/2020	24.000	0.57	1.000.000	570.000	700.000	0
22/10/2020	25.000	0.66	900.000	594.000	700.000	0
23/10/2020	23.500	0.53	900.000	477.000	700.000	0
26/10/2020	24.500	0.62	950.000	589.000	700.000	0
27/10/2020	26.000	0.74	1.000.000	740.000	900.000	+ 200.000
28/10/2020	25.000	0.66	1.000.000	660.000	800.000	-100.000

3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền:

ACBS đã phát hành chứng quyền với các thông số như sau:

Các chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành và niêm yết trên HOSE

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
1	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/10M/93	CFPT2610	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	10,7639:1	76.244 đồng	19.000.000
2	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/10M/94	CMSN2609	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	8:1	85.000 đồng	16.000.000
3	Chứng quyền TPB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/95	CTPB2605	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	1,6806:1	15.125 đồng	11.000.000
4	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/10M/96	CVHM2609	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	4,3334:1	62.593 đồng	16.000.000
5	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/97	CVIB2604	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	1,7320:1	16.020 đồng	20.000.000
6	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/10M/98	CVNM2605	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	5,8148:1	62.993 đồng	16.000.000
7	Chứng quyền VPB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/99	CVPB2608	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	1,5586:1	23.379 đồng	15.000.000
8	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/10M/100	CVRE2603	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	2,8973:1	29.938 đồng	16.000.000
9	Chứng quyền HPG/ACBS/8M/102 Thời hạn 8 tháng	CHPG2625	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	2:1	25.000 đồng	18.000.000
10	Chứng quyền MBB/ACBS/8M/103 Thời hạn 8 tháng	CMBB2614	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	1,6019:1	20.825 đồng	18.000.000
11	Chứng quyền MWG/ACBS/8M/104 Thời hạn 8 tháng	CMWG2616	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	6,8019:1	79.680 đồng	18.000.000
12	Chứng quyền STB/ACBS/8M/105 Thời hạn 8 tháng	CSTB2619	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	5:1	79.000 đồng	18.000.000
13	Chứng quyền TCB/ACBS/8M/106 Thời hạn 8 tháng	CTCB2611	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	2,0015:1	22.684 đồng	18.000.000
14	Chứng quyền VPB/ACBS/8M/107 Thời hạn 8 tháng	CVPB2615	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	1,5863:1	22.605 đồng	18.000.000
15	Chứng quyền FPT/ACBS/8M/101 Thời hạn 8 tháng	CFPT2631	Mua	08 tháng	26/08/2026	26/04/2027	10,9121:1	65.473 đồng	15.000.000
16	Chứng quyền MSN/ACBS/8M/109 Thời hạn 8 tháng	CMSN2626	Mua	08 tháng	26/08/2026	26/04/2027	10:1	69.000 đồng	15.000.000
17	Chứng quyền SHB/ACBS/8M/110 Thời hạn 8 tháng	CSHB2620	Mua	08 tháng	26/08/2026	26/04/2027	2:1	12.500 đồng	5.000.000

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
18	Chứng quyền VHM/ACBS/8M/112 Thời hạn 8 tháng	CVHM2620	Mua	08 tháng	26/08/2026	26/04/2027	10:1	76.000 đồng	4.000.000
19	Chứng quyền VIB/ACBS/8M/113 Thời hạn 8 tháng	CVIB2611	Mua	08 tháng	26/08/2026	26/04/2027	1,8267:1	13.700 đồng	15.000.000
20	Chứng quyền VNM/ACBS/8M/114 Thời hạn 8 tháng	CVNM2619	Mua	08 tháng	26/08/2026	26/04/2027	6:1	64.000 đồng	11.000.000
21	Chứng quyền VRE/ACBS/8M/115 Thời hạn 8 tháng	CVRE2610	Mua	08 tháng	26/08/2026	26/04/2027	3:1	25.000 đồng	4.000.000
22	Chứng quyền FPT/ACBS/7M/116	CFPT2636	Mua	07 tháng	25/09/2026	23/04/2027	9:1	69.100 đồng	15.000.000
23	Chứng quyền HPG/ACBS/7M/117	CHPG2642	Mua	07 tháng	25/09/2026	23/04/2027	3:1	23.000 đồng	28.000.000
24	Chứng quyền MBB/ACBS/7M/118	CMBB2624	Mua	07 tháng	25/09/2026	23/04/2027	3:1	21.000 đồng	28.000.000
25	Chứng quyền MSN/ACBS/7M/119	CMSN2631	Mua	07 tháng	25/09/2026	23/04/2027	9:1	71.000 đồng	20.000.000
26	Chứng quyền MWG/ACBS/7M/120	CMWG2630	Mua	07 tháng	25/09/2026	23/04/2027	8,8816:1	75.000 đồng	28.000.000
27	Chứng quyền STB/ACBS/7M/122	CSTB2631	Mua	07 tháng	25/09/2026	23/04/2027	7:1	77.000 đồng	15.000.000
28	Chứng quyền TCB/ACBS/7M/123	CTCB2624	Mua	07 tháng	25/09/2026	23/04/2027	2,6687:1	22.016 đồng	20.000.000
29	Chứng quyền VIB/ACBS/7M/125	CVIB2612	Mua	07 tháng	25/09/2026	23/04/2027	2:1	14.000 đồng	20.000.000
30	Chứng quyền VNM/ACBS/7M/126	CVNM2624	Mua	07 tháng	25/09/2026	23/04/2027	7:1	61.000 đồng	15.000.000
31	Chứng quyền VPB/ACBS/7M/127	CVPB2630	Mua	07 tháng	25/09/2026	23/04/2027	2,3795:1	22.209 đồng	20.000.000
32	Chứng quyền SHB/ACBS/7M/121	CSHB2622	Mua	07 tháng	25/09/2026	23/04/2027	2:1	12.500 đồng	15.000.000

↓ Các chứng quyền có bảo đảm đã đáo hạn

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
1	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/3M/01	CHPG2023	Mua	3 tháng	12/10/2020	12/01/2021	1:1	28.500 đồng	2.000.000
2	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/6M/02	CHPG2102	Mua	6 tháng	05/01/2021	05/07/2021	0,7352:1	30.144 đồng	4.000.000
3	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/9M/05	CTCB2101	Mua	9 tháng	05/01/2021	05/10/2021	1:1	31.000 đồng	2.000.000

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
4	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/4M/05	CHPG2110	Mua	4 tháng	04/08/2021	06/12/2021	5:1	44.000 đồng	10.000.000
5	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/4M/07	CVNM2108	Mua	4 tháng	04/08/2021	06/12/2021	9,8301:1	78.641 đồng	5.000.000
6	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/4M/10	CFPT2104	Mua	4 tháng	04/08/2021	06/12/2021	9,8947:1	79.158 đồng	7.000.000
7	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/04	CMWG2104	Mua	12 tháng	22/03/2021	22/03/2022	6,6444:1	89.699 đồng	5.000.000
8	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/9M/06	CTCB2105	Mua	9 tháng	04/08/2021	04/05/2022	5:1	45.000 đồng	15.000.000
9	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/9M/08	CVRE2105	Mua	9 tháng	04/08/2021	04/05/2022	5:1	30.000 đồng	10.000.000
10	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/9M/09	CMSN2104	Mua	9 tháng	04/08/2021	04/05/2022	8,3261:1	98.248 đồng	5.000.000
11	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/9M/11	CVHM2115	Mua	9 tháng	17/11/2021	17/08/2022	9,7163:1	91.333 đồng	15.000.000
12	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/6M/12	CHPG2208	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	3,7823:1	30.258 đồng	10.000.000
13	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/6M/13	CTCB2204	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	5:1	45.000 đồng	5.000.000
14	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/6M/14	CMSN2202	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	8,2758:1	126.620 đồng	5.000.000
15	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/6M/15	CMWG2204	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	4,9711:1	72.080 đồng	5.000.000
16	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/6M/16	CVNM2204	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	9,6717:1	70.603 đồng	5.000.000
17	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/6M/17	CVRE2204	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	5:1	33.000 đồng	5.000.000
18	Chứng quyền VIC/ACBS/Call/EU/Cash/6M/18	CVIC2203	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	10:1	86.000 đồng	5.000.000

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
19	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/8M/19	CHPG2225	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	17.000 đồng	18.000.000
20	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/8M/20	CTCB2214	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	27.000 đồng	4.500.000
21	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/8M/21	CMBB2213	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	17.000 đồng	9.000.000
22	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/8M/22	CMSN2214	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	10:1	100.000 đồng	3.000.000
23	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/8M/23	CMWG2213	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	6:1	54.000 đồng	9.000.000
24	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/8M/24	CVNM2211	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	5,8946:1	66.806 đồng	6.000.000
25	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/8M/25	CVRE2219	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	29.000 đồng	4.500.000
26	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/8M/26	CVHM2218	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	6:1	54.000 đồng	9.000.000
27	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/8M/27	CFPT2212	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	10:1	70.000 đồng	8.000.000
28	Chứng quyền POW/ACBS/Call/EU/Cash/8M/28	CPOW2210	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	1:1	13.000 đồng	2.000.000
29	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/9M/29	CHPG2306	Mua	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	3:1	20.000 đồng	24.000.000
30	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/9M/30	CFPT2303	Mua	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	8,4983:1	73.085 đồng	8.000.000
31	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/9M/31	CSTB2303	Mua	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	2:1	22.000 đồng	10.000.000
32	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/9M/32	CMWG2302	Mua	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	5,943:1	49.525 đồng	12.000.000
33	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/7M/42	CFPT2311	Mua	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	9,8844:1	88.960 đồng	10.000.000

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
34	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/7M/43	CHPG2330	Mua	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	3:1	31.000 đồng	12.000.000
35	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/44	CMBB2313	Mua	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	2:1	21.000 đồng	10.000.000
36	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/45	CTCB2308	Mua	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	3:1	37.000 đồng	9.000.000
37	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/33	CSTB2306	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	2:1	30.000 đồng	19.000.000
38	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/34	CMBB2306	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	1.6965:1	16.965 đồng	20.000.000
39	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/35	CHPG2309	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3:1	24.000 đồng	25.000.000
40	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/36	CMWG2305	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3.962:1	35.658 đồng	9.000.000
41	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/37	CVIB2302	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	1.5718:1	18.076 đồng	15.000.000
42	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/38	CTCB2302	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3:1	27.000 đồng	14.000.000
43	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/39	CVHM2302	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	4:1	50.000 đồng	12.000.000
44	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/40	CMSN2302	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	6:1	66.000 đồng	6.000.000
45	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/12M/41	CVRE2303	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3:1	25.000 đồng	8.000.000
46	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/10M/46	CMWG2316	Mua	10 tháng	24/10/2023	23/08/2024	6:1	48.000 đồng	10.000.000
47	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/47	CSTB2334	Mua	10 tháng	24/10/2023	23/08/2024	3:1	27.000 đồng	8.000.000
48	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/48	CVIB2306	Mua	10 tháng	24/10/2023	23/08/2024	1.8879:1	16.047 đồng	7.000.000

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
49	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/49	CHPG2402	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	2,7268:1	28.177 đồng	10.500.000
50	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/50	CMBB2402	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	1,7003:1	20.403 đồng	11.000.000
51	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/51	CMWG2401	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	4:1	66.000 đồng	10.000.000
52	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/52	CSTB2402	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	3:1	30.000 đồng	10.500.000
53	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/53	CVIB2402	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	1,6444:1	19.732 đồng	10.000.000
54	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/54	CVNM2401	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	7,4141:1	61.166 đồng	8.000.000
55	Chứng quyền VPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/55	CVPB2401	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	1,8488:1	19.412 đồng	9.000.000
56	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/12M/56	CFPT2404	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	12,8473: 1	103.635 đồng	12.000.000
57	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/57	CHPG2409	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	2,4982: 1	20.818 đồng	20.000.000
58	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/58	CMBB2407	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	1,3033:1	16.943 đồng	15.000.000
59	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/59	CMSN2406	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	6:1	79.000 đồng	6.000.000
60	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/60	CMWG2407	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	5,9149: 1	69.007 đồng	18.000.000
61	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/61	CSTB2410	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	3:1	38.000 đồng	11.000.000
62	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/62	CTCB2403	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	4,8710:1	25.329 đồng	12.000.000
63	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/63	CVHM2408	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	4:1	38.000 đồng	7.000.000

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
64	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/64	CVIB2407	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	1,6895: 1	15.205 đồng	9.000.000
65	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/65	CVNM2407	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	5,4968:1	62.296 đồng	9.000.000
66	Chứng quyền VPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/66	CVPB2409	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	1,9471:1	21.418 đồng	11.000.000
67	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/12M/67	CVRE2407	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	2:1	16.000 đồng	6.000.000
68	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/7M/81	CFPT2519	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	6,8870:1	121.385 đồng	16.000.000
69	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/7M/82	CHPG2528	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	2:1	30.000 đồng	17.000.000
70	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/83	CMBB2518	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	1,5:1	21.750 đồng	17.000.000
71	Chứng quyền MWG/ACBS/Call / EU/Cash/7M/84	CMWG2520	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	4,9291: 1	77.879 đồng	17.000.000
72	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/85	CSTB2528	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	3:1	49.000 đồng	17.000.000
73	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/86	CTCB2518	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	1,9484: 1	35.071 đồng	16.000.000
74	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/12M/68	CFPT2513	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	11,0965: 1	115.234 đồng	26.700.000
75	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/69	CHPG2518	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	2,4533:1	22.897 đồng	31.900.000
76	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/70	CMBB2511	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	2,25:1	18.750 đồng	35.200.000
77	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/71	CMSN2512	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	7:1	60.000 đồng	10.000.000
78	Chứng quyền MWG/ACBS/Call /EU/Cash/12M/72	CMWG2511	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	5,9149:1	63.092 đồng	27.600.000

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
79	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/73	CSTB2515	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	3:1	40.000 đồng	25.500.000
80	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/74	CTCB2507	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	2,8624:1	27.193 đồng	20.100.000
81	Chứng quyền TPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/75	CTPB2503	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	1,9063:1	12.391 đồng	12.900.000
82	Chứng quyền VHM/ACBS/Cal/EU/Cash/12M/76	CVHM2512	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	4:1	58.000 đồng	10.000.000
83	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/77	CVIB2504	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	1,6654:1	15.821 đồng	16.600.000
84	Chứng quyền VNM/ACBS/Cal/EU/Cash/12M/78	CVNM2511	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	5,7358:1	52.579 đồng	14.200.000
85	Chứng quyền VPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/79	CVPB2513	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	1,9651:1	17.686 đồng	29.500.000
86	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/12M/80	CVRE2512	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	2:1	23.500 đồng	11.000.000
87	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/10M/87	CHPG2604	Mua	10 tháng	26/12/2025	26/10/2026	2,6778:1	25.885 đồng	19.000.000
88	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/88	CMBB2604	Mua	10 tháng	26/12/2025	26/10/2026	2,4028:1	21.626 đồng	19.000.000
89	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/10M/89	CMWG2604	Mua	10 tháng	26/12/2025	26/10/2026	6,8019:1	82.595 đồng	19.000.000
90	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/90	CSTB2604	Mua	10 tháng	26/12/2025	26/10/2026	5:1	60.000 đồng	19.000.000
91	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/91	CTCB2601	Mua	10 tháng	26/12/2025	26/10/2026	3,9176:1	36.238 đồng	19.000.000

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán

- Tên Công ty: Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
- Địa chỉ: Số 115, đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP. HCM
- Điện thoại: (028) 3821 9266.
- Website: https://home.kpmg/vn/vi.

2. Ngân hàng lưu ký

- Tên Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
- Địa chỉ: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP. HCM.
- Điện thoại: (028) 3821 8812 Fax: (028) 3914 4714
- Website: www.bidv.com.vn

3. Tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành, tổ chức tư vấn

Không có

X. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Chúng tôi, các Chi nhánh, Phòng Giao dịch và công ty con của chúng tôi tham gia vào các hoạt động đầu tư, môi giới, quản lý quỹ và các hoạt động khác có thể có các thông tin quan trọng về Công ty, và/hoặc các chứng khoán cơ sở hoặc phát hành, hoặc cập nhật các báo cáo nghiên cứu về Công ty, và/hoặc chứng khoán cơ sở. Các hoạt động, thông tin, và/hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan hoặc ảnh hưởng đến Công ty, các chứng khoán cơ sở và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ công bố những thông tin như vậy và có thể phát hành báo cáo nghiên cứu, và tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành chứng quyền.

Trong quá trình kinh doanh thông thường, chúng tôi, Hội sở, các Chi nhánh, Phòng giao dịch và công ty con của chúng tôi có thể thực hiện các giao dịch cho tài khoản của chúng tôi hoặc cho các khách hàng của chúng tôi và có thể tham gia vào một hoặc nhiều giao dịch liên quan đến Công ty và/hoặc các chứng khoán cơ sở hoặc các sản phẩm phái sinh liên quan. Điều này có thể gián tiếp ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư.

Tính đến thời điểm nộp hồ sơ và thực hiện các thủ tục liên quan đến việc chào bán chứng quyền dựa trên chứng khoán cơ sở của Tổ chức phát hành, ACBS không phải là người có liên quan với Ngân hàng lưu ký, Tổ chức kiểm toán và Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở.

XI. CAM KẾT

Tổ chức phát hành cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong bản cáo bạch này.

XII. GIỚI THIỆU CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN

STT	VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN
1.	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
2.	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024
3.	Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
4.	Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024, Thông tư 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025 và Thông tư 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026.
5.	Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động công ty chứng khoán
6.	Thông tư số 122/2025/TT-BTC ngày 22/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về chứng quyền có bảo đảm
7.	Quyết định số 72/QĐ-UBCK ngày 18/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế hướng dẫn chào bán và phòng ngừa rủi ro chứng quyền có bảo đảm
8.	Quyết định số 34/QĐ-SGDHCM ngày 20/01/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế niêm yết và công bố thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
9.	Quyết định số 41/QĐ-HĐTV ngày 21/08/2026 ban hành Quy chế hoạt động đăng ký và thực hiện chứng quyền có bảo đảm tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
10.	Các văn bản pháp luật khác có liên quan

XIII. PHỤ LỤC

- Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức phát hành;
- Nghị quyết của Hội đồng thành viên thông qua phương án chào bán và việc niêm yết chứng quyền;
- Hợp đồng ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán;
- Điều lệ của tổ chức phát hành.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2026

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

ACBS

TỔNG GIÁM ĐỐC

S.G.P: 06 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN ACB
P. XUÂN HÒA - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Đức Hoàn

NGÂN HÀNG LƯU KÝ

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA

BIDV

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA
TP.HỒ CHÍ MINH

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu

BẢN SAO

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Số: 10/GPHDKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------***----------

Hà nội, ngày 29 tháng 06 năm 2000

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

- *Căn cứ Nghị định số 75/CP ngày 28 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;*
- *Căn cứ Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán;*
- *Xét hồ sơ xin cấp phép hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty trách nhiệm hữu hạn chứng khoán ACB ngày 25 tháng 05 năm 2000.*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 - Cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán cho:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN ACB

- Tên giao dịch: Công ty trách nhiệm hữu hạn chứng khoán ACB.
- Trụ sở chính đặt tại: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh.
- Quyết định thành lập số 0.516/QĐ do Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu ký ngày 23 tháng 05 năm 2000.
- Vốn điều lệ: 43.000.000.000 đồng (43 tỷ đồng chẵn).

Điều 2 - Công ty trách nhiệm hữu hạn chứng khoán ACB được phép thực hiện các loại hình kinh doanh sau đây:

1. **Môi giới**
2. **Tự doanh**
3. **Bảo lãnh phát hành**
4. **Quản lý danh mục đầu tư**
5. **Tư vấn đầu tư chứng khoán**

Điều 3 - Trong quá trình hoạt động, Công ty trách nhiệm hữu hạn chứng khoán ACB phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về chứng khoán và thị trường chứng khoán, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 4 - Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán, Công ty trách nhiệm hữu hạn chứng khoán ACB phải khai trương hoạt động. Sau thời hạn trên, nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn chứng khoán ACB không khai trương hoạt động, giấy phép này mặc nhiên hết hiệu lực.

Điều 5 - Giấy phép này được lập thành ba (03) bản gốc; một (01) bản cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn chứng khoán ACB; một (01) bản gửi cho Trung tâm giao dịch chứng khoán; một (01) bản đăng ký tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

NGUYỄN ĐỨC QUANG

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.
Số chứng thực 022473 Quyển 10 SCT/BS
Ngày: 29-10-2026
Công chứng viên

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG QUẬN 10 - S.Đ.K.H.Đ: 7920120200024-C.T.H.D - P.VƯỜN LÀI - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Lê Nghĩa

BẢN SAO

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB
ACB SECURITIES COMPANY
Số/*No.*: 39 /NQ-HĐTV-ACBS.26

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 08 năm 2026
Ho Chi Minh City, August 19, 2026

NGHỊ QUYẾT
RESOLUTION

V/v: Chào bán chứng quyền có bảo đảm
Regarding: Offering of covered warrants

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB
THE BOARD OF MEMBERS OF ACB SECURITIES COMPANY

Căn cứ/ Pursuant to:

- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
  The Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 and its guiding documents;
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;*
  Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020 of the Government detailing the implementation of certain articles of the Law on Securities;
- *Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;*
  Decree No. 245/2025/NĐ-CP dated September 11, 2025 of the Government amending and supplementing certain articles of Decree No. 155/2020/NĐ-CP;
- *Thông tư số 122/2025/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về chứng quyền có bảo đảm;*
  Circular No. 122/2025/TT-BTC dated December 22, 2025 of the Minister of Finance guiding Covered Warrants;
- *Điều lệ Công ty TNHH Chứng khoán ACB; và*
  The current Charter of ACB Securities Company; and
- *Báo cáo kết quả kiểm phiếu ngày 19../..8../2026 về việc thông qua việc chào bán chứng quyền có bảo đảm.*
  Voting counting report dated August 19, 2026 regarding approval for Offering of covered warrants.

QUYẾT NGHỊ
HEREBY RESOLVES

Điều 1: Hội đồng thành viên nhất trí thông qua việc chào bán chứng quyền có bảo đảm với nội dung chính như sau:

Article 1: *The Board of Members unanimously approves the offering of covered warrants with the following main contents:*

1. Chứng quyền FPT/ACBS/9M/128/ *Warrant FPT/ACBS/9M/128*

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
1	Tên chứng quyền *Covered warrant name*	Chứng quyền FPT/ACBS/9M/128 *Warrant FPT/ACBS/9M/128*
2	Mã chứng khoán cơ sở *Underlying security code*	FPT *FPT*
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở Underlying security issuer	Công ty Cổ Phần FPT *FPT Corporation*
4	Loại chứng quyền *Warrant Type*	Mua *Call Warrant*
5	Kiểu chứng quyền *Exercise style*	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn *Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date*
6	Phương thức thực hiện chứng quyền *Settlement type*	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền *Cash settlement*
7	Thời hạn của chứng quyền *Term*	9 tháng *9 months*
8	Ngày phát hành dự kiến *Expected issuance date*	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ("UBCKNN") cấp Giấy chứng nhận chào bán *Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by the State Securities Commission of Vietnam ("SSC")*

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
9	Ngày niêm yết dự kiến *Expected listing date*	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 4 năm 2026) *After approval by the Ho Chi Minh City Stock Exchange ("HOSE") (expected in the fourth quarter of 2026)*
10	Tỷ lệ chuyển đổi *Conversion ratio*	10:1 (mười chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) *10:1 (ten warrants convertible into one share)*
11	Giá thực hiện dự kiến *Expected exercise price*	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành *Within ±20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date*
12	Giá chào bán dự kiến *Expected offering price*	1.000 (một nghìn) đồng đến 2.500 (hai nghìn năm trăm) đồng/một chứng quyền *From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 2,500 (two thousand, five hundred) Vietnamese dong/warrant*
13	Số lượng chứng quyền chào bán *Total offering number*	16.000.000 (mười sáu triệu) chứng quyền *16,000,000 (sixteen million) warrants*
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán *Expected total offering value*	16.000.000.000 (mười sáu tỷ) đồng đến 40.000.000.000 (bốn mươi tỷ) đồng *16,000,000,000 (sixteen billion) Vietnamese dong to 40,000,000,000 (forty billion) Vietnamese dongd)*
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán *Collateral value for settlement*	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán *Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered*
16	Tài sản đảm bảo thanh toán *Collateral type*	Bằng tiền *In cash*
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán *Settlement collateral depository bank*	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
		Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn *Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn*

2. Chứng quyền HPG/ACBS/9M/129/ *Warrant HPG/ACBS/9M/129*

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
1	Tên chứng quyền *Covered warrant name*	Chứng quyền HPG/ACBS/9M/129 *Warrant HPG/ACBS/9M/129*
2	Mã chứng khoán cơ sở *Underlying security code*	HPG *HPG*
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở Underlying security issuer	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát *Hoa Phat Group Joint Stock Company*
4	Loại chứng quyền *Warrant Type*	Mua *Call Warrant*
5	Kiểu chứng quyền *Exercise style*	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn *Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date*
6	Phương thức thực hiện chứng quyền *Settlement type*	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền *Cash settlement*
7	Thời hạn của chứng quyền *Term*	9 tháng *9 months*
8	Ngày phát hành dự kiến *Expected issuance date*	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
		Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by SSC
9	Ngày niêm yết dự kiến *Expected listing date*	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 4 năm 2026) *After approval by HOSE (expected in the fourth quarter of 2026)*
10	Tỷ lệ chuyển đổi *Conversion ratio*	3:1 (ba chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) *3:1 (three warrants convertible into one share)*
11	Giá thực hiện dự kiến *Expected exercise price*	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành *Within ±20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date*
12	Giá chào bán dự kiến *Expected offering price*	1.000 (một nghìn) đồng đến 2.500 (hai nghìn năm trăm) đồng/một chứng quyền *From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 2,500 (two thousand, five hundred) Vietnamese dong/warrant*
13	Số lượng chứng quyền chào bán *Total offering number*	24.000.000 (hai mươi bốn triệu) chứng quyền *24,000,000 (twenty-four million) warrants*
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán *Expected total offering value*	24.000.000.000 (hai mươi bốn tỷ) đồng đến 60.000.000.000 (sáu mươi tỷ) đồng *24,000,000,000 (twenty-four billion) Vietnamese dong to 60,000,000,000 (sixty billion) Vietnamese dong*
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán *Collateral value for settlement*	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán *Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered*
16	Tài sản đảm bảo thanh toán *Collateral type*	Bằng tiền *In cash*

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán *Settlement collateral depository bank*	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn *Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn*

3. Chứng quyền MBB/ACBS/9M/130/ *Warrant MBB/ACBS/9M/130*

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
1	Tên chứng quyền *Covered warrant name*	Chứng quyền MBB/ACBS/9M/130 *Warrant MBB/ACBS/9M/130*
2	Mã chứng khoán cơ sở *Underlying security code*	MBB *MBB*
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở Underlying security issuer	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội *Military Commercial Joint Stock Bank*
4	Loại chứng quyền *Warrant Type*	Mua *Call Warrant*
5	Kiểu chứng quyền *Exercise style*	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn *Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date*
6	Phương thức thực hiện chứng quyền *Settlement type*	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền *Cash settlement*
7	Thời hạn của chứng quyền *Term*	9 tháng *9 months*

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
8	Ngày phát hành dự kiến *Expected issuance date*	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán *Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by SSC*
9	Ngày niêm yết dự kiến *Expected listing date*	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 4 năm 2026) *After approval by HOSE (expected in the fourth quarter of 2026)*
10	Tỷ lệ chuyển đổi *Conversion ratio*	4:1 (bốn chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) *4:1 (four warrants convertible into one share)*
11	Giá thực hiện dự kiến *Expected exercise price*	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành *Within ±20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date*
12	Giá chào bán dự kiến *Expected offering price*	1.000 (một nghìn) đồng đến 2.500 (hai nghìn năm trăm) đồng/một chứng quyền *From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 2,500 (two thousand, five hundred) Vietnamese dong/warrant*
13	Số lượng chứng quyền chào bán *Total offering number*	24.000.000 (hai mươi bốn triệu) chứng quyền *24,000,000 (twenty-four million) warrants*
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán *Expected total offering value*	24.000.000.000 (hai mươi bốn tỷ) đồng đến 60.000.000.000 (sáu mươi tỷ) đồng *24.000.000.000 (twenty-four billion) Vietnamese dong to 60.000.000.000 (sixty billion) Vietnamese dong*
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán *Collateral value for settlement*	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán *Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered*
16	Tài sản đảm bảo thanh toán	Bằng tiền

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
	Collateral type	*In cash*
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán *Settlement collateral depository bank*	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn *Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn*

4. Chứng quyền MSN/ACBS/9M/131/ *Warrant MSN/ACBS/9M/131*

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
1	Tên chứng quyền *Covered warrant name*	Chứng quyền MSN/ACBS/9M/131 *Warrant MSN/ACBS/9M/131*
2	Mã chứng khoán cơ sở *Underlying security code*	MSN *MSN*
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở Underlying security issuer	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan *Masan Group Corporation*
4	Loại chứng quyền *Warrant Type*	Mua *Call Warrant*
5	Kiểu chứng quyền *Exercise style*	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn *Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date*
6	Phương thức thực hiện chứng quyền *Settlement type*	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền *Cash settlement*
7	Thời hạn của chứng quyền	9 tháng

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
	Term	*9 months*
8	Ngày phát hành dự kiến *Expected issuance date*	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán *Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by SSC*
9	Ngày niêm yết dự kiến *Expected listing date*	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 4 năm 2026) *After approval by HOSE (expected in the fourth quarter of 2026)*
10	Tỷ lệ chuyển đổi *Conversion ratio*	10:1 (mười chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) *10:1 (ten warrants convertible into one share)*
11	Giá thực hiện dự kiến *Expected exercise price*	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành *Within ±20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date*
12	Giá chào bán dự kiến *Expected offering price*	1.000 (một nghìn) đồng đến 2.500 (hai nghìn năm trăm) đồng/một chứng quyền *From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 2,500 (two thousand, five hundred) Vietnamese dong/warrant*
13	Số lượng chứng quyền chào bán *Total offering number*	16.000.000 (mười sáu triệu) chứng quyền *16,000,000 (sixteen million) warrants*
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán *Expected total offering value*	16.000.000.000 (mười sáu tỷ) đồng đến 40.000.000.000 (bốn mươi tỷ) đồng *16,000,000,000 (sixteen billion) Vietnamese dong to 40,000,000,000 (forty billion) Vietnamese dong)*
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán *Collateral value for settlement*	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán *Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered*

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
16	Tài sản đảm bảo thanh toán *Collateral type*	Bằng tiền *In cash*
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán *Settlement collateral depository bank*	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn *Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn*

5. Chứng quyền MWG/ACBS/9M/132/ *Warrant MWG/ACBS/9M/132*

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
1	Tên chứng quyền *Covered warrant name*	Chứng quyền MWG/ACBS/9M/132 *Warrant MWG/ACBS/9M/132*
2	Mã chứng khoán cơ sở *Underlying security code*	MWG *MWG*
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở Underlying security issuer	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động *Mobile World Investment Corporation*
4	Loại chứng quyền *Warrant Type*	Mua *Call Warrant*
5	Kiểu chứng quyền *Exercise style*	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn *Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date*
6	Phương thức thực hiện chứng quyền *Settlement type*	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền *Cash settlement*

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
7	Thời hạn của chứng quyền *Term*	9 tháng *9 months*
8	Ngày phát hành dự kiến *Expected issuance date*	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán *Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by SSC*
9	Ngày niêm yết dự kiến *Expected listing date*	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 4 năm 2026) *After approval by HOSE (expected in the fourth quarter of 2026)*
10	Tỷ lệ chuyển đổi *Conversion ratio*	10:1 (mười chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) *10:1 (ten warrants convertible into one share)*
11	Giá thực hiện dự kiến *Expected exercise price*	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành *Within ±20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date*
12	Giá chào bán dự kiến *Expected offering price*	1.000 (một nghìn) đồng đến 2.500 (hai nghìn năm trăm) đồng/một chứng quyền *From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 2,500 (two thousand, five hundred) Vietnamese dong/warrant*
13	Số lượng chứng quyền chào bán *Total offering number*	24.000.000 (hai mươi bốn triệu) chứng quyền *24,000,000 (twenty-four million) warrants*
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán *Expected total offering value*	24.000.000.000 (hai mươi bốn tỷ) đồng đến 60.000.000.000 (sáu mươi tỷ) đồng *24,000,000,000 (twenty-four billion) Vietnamese dong to 60,000,000,000 (sixty billion) Vietnamese dong*
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán *Collateral value for settlement*	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
		Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered
16	Tài sản đảm bảo thanh toán *Collateral type*	Bằng tiền *In cash*
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán *Settlement collateral depository bank*	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn *Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn*

6. Chứng quyền STB/ACBS/9M/133/ *Warrant STB/ACBS/9M/133*

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
1	Tên chứng quyền *Covered warrant name*	Chứng quyền STB/ACBS/9M/133 *Warrant STB/ACBS/9M/133*
2	Mã chứng khoán cơ sở *Underlying security code*	STB *STB*
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở Underlying security issuer	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Tài Lộc *Saigon Treasure Commercial Joint Stock Bank*
4	Loại chứng quyền *Warrant Type*	Mua *Call Warrant*
5	Kiểu chứng quyền *Exercise style*	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
		Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date
6	Phương thức thực hiện chứng quyền *Settlement type*	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền *Cash settlement*
7	Thời hạn của chứng quyền *Term*	9 tháng *9 months*
8	Ngày phát hành dự kiến *Expected issuance date*	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán *Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by SSC*
9	Ngày niêm yết dự kiến *Expected listing date*	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 4 năm 2026) *After approval by HOSE (expected in the fourth quarter of 2026)*
10	Tỷ lệ chuyển đổi *Conversion ratio*	11:1 (mười một chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) *11:1 (eleven warrants convertible into one share)*
11	Giá thực hiện dự kiến *Expected exercise price*	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành *Within ±20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date*
12	Giá chào bán dự kiến *Expected offering price*	1.000 (một nghìn) đồng đến 2.500 (hai nghìn năm trăm) đồng/một chứng quyền *From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 2,500 (two thousand, five hundred) Vietnamese dong/warrant*
13	Số lượng chứng quyền chào bán *Total offering number*	16.000.000 (mười sáu triệu) chứng quyền *16,000,000 (sixteen million) warrants*

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán *Expected total offering value*	16.000.000.000 (mười sáu tỷ) đồng đến 40.000.000.000 (bốn mươi tỷ) đồng *16.000.000.000 (sixteen billion) Vietnamese dong to 40.000.000.000 (forty billion) Vietnamese dongd)*
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán *Collateral value for settlement*	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán *Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered*
16	Tài sản đảm bảo thanh toán *Collateral type*	Bằng tiền *In cash*
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán *Settlement collateral depository bank*	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn *Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn*

7. **Chứng quyền TCB/ACBS/9M/134/ *Warrant TCB/ACBS/9M/134***

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
1	Tên chứng quyền *Covered warrant name*	Chứng quyền TCB/ACBS/9M/134 *Warrant TCB/ACBS/9M/134*
2	Mã chứng khoán cơ sở *Underlying security code*	TCB *TCB*
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở Underlying security issuer	Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
		Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank
4	Loại chứng quyền *Warrant Type*	Mua *Call Warrant*
5	Kiểu chứng quyền *Exercise style*	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn *Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date*
6	Phương thức thực hiện chứng quyền *Settlement type*	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền *Cash settlement*
7	Thời hạn của chứng quyền *Term*	9 tháng *9 months*
8	Ngày phát hành dự kiến *Expected issuance date*	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán *Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by SSC*
9	Ngày niêm yết dự kiến *Expected listing date*	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 4 năm 2026) *After approval by HOSE (expected in the fourth quarter of 2026)*
10	Tỷ lệ chuyển đổi *Conversion ratio*	4:1 (bốn chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) *4:1 (four warrants convertible into one share)*
11	Giá thực hiện dự kiến *Expected exercise price*	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành *Within ±20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date*
12	Giá chào bán dự kiến *Expected offering price*	1.000 (một nghìn) đồng đến 2.500 (hai nghìn năm trăm) đồng/một chứng quyền

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
		From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 2,500 (two thousand, five hundred) Vietnamese dong/warrant
13	Số lượng chứng quyền chào bán *Total offering number*	16.000.000 (mười sáu triệu) chứng quyền *16,000,000 (sixteen million) warrants*
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán *Expected total offering value*	16.000.000.000 (mười sáu tỷ) đồng đến 40.000.000.000 (bốn mươi tỷ) đồng *16,000,000,000 (sixteen billion) Vietnamese dong to 40,000,000,000 (forty billion) Vietnamese dong)*
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán *Collateral value for settlement*	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán *Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered*
16	Tài sản đảm bảo thanh toán *Collateral type*	Bằng tiền *In cash*
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán *Settlement collateral depository bank*	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn *Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn*

8. Chứng quyền VIB/ACBS/9M/135/ *Warrant VIB/ACBS/9M/135*

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
1	Tên chứng quyền *Covered warrant name*	Chứng quyền VIB/ACBS/9M/135 *Warrant VIB/ACBS/9M/135*

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
2	Mã chứng khoán cơ sở *Underlying security code*	VIB *VIB*
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở Underlying security issuer	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam *Vietnam International Commercial Joint Stock Bank*
4	Loại chứng quyền *Warrant Type*	Mua *Call Warrant*
5	Kiểu chứng quyền *Exercise style*	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn *Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date*
6	Phương thức thực hiện chứng quyền *Settlement type*	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền *Cash settlement*
7	Thời hạn của chứng quyền *Term*	9 tháng *9 months*
8	Ngày phát hành dự kiến *Expected issuance date*	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán *Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by SSC*
9	Ngày niêm yết dự kiến *Expected listing date*	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 4 năm 2026) *After approval by HOSE (expected in the fourth quarter of 2026)*
10	Tỷ lệ chuyển đổi *Conversion ratio*	2:1 (hai chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) *2:1 (two warrants convertible into one share)*
11	Giá thực hiện dự kiến *Expected exercise price*	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
		Within ±20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date
12	Giá chào bán dự kiến *Expected offering price*	1.000 (một nghìn) đồng đến 2.500 (hai nghìn năm trăm) đồng/một chứng quyền *From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 2,500 (two thousand, five hundred) Vietnamese dong/warrant*
13	Số lượng chứng quyền chào bán *Total offering number*	16.000.000 (mười sáu triệu) chứng quyền *16,000,000 (sixteen million) warrants*
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán *Expected total offering value*	16.000.000.000 (mười sáu tỷ) đồng đến 40.000.000.000 (bốn mươi tỷ) đồng *16,000,000,000 (sixteen billion) Vietnamese dong to 40,000,000,000 (forty billion) Vietnamese dongd)*
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán *Collateral value for settlement*	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán *Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered*
16	Tài sản đảm bảo thanh toán *Collateral type*	Bằng tiền *In cash*
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán *Settlement collateral depository bank*	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn *Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn*

9. Chứng quyền VNM/ACBS/9M/136/ *Warrant VNM/ACBS/9M/136*

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
1	Tên chứng quyền *Covered warrant name*	Chứng quyền VNM/ACBS/9M/136 *Warrant VNM/ACBS/9M/136*
2	Mã chứng khoán cơ sở *Underlying security code*	VNM *VNM*
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở Underlying security issuer	Công ty Cổ phần sữa Việt Nam *Vietnam Dairy Products Joint Stock Company*
4	Loại chứng quyền *Warrant Type*	Mua *Call Warrant*
5	Kiểu chứng quyền *Exercise style*	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn *Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date*
6	Phương thức thực hiện chứng quyền *Settlement type*	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền *Cash settlement*
7	Thời hạn của chứng quyền *Term*	9 tháng *9 months*
8	Ngày phát hành dự kiến *Expected issuance date*	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán *Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by SSC*
9	Ngày niêm yết dự kiến *Expected listing date*	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 4 năm 2026) *After approval by HOSE (expected in the fourth quarter of 2026)*
10	Tỷ lệ chuyển đổi *Conversion ratio*	9:1 (chín chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) *9:1 (nine warrants convertible into one share)*
11	Giá thực hiện dự kiến *Expected exercise price*	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
		Within ±20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date
12	Giá chào bán dự kiến *Expected offering price*	1.000 (một nghìn) đồng đến 2.500 (hai nghìn năm trăm) đồng/một chứng quyền *From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 2,500 (two thousand, five hundred) Vietnamese dong/warrant*
13	Số lượng chứng quyền chào bán *Total offering number*	16.000.000 (mười sáu triệu) chứng quyền *16.000.000 (sixteen million) warrants*
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán *Expected total offering value*	16.000.000.000 (mười sáu tỷ) đồng đến 40.000.000.000 (bốn mươi tỷ) đồng *16,000,000,000 (sixteen billion) Vietnamese dong to 40,000,000,000 (forty billion) Vietnamese dong)*
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán *Collateral value for settlement*	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán *Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered*
16	Tài sản đảm bảo thanh toán *Collateral type*	Bằng tiền *In cash*
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán *Settlement collateral depository bank*	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn *Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn*

10. Chứng quyền VPB/ACBS/9M/137/ *Warrant VPB/ACBS/9M/137*

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
1	Tên chứng quyền *Covered warrant name*	Chứng quyền VPB/ACBS/9M/137 *Warrant VPB/ACBS/9M/137*
2	Mã chứng khoán cơ sở *Underlying security code*	VPB *VPB*
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở Underlying security issuer	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng *Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank*
4	Loại chứng quyền *Warrant Type*	Mua *Call Warrant*
5	Kiểu chứng quyền *Exercise style*	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn *Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date*
6	Phương thức thực hiện chứng quyền *Settlement type*	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền *Cash settlement*
7	Thời hạn của chứng quyền *Term*	9 tháng *9 months*
8	Ngày phát hành dự kiến *Expected issuance date*	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán *Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by SSC*
9	Ngày niêm yết dự kiến *Expected listing date*	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 4 năm 2026) *After approval by HOSE (expected in the fourth quarter of 2026)*
10	Tỷ lệ chuyển đổi *Conversion ratio*	4:1 (bốn chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) *4:1 (four warrants convertible into one share)*

STT *No.*	Thông tin *Descriptions*	Chứng quyền *Covered warrants*
11	Giá thực hiện dự kiến *Expected exercise price*	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành *Within ±20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date*
12	Giá chào bán dự kiến *Expected offering price*	1.000 (một nghìn) đồng đến 2.500 (hai nghìn năm trăm) đồng/một chứng quyền *From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 2,500 (two thousand, five hundred) Vietnamese dong/warrant*
13	Số lượng chứng quyền chào bán *Total offering number*	24.000.000 (hai mươi bốn triệu) chứng quyền *24,000,000 (twenty-four million) warrants*
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán *Expected total offering value*	24.000.000.000 (hai mươi bốn tỷ) đồng đến 60.000.000.000 (sáu mươi tỷ) đồng *24,000,000,000 (twenty-four billion) Vietnamese dong to 60,000,000,000 (sixty billion) Vietnamese dong*
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán *Collateral value for settlement*	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán *Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered*
16	Tài sản đảm bảo thanh toán *Collateral type*	Bằng tiền *In cash*
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán *Settlement collateral depository bank*	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn *Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn*

Việc chào bán và niêm yết từng chứng quyền sẽ phụ thuộc vào chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nếu bất kỳ chứng quyền nào trong các chứng quyền nêu trên không thể đăng ký chào bán, không được chấp thuận, không thể phát hành được hoặc không thể niêm yết vì bất kỳ lý do gì tại thời từng thời điểm, thì việc này sẽ không ảnh hưởng đến các chứng quyền còn lại, và chấp thuận của Hội đồng thành viên đối với (các) chứng quyền còn lại sẽ vẫn tiếp tục có hiệu lực thi hành.

The offering and listing of each Covered Warrant shall be subject to the approval of the competent state authorities. If any of the Covered Warrants referred to above cannot be registered for offering, is not approved, cannot be issued, or cannot be listed for any reason at any relevant time, such circumstance shall not affect the remaining Covered Warrants, and the approval of the Board of Members in respect of the remaining Covered Warrant(s) shall remain valid and continue in full force and effect.

Điều 2: Giao/ ủy quyền Tổng Giám đốc thực hiện các công việc sau:

- Quyết định các vấn đề cụ thể khác liên quan đến việc chào bán và niêm yết chứng quyền có bảo đảm nêu tại Nghị quyết này.
- Ký và ban hành các hồ sơ, tài liệu, quyết định, quy định, văn bản, quy trình, thỏa thuận, hợp đồng, văn bản giải trình, sửa đổi, bổ sung hồ sơ tài liệu đã nộp liên quan đến thủ tục chào bán, đăng ký lưu ký và niêm yết các chứng quyền nêu trên theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (gồm UBCKNN, các Sở giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, và các cơ quan có thẩm quyền khác);
- Thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật để hoàn tất các công việc tại Nghị quyết này.

Article 2: *The Board of Members hereby assigns and authorizes the President & CEO to carry out the following tasks:*

- *To decide on all other specific matters relating to the offering and listing of the Covered Warrants referred to in this Resolution;*
- *To sign and issue all applications, documents, decisions, regulations, written instruments, procedures, agreements, contracts, explanatory letters, and any amendments or supplements to the application dossiers and documents already submitted in connection with the offering, registration for depository, and listing of the above-mentioned Covered Warrants in accordance with applicable laws and the requirements of the competent authorities, including SSC, the Stock Exchanges in Vietnam, the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation, and other competent authorities;*
- *To perform all other acts and take all necessary actions in accordance with applicable laws to implement and complete the matters set out in this Resolution.*

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị và cá nhân trong hệ thống Công ty TNHH Chứng khoán ACB chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.
Article 3: *This Resolution shall take effect from the date of signing. The Board of Management, departments and individuals within ACB Securities Company Limited shall be responsible for the implementation of this Resolution.*

Nơi nhận:
- *Hội đồng thành viên;*
- *Như Điều 3;*
- *Lưu thư ký Công ty; P.HCTH;*

Recipients:
- *Board of Members;*
- *As Article 3;*
- *Filing: Company Secretary; General Administration Department;*

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
ON BEHALF OF THE BOARD OF MEMBERS
CHỦ TỊCH/ *CHAIRMAN*

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN ACB

ĐỖ MINH TOÀN

Bản sao đúng với bản chính.
Số: 022398 Quyển 1...0 SCT/BS
Ngày 26-10-2026

Công chứng viên

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG QUẬN 10

Nguyễn Lê Nghĩa

BẢN SAO

HỢP ĐỒNG KÝ QUỸ BẢO ĐẢM THANH TOÁN

Số: 06/2026/TT/BIDV-ACBS

GIỮA

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

với tư cách là Tổ Chức Phát Hành

- và -

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA

với tư cách là Ngân Hàng Lưu Ký

NGÀY 26 THÁNG 10 NĂM 2026

HỢP ĐỒNG KÝ QUỸ BẢO ĐẢM THANH TOÁN này được lập vào ngày **26/10/2026** (sau đây gọi là "**Hợp Đồng**") giữa:

A. CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Địa chỉ	:	Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, P.Xuân Hòa, TP.HCM		
Giấy phép thành lập	:	06/GPHĐKD Cấp ngày: 29/06/2000 Nơi cấp Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và các GPĐC từng thời kỳ		
Điện thoại	:	028-38234159	Fax	:
Người đại diện	:	Nguyễn Đức Hoàn	Chức vụ	: Tổng Giám đốc
Văn bản ủy quyền	:	34/GUQ-ACBS.26 ngày 12/10/2026		

*(Sau đây gọi là "**Tổ Chức Phát Hành**")*

và

B. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM, CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA

Địa chỉ	:	Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCO số 66, 68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP.HCM		
Giấy CNĐKDN	:	0100150619079 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 29/11/2004, đăng ký sửa đổi lần thứ 11 ngày 31/01/2019		
Giấy phép HĐLK	:	Quyết định số 106/QĐ-UBCK do Uỷ Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 14 tháng 5 năm 2003		
Điện thoại	:	028.38218818	Fax	: 028.39144714
Người đại diện	:	Nguyễn Chí Minh Châu	Chức vụ	: Phó Giám đốc Chi nhánh
Văn bản ủy quyền	:	5259/QĐ-BIDV ngày 01/07/2026		

PHÓ GIÁM ĐỐC

*(Sau đây gọi là "**Ngân Hàng Lưu Ký**")*

(Tổ Chức Phát Hành, Ngân Hàng Lưu Ký sau đây gọi riêng là mỗi "**Bên**" và gọi chung là "**Các Bên**").

Các bên thỏa thuận ký kết **Hợp Đồng** này với các điều khoản sau:

I.CƠ SỞ XÁC LẬP HỢP ĐỒNG:

(i) Tổ Chức Phát Hành sẽ phát hành Chứng quyền có bảo đảm cụ thể theo **Phụ lục 1** đính kèm Hợp Đồng này (sau đây gọi là "**Chứng Quyền**")

(ii) Tổ Chức Phát Hành đã ban hành Bản Cáo Bạch liên quan đến việc phát hành Chứng Quyền, bao gồm cả các điều khoản và điều kiện của Chứng Quyền ("**Bản Cáo Bạch**").

(iii) Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các chứng quyền phát hành khi đến hạn, Tổ Chức Phát Hành đồng ý ký quỹ các Tài Sản Ký Quỹ (được định nghĩa dưới đây) tại Ngân Hàng Lưu Ký theo quy định tại Bản Cáo Bạch chào bán chứng quyền và Hợp Đồng này.

II. CÁC BÊN THỎA THUẬN như sau:

1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1.1. Định nghĩa

Trong Hợp Đồng này, bên cạnh các từ ngữ được định nghĩa tại các điều khoản cụ thể:

- **"Biện Pháp Bảo Đảm"** nghĩa là Tổ Chức Phát Hành ký quỹ các Tài Sản Ký Quỹ tại Ngân Hàng Lưu Ký để bảo đảm cho việc thực hiện và hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán vào Ngày Đáo Hạn Chứng Quyền.

- **"Chứng Quyền Có Lãi"** là chứng quyền mua có giá thực hiện (chỉ số thực hiện) thấp hơn giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở hoặc chứng quyền bán có giá thực hiện (chỉ số thực hiện) cao hơn giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở.

- **"Người Sở Hữu Chứng Quyền"** là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của Tổ Chức Phát Hành và không phải là Tổ Chức Phát Hành chứng quyền.

- **"Ngày Định Giá"** là bất kỳ ngày nào trong thời gian có hiệu lực của chứng quyền.

- **"Ngày Làm Việc"** có nghĩa là ngày không phải ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ kể cả nghỉ bù, mà vào ngày đó các ngân hàng mở cửa hoạt động kinh doanh bình thường tại Hà Nội.

- **"Ngày Đáo Hạn"** là ngày cuối cùng mà Người Sở Hữu Chứng Quyền được thực hiện chứng quyền.

- **"Giá Trị Ký Quỹ"** là giá trị của Tài Sản Ký Quỹ mà Tổ Chức Phát Hành cam kết dùng để làm Biện Pháp Bảo Đảm căn cứ theo Hợp Đồng này.

- **"Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu Tại Thời Điểm Chào Bán"** có nghĩa bằng **50%** Tổng giá trị Chứng Quyền tối đa dự kiến chào bán căn cứ trên Bản Cáo Bạch.

- **"Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu"** có nghĩa bằng **50%** Tổng giá trị Chứng Quyền đã phát hành và đăng ký phát hành.

- **"Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán"** nghĩa là (những) Thỏa thuận sửa đổi của Hợp Đồng này về cơ bản theo mẫu được quy định tại **Phụ Lục 4** (*Mẫu Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán*) sẽ được Tổ Chức Phát Hành và Ngân Hàng Lưu Ký ký kết và cung cấp căn cứ theo Hợp Đồng này.

- **"Tài Sản Ký Quỹ"** có nghĩa là tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành. Tài sản này không được dùng để ký quỹ, thế chấp, làm tài sản bảo

đảm cho các khoản vay hoặc nghĩa vụ tài chính khác của Tổ Chức Phát Hành hay bất cứ bên thứ ba nào khác.

- **"Tài Sản Ký Quỹ Bổ Sung"** có nghĩa được quy định tại Điều 2.4(a) (Điều Chỉnh Biện Pháp Bảo Đảm).

- **"Tài Sản Ký Quỹ Rút Bớt"** có nghĩa được quy định tại Điều 2.4(b) (Điều Chỉnh Biện Pháp Bảo Đảm).

- **"Tài Sản Ký Quỹ Thay Thế"** có nghĩa được quy định tại Điều 2.4(c) (Điều Chỉnh Biện Pháp Bảo Đảm)

- **Tổng Giá Trị Chứng Quyền đã phát hành, đăng ký phát hành của Tổ Chức Phát Hành** *(không tính số chứng quyền đã hủy niêm yết hoặc đã đáo hạn)*:

  - **"Tổng Giá trị Chứng Quyền đăng ký phát hành"** = [Giá Đăng ký chào bán chứng quyền] x [Số lượng Chứng Quyền đăng ký chào bán]
  - **"Tổng Giá trị Chứng Quyền đã phát hành"** = [Giá Chào bán (đối với chứng quyền chưa niêm yết)] x [Số lượng chứng quyền chưa niêm yết] + [Giá Đóng cửa của Chứng Quyền tại ngày giao dịch gần nhất (Đối với Chứng Quyền niêm yết)] x [Số lượng Chứng Quyền niêm yết]

- **"Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật"** có nghĩa là bất kỳ văn bản nào nêu tại Điều 4 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015, và trong trường hợp các Điều này được sửa đổi hoặc bổ sung thì bao gồm cả bất kỳ văn bản nào sau này được định nghĩa là văn bản quy phạm pháp luật theo quy định sửa đổi hoặc bổ sung đó.

- **"VSDC"** nghĩa là Tổng Công ty Lưu ký và Bù Trừ Chứng khoán Việt Nam.

1.2. Giải thích

(a) Các thuật ngữ viết hoa được sử dụng nhưng không định nghĩa trong Hợp Đồng này sẽ có nghĩa tương tự như trong Bản Cáo Bạch chào bán Chứng Quyền ngày .....

(b) Trừ khi có quy định khác đi, dẫn chiếu trong Hợp Đồng này đến:

(i) Những từ chỉ số ít sẽ bao gồm cả từ số nhiều và ngược lại;

(ii) Bên hoặc bất cứ người nào khác sẽ được hiểu là bao gồm cả bên kế nhiệm hoặc bên nhận chuyển nhượng hợp pháp của bên đó;

(iii) **Các tài sản** bao gồm cả các tài sản, doanh thu và các quyền dưới mọi hình thức ở hiện tại và trong tương lai;

(iv) Thuật ngữ **Biện Pháp Bảo Đảm này** nghĩa là bất kỳ biện pháp bảo đảm nào được tạo lập bằng Hợp Đồng này;

(v) Một Điều, một Khoản, một Đoạn, hoặc một Phụ Lục được hiểu là các dẫn chiếu tới điều, khoản, đoạn hoặc một phụ lục của Hợp Đồng này;

(vi) Một loại tiền tệ là dẫn chiếu đến loại tiền tệ hợp pháp đang lưu hành tại quốc gia có liên quan;

(vii) Một người sẽ được hiểu là bao gồm cả cá nhân, doanh nghiệp, công ty, chính phủ, nhà nước hoặc cơ quan nhà nước hoặc công ty liên doanh, hiệp hội, công ty hợp danh, hội đồng hoặc tổ chức đại diện cho người lao động (cho dù có phải là một pháp nhân riêng rẽ hay không);

(viii) Một bên kế nhiệm sẽ được hiểu là bao gồm một bên nhận chuyển nhượng hoặc kế nhiệm quyền của bên đó và bất cứ người nào mà theo luật pháp nơi người đó được thành lập hoặc cư trú, tiếp nhận quyền và nghĩa vụ của bên đó theo Hợp Đồng này hoặc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ cho bên đó;

(ix) Một quy định pháp luật là dẫn chiếu đến quy định đã được sửa đổi hoặc thay thế;

(x) Hợp Đồng này hoặc bất cứ văn bản nào khác là dẫn chiếu đến Hợp Đồng này hoặc văn bản khác đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế;

(xi) Trừ khi có quy định khác đi, thời gian của ngày là dẫn chiếu đến thời gian tại Hà Nội, Việt Nam; và

(xii) Một văn bản sửa đổi bao gồm văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. CHỈ ĐỊNH NGÂN HÀNG LƯU KÝ VÀ TẠO LẬP BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

2.1 Chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký

(a) Bằng Hợp Đồng này, Tổ Chức Phát Hành chỉ định và Ngân Hàng Lưu Ký đồng ý với

(i) việc chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký là ngân hàng thực hiện việc lưu giữ và quản lý tài sản do Tổ Chức Phát Hành ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các Chứng Quyền đã phát hành và

(ii) các nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền, thẩm quyền và quyền quyết định được quy định cụ thể cho Ngân Hàng Lưu Ký theo quy định tại Hợp Đồng này

(b) Việc chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký quy định tại Điều 2.1(a) ở trên là chỉ định duy nhất và chừng nào việc chỉ định đó vẫn còn hiệu lực và không bị chấm dứt theo Hợp Đồng này thì Tổ Chức Phát Hành sẽ không chỉ định hay giao cho người khác cung cấp dịch vụ liên quan đến Chứng Quyền tương tự như dịch vụ Ngân Hàng Lưu Ký sẽ cung cấp theo Hợp Đồng này.

2.2 Tạo lập Biện Pháp Bảo Đảm

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán kịp thời, đầy đủ khi đến hạn các nghĩa vụ đang tồn tại hoặc sẽ phát sinh trong tương lai của Tổ Chức Phát Hành đối với Người Sở Hữu Chứng Quyền theo Bản Cáo Bạch, Tổ Chức Phát Hành đồng ý ký quỹ tại Ngân Hàng Lưu Ký tất cả các Tài Sản Ký Quỹ của Tổ Chức Phát Hành với thông tin chi tiết của Tài Sản Ký Quỹ và Giá Trị Ký Quỹ tại ngày ký Hợp Đồng này được nêu tại **Phụ Lục 2** của Hợp Đồng này và tại từng thời điểm sau

này như được cập nhật tại Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán.

2.3 Phương pháp xác định giá trị Tài Sản Ký Quỹ

a) Loại tài sản (bao gồm nhưng không giới hạn các tài sản sau dưới đây):

(i) **Ngoại tệ**: Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của BIDV tại Ngày Làm Việc liền kề trước Ngày Định Giá. Các loại ngoại tệ Ngân Hàng Lưu Ký nhận làm tài sản ký quỹ bao gồm: (***Chi nhánh thỏa thuận với khách hàng về các loại ngoại tệ nhận làm tài sản bảo đảm***)

(ii) **Tiền gửi không kỳ hạn**: Số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán tại thời điểm định giá của Ngày Định Giá

(iii) **Tiền gửi có kỳ hạn (Hợp đồng tiền gửi/ Chứng chỉ tiền gửi)**: Giá trị tiền gửi trừ đi lãi đã được thanh toán tính tới ngày trước Ngày định giá

b) Tổ Chức Phát Hành bảo đảm rằng Giá Trị Ký Quỹ được xác định theo quy định tại Hợp Đồng này. Tại thời điểm sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy Chứng Nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm đối với Chứng Quyền, Giá Trị Ký Quỹ được xác định tối thiểu bằng Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu Tại Thời Điểm Chào Bán. Tại thời điểm sau khi Tổ Chức Phát Hành ban hành thông báo phát hành Chứng Quyền và trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền, Giá Trị Ký Quỹ không thấp hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu.

2.4 Điều Chỉnh Biện Pháp Bảo Đảm

(a) Trong trường hợp Giá Trị Ký Quỹ thấp hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu thì trong vòng 24 giờ kể từ khi phát hiện Giá Trị Ký Quỹ thấp hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu, Ngân Hàng Lưu Ký sẽ gửi văn bản thông báo cho Tổ Chức Phát Hành để tiến hành các thủ tục bổ sung Tài Sản Ký Quỹ. Tổ Chức Phát Hành sẽ, trong thời gian sớm nhất có thể ký và cung cấp:

(i) Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán

(ii) Bất kỳ tài liệu nào theo quy định của pháp luật để thế chấp, bổ sung Tài Sản Ký Quỹ Bổ Sung thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành, phù hợp với các cam đoan nêu tại Hợp Đồng này ("**Tài Sản Ký Quỹ Bổ Sung**").

Từng Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán sẽ được bao gồm trong Hợp Đồng này và tạo thành một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này.

(b) Trường hợp Giá Trị Ký Quỹ cao hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu, Tổ Chức Phát Hành có quyền yêu cầu rút bớt Tài Sản Ký Quỹ bằng cách gửi yêu cầu bằng văn bản tới Ngân Hàng Lưu Ký nếu được Ngân Hàng Lưu Ký đồng ý. Trong vòng ba (03) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được yêu cầu từ Tổ Chức Phát Hành, Ngân Hàng Lưu Ký và Tổ Chức Phát Hành sẽ ký Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán để rút bớt số Tài Sản Ký Quỹ vượt quá đó ("**Tài Sản Ký Quỹ Rút Bớt**") cho Tổ Chức Phát Hành sao cho Giá Trị Ký Quỹ sau khi được rút bớt như vậy tối thiểu phải bằng Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu. Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán đó sẽ là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này.

(c) Tổ Chức Phát Hành có thể yêu cầu thay thế bất cứ Tài Sản Ký Quỹ nào bằng Tài

Sản Ký Quỹ khác thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành, phù hợp với các cam đoan nêu tại Hợp Đồng này (**"Tài Sản Ký Quỹ Thay Thế"**) bằng cách gửi văn bản tới Ngân Hàng Lưu Ký nếu được Ngân Hàng Lưu Ký đồng ý. Nếu Giá Trị Ký Quỹ sau khi được thay thế tối thiểu bằng Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu, Ngân Hàng Lưu Ký và Tổ Chức Phát Hành ký Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán trong vòng năm (05) Ngày Làm Việc kể từ khi nhận được yêu cầu đề nghị thay thế Tài sản Ký Quỹ của Tổ Chức Phát Hành. Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán đó sẽ là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này. Việc thay thế Tài Sản Ký Quỹ bằng Tài Sản Ký Quỹ Thay Thế trong mọi trường hợp phải bảo đảm nguyên tắc, các thủ tục ký quỹ, thế chấp và phong tỏa Tài Sản Ký Quỹ Thay Thế phải hoàn thành trước khi Tài Sản Ký Quỹ được giải tỏa.

(d) Trường hợp Tổ Chức Phát Hành thực hiện phát hành bổ sung chứng quyền thì phải bổ sung Tài Sản Ký Quỹ phù hợp với quy định tại Hợp Đồng này, BIDV thực hiện phong tỏa phần tài sản bảo đảm thanh toán bổ sung và ký Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán.

(e) Trường hợp Tổ Chức Phát Hành phải hủy niêm yết một phần chứng quyền chưa lưu hành theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành, Ngân Hàng Lưu Ký thực hiện điều chỉnh rút bớt Tài Sản Ký Quỹ tương tự như mục 2.4(b) trên đây.

3. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

3.1 Nghĩa vụ:

(a) Thực hiện Hợp Đồng này, các Thỏa Thuận Sửa Đổi và các văn bản khác có liên quan đến Chứng Quyền (nếu có).

(b) Thực hiện ký quỹ Tài Sản Ký Quỹ để bảo đảm khả năng thanh toán cho đợt phát hành Chứng Quyền và duy trì Giá Trị Ký Quỹ tối thiểu **50** % Tổng Giá Trị Chứng Quyền Đã Phát Hành, không tính số Chứng Quyền đã huỷ niêm yết;

(c) Khi có sự thay đổi bất kỳ liên quan đến giá trị Tài Sản Ký Quỹ của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm thông báo cho Ngân Hàng Lưu Ký để Ngân Hàng Lưu Ký thực hiện nghĩa vụ báo cáo các cơ quan chức năng có liên quan;

(d) Ngay khi có yêu cầu của Ngân Hàng Ký Quỹ, Tổ Chức Phát Hành thực hiện ký quỹ bổ sung để đáp ứng Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu theo quy định của pháp luật và Hợp Đồng này;

(e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này và quy định của pháp luật.

3.2 Quyền hạn:

(a) Tổ Chức Phát Hành được thực hiện mọi quyền, quyền hạn, thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận số dư tài sản ký quỹ trong phạm vi phù hợp với quy định của pháp luật và Hợp Đồng này.

(b) Được Bên B hoàn trả Tài Sản Ký Quỹ sau khi trừ Phí dịch vụ và số tiền Bên B đã thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền (nếu có);

(c) Được Bên B bồi thường đối với những thiệt hại mà Tổ Chức Phát Hành phải gánh

chịu phát sinh từ hành vi vi phạm Hợp Đồng của Bên B gây ra;

4. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ

4.1 Nghĩa vụ:

(a) Thực hiện Hợp Đồng này, các Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán và các văn bản khác có liên quan đến Chứng Quyền (nếu có).

(b) Lưu giữ Tài Sản Ký Quỹ của Tổ Chức Phát Hành; quản lý tách biệt Tài Sản Ký Quỹ với tài sản khác của Tổ Chức Phát Hành và các tài sản khác của Ngân Hàng Lưu Ký;

(c) Phong tỏa Tài Sản Ký Quỹ của Tổ Chức Phát Hành;

(d) Cho phép Tổ Chức Phát Hành thực hiện rút Tài Sản Ký Quỹ Rút Bớt, thay thế Tài Sản Ký Quỹ Thay Thế theo thỏa thuận tại Điều 2.4 Hợp đồng này;

(e) Hoàn trả Tài sản ký quỹ cho Tổ Chức Phát Hành sau khi trừ Phí dịch vụ và số tiền Ngân Hàng Lưu Ký đã thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền (nếu có)

(f) Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán và chuyển giao tiền liên quan đến hoạt động của Tổ Chức Phát Hành theo yêu cầu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và Tổng Công ty Lưu ký và Bù Trừ Chứng khoán Việt Nam;

(g) Kịp thời thông báo cho Tổ Chức Phát Hành ngay khi phát sinh trường hợp Giá Trị Ký Quỹ, như được xác định theo quy định tại Điều 2.3 Hợp Đồng này thấp hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu.

(h) Xác nhận báo cáo do Tổ Chức Phát Hành lập có liên quan đến Tài Sản Ký Quỹ;

(i) Định kỳ đánh giá việc tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm và nhiệm vụ của Tổ Chức Phát Hành về việc duy trì Tài Sản Ký Quỹ.

(j) Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi phát hiện Tổ Chức Phát Hành vi phạm quy định của pháp luật liên quan đến việc ký quỹ bảo đảm thanh toán cho Chứng Quyền;

(k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này và quy định của pháp luật.

4.2 Quyền hạn:

(a) Ngân Hàng Lưu Ký được thực hiện mọi quyền, quyền hạn, thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận số dư Tài Sản Ký Quỹ trong phạm vi phù hợp với quy định của pháp luật và Hợp Đồng này.

(b) Ngân Hàng Lưu Ký được định giá hoặc bằng chi phí do Ngân Hàng Lưu Ký chịu để yêu cầu bên thứ ba định giá Giá Trị Ký Quỹ theo quy định tại Điều 2.3 Hợp Đồng này.

(c) Được thu giá dịch vụ liên quan đến chứng quyền theo quy định pháp luật.

5. CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Tổ Chức Phát Hành cam đoan và bảo đảm với Ngân Hàng Lưu Ký rằng các tuyên bố và khẳng định dưới đây là chính xác và không gây nhầm lẫn:

5.1 Tư Cách Pháp Nhân

(a) Tổ Chức Phát Hành

(i) là một công ty TNHH được thành lập hợp lệ và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam,

(ii) đã được cấp mọi giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận phải có theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam để Tổ Chức Phát Hành tiến hành hoạt động kinh doanh của mình. Tổ Chức Phát Hành đã tuân thủ các giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận đó về mọi khía cạnh trọng yếu. Các giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận đó đều còn đầy đủ hiệu lực và Tổ Chức Phát Hành chưa nhận được bất kỳ thông báo nào về việc thu hồi hay sửa đổi bất kỳ giấy phép, đăng ký, phê chuẩn hay chấp thuận nào như vậy và

(iii) có quyền hạn và năng lực để ký kết Hợp Đồng này, tạo lập bất kỳ Biện Pháp Bảo Đảm nào và thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định tại Hợp Đồng này.

(b) Các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo quy định tại Hợp Đồng này cấu thành nghĩa vụ hợp pháp, hợp lệ, ràng buộc và có khả năng thi hành đối với Tổ Chức Phát Hành theo các điều khoản của Hợp Đồng này. Tổ Chức Phát Hành có đầy đủ quyền, quyền hạn, thẩm quyền và đã thực hiện các thủ tục và đạt được các chấp thuận nội bộ cần thiết phù hợp với Điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Tổ Chức Phát Hành để ký kết và thực hiện Hợp Đồng này.

5.2 Tài Sản Ký Quỹ

(a) Tại thời điểm ký kết Hợp Đồng này, việc bảo đảm, thế chấp, ký quỹ, chuyển nhượng Tài Sản Ký Quỹ theo Hợp Đồng này không bị cấm theo quy định của pháp luật hiện hành.

(b) Tài Sản Ký Quỹ thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành và đang không có bất kỳ tranh chấp về quyền sở hữu đối với Tài Sản Ký Quỹ; theo quy định của pháp luật Tổ Chức Phát Hành có toàn quyền sử dụng để ký quỹ bảo đảm thực hiện nghĩa vụ tại Ngân Hàng Lưu Ký.

Tổ Chức Phát Hành không ký bất kỳ thỏa thuận hoặc cam kết nào liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu bất kỳ Tài Sản Ký Quỹ nào theo bất kỳ hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu nào hoặc theo bất kỳ thỏa thuận/hợp đồng nào có hiệu lực tương tự. Tại thời điểm ký kết Hợp Đồng này, các Tài Sản Ký Quỹ đang không bị niêm phong, phong tỏa, đóng băng hoặc kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác.

Trong trường hợp một phần giá trị của Tài Sản Ký Quỹ đang bảo đảm cho một nghĩa vụ ký quỹ bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền khác của Tổ Chức Phát hành thì Ngân Hàng Lưu Ký chấp nhận sử dụng phần giá trị của Tài Sản Ký Quỹ còn lại để thực hiện ký quỹ bảo đảm thanh toán cho Chứng Quyền này.

(c) Tài Sản Ký Quỹ hiện không sử dụng ký quỹ, bị cầm giữ, bảo lưu quyền sở hữu dưới

bất kỳ hình thức nào để đảm bảo cho bất kỳ một nghĩa vụ nào khác.

(d) Tài Sản Ký Quỹ không thuộc đối tượng bị trưng thu, trưng dụng, thu hồi hoặc bị kê biên để thi hành bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài nhằm thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành với bên thứ ba. Không có sự kiện nào ảnh hưởng đến hiệu lực và khả năng thi hành đối với các Tài Sản Ký Quỹ.

(e) Tài Sản Ký Quỹ sẽ vẫn được hưởng lãi và các quyền lợi khác phát sinh theo các nội dung quy định tại Hợp đồng tiền gửi/Hợp đồng chứng chỉ tiền gửi mà Tổ Chức Phát Hành đã ký với Ngân Hàng Lưu Ký.

(f) Tổ Chức Phát Hành không có bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào đối với Nhà nước hoặc bên thứ ba liên quan đến việc sở hữu, sử dụng Tài Sản Ký Quỹ.

(g) Không có bất kỳ thủ tục tố tụng, thủ tục trọng tài hoặc thủ tục xử lý hành chính nào đang diễn ra, đang chờ giải quyết liên quan đến Tổ Chức Phát Hành và Tài Sản Ký Quỹ.

(h) Ngân Hàng Lưu Ký được toàn quyền phong toả toàn bộ số dư tiền gửi theo bảng liệt kê tại **Phụ Lục 2** Hợp Đồng này để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Hợp Đồng này.

(i) Trong suốt thời hạn có hiệu lực của Chứng Quyền, Tổ Chức Phát Hành không được:

- Tạo lập hoặc cho phép tồn tại bất kỳ Biện Pháp Bảo Đảm nào đối với bất kỳ Tài Sản Ký Quỹ nào;

- Bán, chuyển nhượng, chuyển giao hoặc định đoạt theo hình thức khác bất kỳ Tài Sản Ký Quỹ nào;

- Thực hiện, hoặc chấp thuận, bất kỳ công việc gì mà theo dự kiến hợp lý là có thể ảnh hưởng đến toàn bộ hoặc một phần hiệu lực của bất kỳ Biện Pháp Bảo Đảm nào theo quy định tại Hợp Đồng này; hoặc

- Thực hiện hoặc cho phép một bên khác thực hiện bất kỳ công việc gì mà theo dự kiến hợp lý là có thể có ảnh hưởng bất lợi nghiêm trọng đến các quyền, quyền lợi và lợi ích của Ngân Hàng Lưu Ký đối với Tài Sản Ký Quỹ hoặc khả năng thi hành toàn bộ hoặc một phần của bất kỳ Biện Pháp Bảo Đảm nào theo quy định tại Hợp Đồng này, trừ khi có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5.3 Tính chất của biện pháp bảo đảm

Hợp Đồng này tạo lập những Biện Pháp Bảo Đảm và không thể bị sửa đổi, hủy bỏ hoặc bác bỏ khi Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý, giải thể hoặc trong mọi trường hợp khác.

5.4 Thời điểm đưa ra cam đoan và bảo đảm

(a) Các cam đoan và bảo đảm được quy định tại Hợp Đồng này (bao gồm cả trong Điều này) được Tổ Chức Phát Hành đưa ra vào ngày ký Hợp Đồng này.

(b) Trừ trường hợp một cam đoan và bảo đảm được quy định rõ là phải được đưa ra vào một ngày cụ thể, từng cam đoan và bảo đảm theo quy định tại Hợp Đồng này được xem là được

Tổ Chức Phát Hành đưa ra bằng cách tham chiếu đến những sự kiện và hoàn cảnh tồn tại tại thời điểm đó vào mỗi ngày trong suốt Thời Hạn Bảo Đảm.

6. PHÍ VÀ CHI PHÍ

(a) Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán cho Ngân Hàng Lưu Ký khoản phí liên quan đến các công việc và nhiệm vụ mà Ngân Hàng Lưu Ký thực hiện theo Hợp Đồng này (**"Phí dịch vụ"**) với mức phí cụ thể được quy định tại **Phụ lục 3** đính kèm Hợp Đồng này.

(b) Liên quan đến bất kỳ công việc hay dịch vụ nào mà Ngân Hàng Lưu Ký có thể cung cấp cho các bên khác (không phải Tổ Chức Phát Hành) liên quan đến Chứng Quyền, với điều kiện là việc thực hiện các công việc hay dịch vụ này không gây tổn hại hoặc có ảnh hưởng bất lợi, đối với các quyền của Tổ Chức Phát Hành phát sinh theo Hợp Đồng này, Ngân Hàng Lưu Ký có quyền ấp định và giữ lại cho mình tất cả các khoản phí mà các bên đó phải thanh toán cho Ngân Hàng Lưu Ký.

(c) Mọi khoản phí và chi phí khác mà Ngân Hàng Lưu Ký phải gánh chịu hoặc chi trả hợp lý cho bên thứ ba với sự đồng ý trước bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành để thực hiện các nghĩa vụ hay công việc quy định trong Hợp Đồng này (nếu có) sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán (hoặc bồi hoàn) cho Ngân Hàng Lưu Ký vào ngày 28 của tháng gần nhất (hoặc ngày làm việc ngay sau đó nếu ngày 28 của tháng đó không phải là một Ngày Làm Việc) kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được các hóa đơn, bằng chứng hợp lệ từ Ngân Hàng Lưu Ký.

7. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

7.1 Trách nhiệm của Tổ Chức Phát Hành.

Tổ Chức Phát Hành sẽ bồi thường và bồi hoàn cho Ngân Hàng Lưu Ký mọi tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm, phạt vi phạm, chi phí và phí tổn mà Ngân Hàng Lưu Ký phải gánh chịu trên thực tế và trực tiếp liên quan đến hoặc phát sinh từ việc Tổ Chức Phát Hành có hành vi lừa dối hoặc vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng này.

7.2 Trách nhiệm của Ngân Hàng Lưu Ký

Ngân Hàng Lưu Ký không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Tổ Chức Phát Hành trừ trường hợp Ngân Hàng Lưu Ký thực hiện các công việc vi phạm bất kỳ quy định nào tại Hợp Đồng này, khi đó Ngân Hàng Lưu Ký có nghĩa vụ bồi thường và bồi hoàn mọi tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm, phạt vi phạm, phí và phí tổn mà Tổ Chức Phát Hành phải gánh chịu trên thực tế và trực tiếp phát sinh từ hành vi thực hiện các công việc trái với quy định tại Hợp Đồng này với tổng mức bồi thường thiệt hại không quá mức Phí dịch vụ mà BIDV đã nhận. Ngoài ra, Tổ Chức Phát Hành công nhận và đồng ý rằng:

(a) Ngân Hàng Lưu Ký không có bất kỳ trách nhiệm, nghĩa vụ hay nhiệm vụ nào ngoài các công việc và nghĩa vụ được quy định rõ ràng trong Hợp Đồng này

(b) Ngân Hàng Lưu Ký không phải thực hiện bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà trái với bất kỳ quy định nào của pháp luật, quyết định, phán quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hay quy chế của Tổng Công ty Lưu ký và Bù Trừ Chứng khoán Việt Nam hoặc Sở Giao Dịch Chứng Khoán. Trong trường hợp này, Ngân Hàng Lưu Ký có trách nhiệm thông báo cho Tổ Chức Phát Hành trước 02 Ngày Làm Việc, kể từ khi không/dừng thực hiện các công việc theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này.

8. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT

8.1 Việc chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký sẽ chấm dứt khi:

(a) Giao dịch phát hành Chứng Quyền của Tổ Chức Phát Hành bị hủy bỏ hoặc không có Chứng Quyền nào được Tổ Chức Phát Hành phát hành trong tối đa 15 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận Chào bán Chứng quyền có hiệu lực và Ngân Hàng Lưu Ký đã hoàn thành việc giải chấp Tài Sản Ký Quỹ theo Điều 9. Trường hợp này, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi thông báo cho Ngân Hàng Lưu Ký về việc chấm dứt chỉ định hoặc;

(b) Khi có lý do khách quan vượt quá tầm kiểm soát của Ngân Hàng Lưu Ký dẫn đến Ngân Hàng Lưu Ký không thể tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này và Ngân Hàng Lưu Ký có đề nghị chấm dứt hợp đồng bằng văn bản gửi Tổ Chức Phát Hành. Ngân Hàng Lưu Ký chỉ chấm dứt hợp đồng khi Tổ Chức Phát Hành chỉ định được Ngân Hàng Lưu Ký Thay Thế. Trường hợp này Ngân Hàng Lưu Ký sẽ hoàn trả Tổ Chức Phát Hành số Phí dịch vụ mà Ngân Hàng Lưu Ký đã nhận *(tính trên số tiền mà Ngân Hàng Lưu Ký nhận được theo Hợp Đồng này)* tương ứng với khoảng thời gian mà Ngân Hàng Lưu Ký không phải thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng này tính từ ngày chấm dứt cho tới Ngày Đáo Hạn Chứng Quyền.

(c) Khi Tổ Chức Phát Hành chỉ định được Ngân Hàng Lưu Ký Thay Thế, Tổ Chức Phát Hành gửi văn bản thông báo đến Ngân Hàng Lưu Ký, Ngân Hàng Lưu Ký hoàn trả Phí dịch vụ theo Điều 8.1(b) trên đây, giải chấp Tài Sản Ký Quỹ và thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết khác để chuyển giao lại quyền, nghĩa vụ cho Ngân Hàng Lưu Ký Thay Thế.

8.2 Hợp Đồng này có hiệu lực từ ngày ký và bị chấm dứt khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây:

(a) Chấm dứt trong trường hợp việc chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký chấm dứt theo quy định tại Điều 8.1 Hợp Đồng này.

(b) Khi các Chứng Quyền được mua lại toàn bộ theo Bản Cáo Bạch hoặc mọi nghĩa vụ thanh toán theo Chứng Quyền đã được thực hiện đầy đủ.

(c) Theo thỏa thuận của Các Bên.

(d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

9. GIẢI CHẤP TÀI SẢN KÝ QUỸ

9.1 Theo đề nghị bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành, Ngân Hàng Lưu Ký sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để giải chấp các Tài Sản Ký Quỹ trong các trường hợp sau:

a) Đợt chào bán Chứng Quyền của Tổ Chức Phát Hành bị hủy bỏ;

b) Không có Chứng Quyền nào được Tổ Chức Phát Hành tạo lập và phát hành sau 15 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền cấp bởi Ủy ban Chứng khoán nhà nước có hiệu lực;

c) Chứng quyền bị hủy niêm yết;

d) Vào một ngày sau Ngày Đáo Hạn, trường hợp chứng quyền không có lãi, Tổ Chức

Phát Hành không có nghĩa vụ phải thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền;

e) Vào một ngày sau Ngày Đáo Hạn, trường hợp chứng quyền có lãi,

- Hoặc Ngân Hàng Lưu Ký nhận được văn bản xác nhận của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bù Trừ Chứng khoán Việt Nam hoặc Sở Giao Dịch chứng khoán việc Tổ Chức Phát Hành đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền

- Hoặc Tổ Chức Phát Hành cung cấp cho Ngân Hàng Lưu Ký hồ sơ chứng minh được việc Tổ Chức Phát Hành đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền và được Ngân Hàng Lưu Ký chấp thuận.

f) Tổ Chức Phát Hành sử dụng Tài Sản Ký Quỹ tại Ngân Hàng Lưu Ký theo Hợp đồng này để thực hiện quyền cho Người Sở Hữu Chứng Quyền.

9.2 Thủ tục giải tỏa

Tổ Chức Phát Hành gửi Ngân Hàng Lưu Ký Giấy đề nghị giải toả Tài Sản Ký Quỹ và các tài liệu, hồ sơ cần thiết liên quan đến thủ tục giải tỏa, đảm bảo tuân thủ các quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và/hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bù Trừ Chứng khoán Việt Nam.

10. THÔNG BÁO

(a) Bất kỳ thông tin liên lạc nào liên quan đến Hợp Đồng này phải lập thành văn bản và, trừ khi được quy định khác đi, có thể được đưa ra:

(i) Bằng cách giao tận tay, bằng đường bưu điện, hoặc bằng fax; hoặc

(ii) Trong phạm vi được đồng ý bởi Các Bên đưa ra và nhận thông tin liên lạc, bằng thư điện tử hoặc các phương tiện truyền dữ liệu điện tử khác.

(b) Vì mục đích của Hợp Đồng này, thông tin liên lạc bằng phương tiện điện tử sẽ được xem như được lập thành văn bản.

(c) Chi tiết thông tin liên lạc của Các Bên để nhận tất cả các thông báo liên quan đến Hợp Đồng này như sau:

Gửi đến Tổ Chức Phát Hành	:	Công Ty TNHH Chứng Khoán ACB Địa Chỉ: 107N Trương Định, P. Xuân Hòa, TP.HCM Người Nhận: Vũ Trần Minh Trang Email: trangvtm@acbs.com.vn Điện Thoại: 0399817001 Fax: [.]

Gửi đến Ngân Hàng Lưu Ký	:	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa Địa Chỉ: 56(sau)-64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Sài Gòn, TP. HCM Người nhận: Vũ Hoàng Email: hoangv@bidv.com.vn Điện Thoại: 0382758989 Fax: (028) 39144714

hoặc theo địa chỉ khác được một Bên thông báo bằng văn bản cho Các Bên còn lại trước 03 ngày làm việc, kể từ ngày dự kiến thay đổi.

(d) Trừ khi được quy định dưới đây, bất kỳ thông tin liên lạc nào liên quan đến Hợp Đồng này sẽ được xem là đã được đưa ra như sau:

(i) Nếu bằng cách giao tận tay, tại thời điểm chuyển giao;

(ii) Nếu bằng đường bưu điện, khi nhận được;

(iii) Nếu bằng fax, thư điện tử hoặc bất kỳ phương tiện truyền dữ liệu điện tử nào khác khi nhận được dưới hình thức có thể đọc được.

(e) Thông tin liên lạc được đưa ra theo đoạn (d) nêu trên nhưng được nhận vào một ngày không phải Ngày Làm Việc hoặc sau giờ làm việc tại nơi nhận sẽ chỉ được xem như được đưa ra vào Ngày Làm Việc tiếp theo tại nơi đó.

(f) Bất kỳ thông báo nào được đưa ra liên quan đến Hợp Đồng này phải được lập bằng tiếng Việt.

11. SỬA ĐỔI

Hợp Đồng này chỉ có thể được sửa đổi nếu việc sửa đổi đó được lập thành văn bản có chữ ký của người đại diện hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành và Ngân Hàng Lưu Ký.

12. THAY ĐỔI CÁC BÊN

(a) Không Bên nào được chuyển giao hoặc chuyển nhượng bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này khi chưa được Bên còn lại chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ việc chuyển giao hoặc chuyển nhượng hoặc kế nhiệm được phép theo Hợp Đồng này liên quan đến bất kỳ Bên nào.

(b) Hợp Đồng này có hiệu lực ràng buộc đối với các bên kế nhiệm tương ứng và các bên nhận chuyển nhượng được phép hoặc các bên nhận chuyển giao được phép của các bên giao kết Hợp Đồng này và các bên kế nhiệm tương ứng và các bên nhận chuyển nhượng được phép hoặc các bên nhận chuyển giao được phép đó được quyền hưởng lợi ích và có các nghĩa vụ theo quy định của Hợp Đồng này

13. BẤT KHẢ KHÁNG

13.1 "Sự kiện bất khả kháng" có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi thiên tai, chiến tranh, hành động của chính quyền dân sự hoặc quân sự, cấm vận, trừng phạt, cháy, lũ lụt, nổ, tai nạn, việc cung cấp điện hoặc các tiện ích hoặc các dịch vụ khác bị gián đoạn, việc ban hành luật, sắc lệnh, quy định hoặc chỉ thị của chính phủ, cơ quan có thẩm quyền, cơ quan xuyên quốc gia hoặc phán quyết của toà án hay trọng tài và bất kỳ lý do nào khác mà vượt quá sự kiểm soát của Ngân Hàng Lưu Ký.

13.2 Ngân Hàng Lưu Ký sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với Tổ Chức Phát Hành về bất kỳ hành động phải thực hiện mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, cản trở hoặc chậm trễ trong việc cung cấp dịch vụ theo Hợp Đồng này hoặc việc thực hiện toàn bộ hay một phần nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này, nếu bất kỳ hành động phải thực hiện mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, việc cản trở hoặc chậm trễ là do sự kiện vượt quá sự kiểm soát của mình, xảy ra do khách quan dù Ngân Hàng Lưu Ký đã áp dụng các biện pháp cần thiết cũng như đã sử dụng các khả năng được phép mà vẫn không khắc phục được Sự kiện bất khả kháng.

13.3 Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, Ngân Hàng Lưu Ký phải thông báo cho với Tổ Chức Phát Hành và phải có nghĩa vụ áp dụng các biện pháp hợp lý để có thể giảm thiểu tổn thất mà Tổ Chức Phát Hành phải chịu do sự kiện bất khả kháng đó gây ra. Sau khi sự kiện bất khả kháng được chấm dứt, với điều kiện là Hợp Đồng này vẫn còn hiệu lực, thì Ngân Hàng Lưu Ký vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Hợp Đồng này.

13.4 Tổ Chức Phát Hành sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với Ngân Hàng Lưu Ký về bất kỳ hành động phải thực hiện mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, cản trở hoặc chậm trễ trong việc thực hiện các công việc như được nêu tại Hợp đồng này hoặc việc không thực hiện toàn bộ hay một phần nghĩa vụ của mình nếu việc vi phạm đó là do Sự kiện bất khả kháng.

14. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

14.1 Hợp Đồng này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

14.2 Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này, Bản Cáo Bạch Chứng Quyền, bao gồm bất kỳ nghi vấn nào liên quan đến sự tồn tại, hiệu lực hoặc chấm dứt của Hợp Đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương Mại Và Công Nghiệp Việt Nam ("**VIAC**") theo Quy Tắc Tố Tụng Trọng Tài của VIAC. Địa điểm tiến hành thủ tục trọng tài là Thành Phố Hồ Chí Minh. Ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài là Tiếng Việt.

15. NGÔN NGỮ

Hợp đồng này được lập thành 03 bản bằng tiếng Việt có giá trị như nhau. Tổ Chức Phát Hành giữ 01 bản gốc, Ngân Hàng Lưu Ký giữ 01 bản gốc, và Tổ Chức Phát Hành nộp Uỷ Ban Chứng Khoán Nhà Nước 01 bản gốc.

HỢP ĐỒNG NÀY đã được ký kết và cung cấp vào ngày được nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này.

(Lưu ý: Trong trường hợp cụ thể, đối với một số khách hàng cụ thể, Chi nhánh giao kết Hợp đồng có thể bổ sung, đàm phán với khách hàng để bổ sung một số nội dung của Hợp đồng nhưng phải đảm bảo bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích của BIDV và tuân thủ pháp luật)

CÁC BÊN KÝ KẾT

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN ACB

Nguyễn Đức Hoàn

NGÂN HÀNG LƯU KÝ

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Châu

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.
Số chứng thực 022432 Quyển 10 SCT/BS
Ngày 28-10-2026
Công chứng viên

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG QUẬN 10

Nguyễn Lê Nghĩa

16-

PHỤ LỤC 1

THÔNG TIN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(kèm theo Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán số 06/2026/TT/BIDV-ACBS ngày 26/10/2026)

Mã chứng khoán	FPT	HPG	MBB	MSN	MWG	STB	TCB	VIB	VNM	VPB
Tên CW	FPT/ACBS/9M/128	HPG/ACBS/9M/129	MBB/ACBS/9M/130	MSN/ACBS/9M/131	MWG/ACBS/9M/132	STB/ACBS/9M/133	TCB/ACBS/9M/134	VIB/ACBS/9M/135	VNM/ACBS/9M/136	VPB/ACBS/9M/137
Mã CW	FPT9M128	HPG9M129	MBB9M130	MSN9M131	MWG9M132	STB9M133	TCB9M134	VIB9M135	VNM9M136	VPB9M137
Loại CW	Chứng quyền mua									
Phương thức thanh toán	Tiền mặt									
Kiểu thực hiện quyền	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn									
Thời hạn (tháng)	9									
Tỷ lệ chuyển đổi	10:1	3:1	4:1	10:1	10:1	11:1	4:1	2:1	9:1	4:1
SLCW phát hành	16,000,000	24,000,000	24,000,000	16,000,000	24,000,000	16,000,000	16,000,000	16,000,000	16,000,000	24,000,000
Số tài khoản	8630136752	8620138458	8620138460	8620138464	8640138459	8640138465	8650138461	8660138466	8670138462	8690138463

PHỤ LỤC 2

TÀI SẢN KÝ QUỸ

(kèm theo Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán số 06/2026/TT/BIDV-ACBS ngày 26/10/2026)

Đơn vị: đồng

TT	Số hợp đồng/ Số FDR	Số tiền (VND)	Kỳ hạn	L.suất (%/năm)	Ngày mở hợp đồng	Ngày đáo hạn	Giá Trị Ký Quỹ	Tên chứng quyền được bảo đảm
1.	248/2026/HĐTG ĐCTC ngày 26/10/2026	240,000,000,000	9M	7.8	26/10/2026	26/07/2027	240,000,000,000	Theo danh sách tại Phụ lục 1 Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán số 06/2026/TT/BIDV-ACBS ngày 26/10/2026
	TỔNG	**240,000,000,000**					**240,000,000,000**	

Tổng giá trị ký quỹ bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tỷ đồng.

PHỤ LỤC 3

PHÍ DỊCH VỤ

(kèm theo Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán số 06/2026/TT/BIDV-ACBS ngày 26/10/2026)

Phụ lục này quy định về mức Phí Dịch vụ nêu tại **Điều 6** Hợp Đồng.

1. Phí Dịch vụ Quản lý Tài Sản Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán của Chứng Quyền

Nội dung Phí Dịch vụ	Phí Dịch vụ Quản lý Tài Sản Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán của Chứng Quyền
Phương thức tính Phí Dịch vụ	- Phương thức tính phí: **Giá trị Chứng quyền chào bán** (căn cứ theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền và Thông báo phát hành Chứng Quyền của Tổ Chức Phát Hành) nhân (x) **Thời Hạn Chứng Quyền** (căn cứ theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng quyền) nhân (x) **Tỷ lệ Phí dịch vụ** chia (:) **12 tháng** - Tỷ lệ phí: 0,5 %/năm, tối thiểu 2.000.000 VND/tháng
Đồng tiền thanh toán	Việt Nam Đồng
Thông báo Phí Dịch vụ	Tại thời điểm sau khi Ngân Hàng Lưu Ký nhận được Thông báo phát hành Chứng Quyền của Tổ Chức Phát Hành và Thông báo kết quả phân phối Chứng quyền của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Ngân Hàng Lưu Ký sẽ thực hiện tính toán Phí Dịch vụ này hàng tháng và gửi Thông Báo Phí Dịch Vụ cho Tổ Chức Phát Hành.
Thanh toán Phí Dịch vụ	Phí dịch vụ được thanh toán hàng tháng. Tổ Chức Phát Hành ủy quyền cho Ngân Hàng Lưu Ký tự động thu khoản Phí Dịch vụ này trên tài khoản số 119051598 căn cứ theo Thông Báo Phí Dịch Vụ nói trên
Hóa đơn Phí Dịch vụ	Ngân Hàng Lưu Ký có nghĩa vụ xuất hóa đơn tài chính cho Tổ Chức Phát Hành trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày thu phí Dịch vụ

Ngoài mức Phí dịch vụ nêu trên, Tổ Chức Phát Hành uỷ quyền cho Ngân Hàng Lưu Ký thu các loại phí: Phí chuyển tiền, phí duy trì tài khoản, phí thông báo/gửi sao kê, phí dịch vụ ngân hàng khác tài khoản số 119051598. (Đây là phí dịch vụ ngân hàng được Ngân Hàng Lưu Ký thu trên từng giao dịch/hoạt động phát sinh của Tổ Chức Phát Hành theo quy định Biểu phí của Ngân Hàng Lưu Ký trong từng thời kỳ).

BẢN SAO

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB
Số: 104.1/QĐ-ACBS.26

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 26 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Điều lệ của Công ty TNHH Chứng khoán ACB (sửa đổi, bổ sung)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Căn cứ vào:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;*
- *Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 06/GPHDKD ngày 29/06/2000 và các Giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp;*
- *Điều lệ của Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS");*
- *Nghị quyết số 2205/TCQD-HĐQT.26 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu ("ACB") ngày 26/05/2026 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Chứng khoán ACB.*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ của Công ty TNHH Chứng khoán ACB (sửa đổi, bổ sung).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan trong hệ thống Công ty TNHH chứng khoán ACB có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- *ACB (để báo cáo);*
- *Thành viên HĐTV (để báo cáo);*
- *Kiểm soát viên (để báo cáo);*
- *Như Điều 3;*
- *Lưu Thư ký công ty, P.HCTH.*

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN ACB

ĐỖ MINH TOÀN

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.
Số chứng thực 022397 Quyển 1.0 SCT/BS
Ngày: 28-10-2026
Công chứng viên

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG QUẬN 10

Nguyễn Lê Nghĩa

BẢN SAO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Ngày 06 tháng 10 năm 2026

MỤC LỤC

Phần mở đầu

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

IV. VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 7. Vốn điều lệ

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 8. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CHỦ SỞ HỮU

Điều 9. Thông tin về Chủ sở hữu

Điều 10. Quyền của Chủ sở hữu

Điều 11. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu

VII. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 12. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên

Điều 14. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng thành viên

Điều 15. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng thành viên

Điều 16. Chủ tịch Hội đồng thành viên

Điều 17. Cuộc họp Hội đồng thành viên

Điều 18. Điều kiện họp và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên

Điều 19. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên

Điều 20. Biên bản họp Hội đồng thành viên

Điều 21. Bộ phận Kiểm toán nội bộ

VIII. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 22. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 23. Người điều hành công ty

Điều 24. Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng giám đốc

Điều 25. Tiêu chuẩn thành viên Ban Tổng giám đốc

Điều 26. Bộ phận Kiểm soát nội bộ

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 27. Số lượng thành viên, thành phần và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Điều 29. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

Điều 30. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Điều 32. Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

Điều 35. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch với người có liên quan

XI. QUẢN TRỊ RỦI RO

Điều 36. Quản trị rủi ro

XII. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 38. Công nhân viên và công đoàn

XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP QUỸ DỰ TRỮ

Điều 39. Phân phối lợi nhuận

Điều 40. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Điều 41. Trích lập các quỹ theo quy định

XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

Điều 43. Năm tài chính

Điều 44. Chế độ kế toán

XVI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 45. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 46. Báo cáo thường niên

XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 47. Kiểm toán

XVIII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 48. Dấu của doanh nghiệp

XIX. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 49. Tổ chức lại Công ty

Điều 50. Giải thể

Điều 51. Phá sản

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực.

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị ACB số 2205/TCQĐ-HĐQT.26 ngày 26/5/2026 và được ban hành theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng thành viên ACBS số 104.1/QĐ-ACBS.26 ngày 26/10/2026.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

   - "Công ty" là Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) chứng khoán ACB;
   - "Chủ sở hữu" là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 0032/NH-GP ngày 24/04/1993 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được cấp đổi bởi Giấy phép số 91/GP-NHNN ngày 19/9/2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung; được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301452948 cấp lần đầu ngày 19/5/1993 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi sau đó;
   - "Vốn điều lệ" là tổng giá trị số vốn do Chủ sở hữu Công ty đã góp và được ghi vào Điều lệ Công ty;
   - "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
   - "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
   - "Điều khoản" là một Điều khoản của Điều lệ này;
   - "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu;
   - "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc;
   - "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý Công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;
   - "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật

Chứng khoán;

- "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- "UBCK" là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ) được đưa vào để thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

II.TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty: Công ty TNHH chứng khoán ACB
   a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Công ty TNHH chứng khoán ACB;
   b. Tên Tiếng Anh: ACB Securities Company;
   c. Tên giao dịch: Công ty TNHH chứng khoán ACB;
   d. Tên viết tắt: ACBS.
2. Hình thức pháp lý của Công ty:

   Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán, có tư cách pháp nhân, phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

   Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 06/GPHDKD do UBCKNN cấp ngày 29/06/2000 và các Giấy phép sửa đổi bổ sung.
3. Trụ sở Công ty:
   a. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
   b. Điện thoại: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751

c. Địa chỉ trang web: http://www.acbs.com.vn

4. Mạng lưới hoạt động:

a. Công ty có thể thành lập, đóng cửa chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng thành viên sau khi được UBCK chấp thuận;

b. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;

c. Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận;

d. Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

5. Thời hạn hoạt động:

Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ Ngày thành lập và kéo dài vô thời hạn, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng thành viên.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có các quyền và trách nhiệm sau đây:

a. Quyền hạn:

- Đại diện Công ty ký kết hợp đồng, thỏa thuận, thực hiện các giao dịch vì lợi ích của Công ty;
- Quyết định các vấn đề trong tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh, tổ chức nhân sự, quản lý, sử dụng tài khoản, con dấu của Công ty;
- Các quyền khác do Chủ sở hữu quy định.

b. Trách nhiệm:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;
- Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm một trong các nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

6. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 5 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Chủ sở hữu/Hội đồng thành viên quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

7. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng thành viên/Chủ sở hữu công ty cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

8. Trong một số trường hợp đặc biệt người đại diện theo pháp luật do Tòa án có thẩm quyền chỉ định trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty là:
   a. Môi giới chứng khoán;
   b. Tự doanh chứng khoán;
   c. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
   d. Tư vấn đầu tư chứng khoán.
2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ:
   a. Kinh doanh chứng khoán phái sinh;
   b. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh;
   c. Phát hành chứng quyền có đảm bảo và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có đảm bảo trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và chấp thuận của UBCK, bao gồm và không giới hạn bởi các nghiệp vụ chào bán, niêm yết chứng quyền; tạo lập thị trường cho chứng quyền; giao dịch nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền; môi giới và tư vấn đầu tư chứng quyền.
   d. Dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân và các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, dịch vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật tại từng thời kỳ.
3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều này sau khi được UBCK chấp thuận.
4. Đối với nghiệp vụ chào bán và giao dịch chứng quyền có đảm bảo:
   a. Người sở hữu chứng quyền là chủ nợ có đảm bảo một phần của Công ty có các quyền được quy định cụ thể tại từng đợt phát hành trên cơ sở tuân theo quy định của pháp luật, bao gồm các quyền nhận thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở, chuyển nhượng, tặng cho, để lại thừa kế, cầm cố, thế chấp và các quyền khác theo quy định của pháp luật;
   b. Chủ trương chào bán chứng quyền và tổng giá trị chứng quyền được phép chào bán

hoặc tỷ lệ giá trị chứng quyền được phép chào bán từng đợt tuân thủ theo quy định của pháp luật;

c. Phương án đảm bảo thanh toán và các nghĩa vụ của Công ty đối với người sở hữu chứng quyền trong trường hợp Công ty mất khả năng thanh toán, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản tuân theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

1. Luôn hoàn thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ để duy trì niềm tin của khách hàng nhằm góp phần xây dựng một thị trường tài chính lành mạnh và phát triển bền vững.
2. Trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu thị trường Việt Nam.
3. Sử dụng nguồn vốn có hiệu quả cho hoạt động đầu tư, kinh doanh nhằm mục tiêu thu lại lợi nhuận tối đa hợp pháp; tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

1. Nguyên tắc hoạt động quản trị, điều hành Công ty:
   a. Tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến quản trị công ty;
   b. Phân định rõ trách nhiệm giữa Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
   c. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
   d. Bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Nguyên tắc hoạt động nghiệp vụ:
   a. Thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng. Thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của Công ty;

b. Ban hành quy trình hoạt động cho các nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty;

c. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật;

d. Ký hợp đồng với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng;

e. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng;

f. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán chỉ được làm việc tại 01 (một) bộ phận nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán trong một thời điểm;

g. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin;

h. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Công ty khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng không được trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi sau:

- Quyết định đầu tư chứng khoán thay cho khách hàng;
- Thỏa thuận với khách hàng để chia sẻ lợi nhuận hoặc lỗ;
- Quảng cáo, tuyên bố rằng nội dung, hiệu quả, hoặc các phương pháp phân tích chứng khoán của mình có giá trị cao hơn của công ty chứng khoán khác;
- Có hành vi cung cấp thông tin sai sự thật để dụ dỗ hay mời gọi khách hàng mua bán một loại chứng khoán nào đó;
- Cung cấp thông tin sai lệch, gian lận, hoặc gây hiểu nhầm cho khách hàng;
- Các hành vi khác trái với quy định của pháp luật.

i. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

j. Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật;

k. Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục;

l. Thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

m. Công ty phải thiết lập một bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;

n. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật có liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 7. Vốn điều lệ

Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là 13.000.000.000.000 VND (Mười ba nghìn tỷ đồng).

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 8. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Hội đồng thành viên.
2. Tổng Giám đốc.
3. Ban Kiểm soát.

VI. CHỦ SỞ HỮU

Điều 9. Thông tin về Chủ sở hữu

1. Tên Chủ sở hữu: Ngân hàng TMCP Á Châu.
2. Giấy phép hoạt động số: 0032/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 24/4/1993 được cấp đổi bởi Giấy phép số 91/GP-NHNN ngày 19/9/2018 và các giấy phép sửa đổi, bổ sung sau đó.
3. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301452948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 19/05/1993 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi sau đó.
4. Địa chỉ trụ sở chính: số 442, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Đặc điểm cơ bản: là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng.

Điều 10. Quyền của Chủ sở hữu

1. Quyết định nội dung Điều lệ Công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
2. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.
3. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, Kiểm soát viên Công ty.
4. Quyết định các dự án đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
5. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
6. Thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản và các hợp đồng khác do Điều lệ Công ty quy định có giá trị từ 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
7. Thông qua báo cáo tài chính của Công ty.
8. Quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty cho tổ chức, cá nhân khác; quyết định phát hành trái phiếu.
9. Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác.
10. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty.
11. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty.
12. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty.
13. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty sau khi Công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.
14. Chấp thuận tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán hoạt động của công ty theo quy định của UBCK.
15. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và các chức danh khác theo quy định của Chủ sở hữu;
16. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 11. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu

1. Góp vốn đầy đủ và đúng hạn như đã cam kết.
2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.
3. Phải xác định và tách biệt tài sản của Chủ sở hữu và tài sản của Công ty.
4. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và quy định khác của pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Chủ sở hữu và Công ty.
5. Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì Chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.
6. Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 12. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên gồm 03 (ba) đến 07 (bảy) thành viên do Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm với nhiệm kỳ 05 (năm) năm.
2. Việc bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại thành viên Hội đồng thành viên phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên nhân danh Chủ sở hữu Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty; nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và của pháp luật có liên quan.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên:
   a. Hội đồng thành viên nhân danh Chủ sở hữu Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ

của Chủ sở hữu công ty được quy định tại Điều 10, Điều 11 của Điều lệ, ngoại trừ các nội dung sau:

i) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

ii) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

iii) Quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

iv) Thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản và các hợp đồng khác do Điều lệ Công ty quy định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

v) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty;

vi) Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác;

vii) Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty.

b. Hội đồng thành viên nhân danh Công ty để thực hiện các quyền của Công ty được quy định tại Điều này; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan;

c. Thiết lập một quy trình chuẩn về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên; xây dựng quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng thành viên với Kiểm soát viên và Ban Tổng giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác để Chủ sở hữu thông qua;

d. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;

e. Các quyền và nghĩa vụ khác do Chủ sở hữu quy định phù hợp với pháp luật.

Điều 14: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng thành viên

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực chứng khoán.

3. Thành viên Hội đồng thành viên của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác.

Điều 15. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng thành viên

1. Thành viên Hội đồng thành viên được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

2. Chủ sở hữu công ty quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng thành viên.

3. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng thành viên được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 16. Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm một người trong Hội đồng thành viên làm Chủ tịch Hội đồng thành viên.

2. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên là: 05 (năm) năm. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên:

   a. Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;

   b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên;

   c. Triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên;

   d. Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;

   e. Thay mặt Hội đồng thành viên ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;

   f. Thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên khi do yêu cầu

công việc không thể tổ chức họp Hội đồng Thành viên và báo lại cho Hội đồng Thành viên trong cuộc họp gần nhất sau đó. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định này của mình;

g. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên vắng mặt hoặc không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo quy tắc quy định tại khoản 5 Điều này. Trường hợp không có thành viên được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì một trong số các thành viên Hội đồng thành viên triệu tập họp các thành viên còn lại bầu 01 (một) người trong số các thành viên tạm thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Chủ sở hữu.

5. Quy tắc Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền cho thành viên Hội đồng thành viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình:

a. Việc ủy quyền được thực hiện bằng văn bản hoặc fax, email thể hiện rõ họ tên của người được ủy quyền; nội dung, thời hạn ủy quyền;

b. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trong trường hợp thực hiện các nội dung vượt quá phạm vi được ủy quyền;

c. Chủ tịch Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền;

d. Người được ủy quyền không được phép ủy quyền lại.

6. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên:

a. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Chủ sở hữu Công ty trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và Chủ sở hữu Công ty;

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và Chủ sở hữu của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;

e. Chủ tịch Hội đồng thành viên không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;

f. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

7. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải thực hiện trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo quy định tại Điều 71 Luật Doanh nghiệp.

Điều 17. Cuộc họp Hội đồng thành viên

1. Số lượng, thời gian, cách thức tổ chức, địa điểm họp:

   a. Hội đồng thành viên tổ chức họp ít nhất 01 (một) lần trong 01 (một) năm. Nếu cần thiết thì mỗi quý tổ chức họp 01 (một) lần.

   b. Cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được tổ chức tại trụ sở chính của Công ty hoặc địa điểm khác theo thông báo của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

2. Triệu tập họp Hội đồng thành viên:

   a. Hội đồng thành viên được triệu tập họp theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc của thành viên Hội đồng thành viên. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo yêu cầu của thành viên, nhóm thành viên trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thì thành viên, nhóm thành viên đó triệu tập họp Hội đồng thành viên. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Hội đồng thành viên sẽ được Công ty hoàn lại.

   b. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người triệu tập họp chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu, triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng thành viên. Thành viên có quyền kiến nghị bổ sung nội dung chương trình họp bằng văn bản. Kiến nghị phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật hiện hành.

   Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người triệu tập họp phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung chương trình họp Hội đồng thành viên nếu kiến nghị có đủ nội dung theo quy

định và được gửi đến trụ sở chính của Công ty chậm nhất 01 (một) ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng thành viên. Trường hợp kiến nghị được đệ trình ngay trước khi bắt đầu họp thì kiến nghị được chấp thuận nếu đa số các thành viên dự họp tán thành.

Thông báo mời họp Hội đồng thành viên có thể bằng giấy mời, điện thoại, fax, telex hoặc các phương tiện điện tử khác và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội đồng thành viên. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp.

Chương trình và tài liệu họp phải được gửi cho thành viên Công ty trước khi họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, thông qua phương hướng phát triển công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, tổ chức lại hoặc giải thể Công ty phải được gửi đến các thành viên chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày họp. Thời hạn gửi các tài liệu khác là 03 (ba) ngày trước ngày họp.

c. Trường hợp thành viên Hội đồng thành viên yêu cầu họp Hội đồng thành viên, yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên phải bằng văn bản, email, điện thoại, fax, telex và có đầy đủ các nội dung chủ yếu sau đây:

- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác;
- Lý do yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên và vấn đề cần giải quyết;
- Dự kiến chương trình họp;
- Họ, tên, chữ ký của từng thành viên yêu cầu hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ.

d. Trường hợp yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên không có đủ nội dung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng thành viên phải thông báo bằng văn bản về việc không triệu tập họp Hội đồng thành viên cho thành viên, nhóm thành viên có liên quan biết trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong các trường hợp khác, Chủ tịch Hội đồng thành viên phải triệu tập họp Hội đồng thành viên trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này thì phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về thiệt hại xảy ra đối với Công ty và các thành viên có liên quan.

Điều 18. Điều kiện họp và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên

1. Cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên dự họp.
2. Thể thức tiến hành cuộc họp Hội đồng thành viên căn cứ theo quy định của Hội đồng thành viên.

Điều 19. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc bằng các hình thức điện tử khác.
2. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên: Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết có giá trị như nhau. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua khi có trên 50% số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thì phải được đa số thành viên Hội đồng thành viên có ý kiến biểu quyết bằng văn bản chấp thuận (không tính các thành viên có quyền biểu quyết nhưng không có văn bản tham gia biểu quyết), tổng số thành viên có ý kiến bằng văn bản ít nhất phải bằng 2/3 tổng số thành viên Hội đồng thành viên.
3. Thành viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên trong trường hợp sau đây:
   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
   b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
4. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi có trên 50% số thành viên Hội đồng thành viên chấp thuận. Thủ tục thông qua nghị quyết của Hội đồng thành viên theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng thành viên bằng văn bản để thông qua quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền;

b. Chủ tịch Hội đồng thành viên tổ chức việc soạn thảo, gửi báo cáo, tờ trình về nội dung cần quyết định, dự thảo nghị quyết đến thành viên Hội đồng thành viên;

c. Các thành viên cho ý kiến bằng cách xác nhận chữ ký tương ứng các mục đồng ý với nội dung lấy ý kiến /không đồng ý với nội dung lấy ý kiến/không có ý kiến đối với nội dung lấy ý kiến. Trường hợp các thành viên ký xác nhận mà không ghi rõ ý kiến là đồng ý hay không đồng ý thì sẽ được hiểu là thành viên đồng ý với nội dung lấy ý kiến.

5. Nghị quyết của Hội đồng thành viên có giá trị pháp lý kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết.

Điều 20. Biên bản họp Hội đồng thành viên

1. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được lập biên bản và có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác.

2. Biên bản họp Hội đồng thành viên phải thông qua ngay trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng thành viên tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng thành viên.

Điều 21. Bộ phận Kiểm toán nội bộ

1. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ phận Kiểm toán nội bộ như sau:

a. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Hội đồng thành viên;

b. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;

c. Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;

d. Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;

e. Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;

f. Đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;

g. Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;

h. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;

i. Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;

j. Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;

k. Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;

l. Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con;

m. Kiểm tra và đánh giá các hoạt động cụ thể theo yêu cầu của Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát, Chủ sở hữu.

Các báo cáo kết quả kiểm tra, xem xét, đánh giá của Kiểm toán nội bộ liên quan các nội dung nêu trên phải được gửi đồng thời cho Ban Kiểm soát ngay khi gửi cho Hội đồng thành viên.

2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ:

a. Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng 05 (năm) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;

b. Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;

d. Có chứng chỉ những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 22. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng thành viên trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Chủ sở hữu hoặc Hội đồng thành viên.

Điều 23. Người điều hành công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Chủ sở hữu quyết định.
3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 24. Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng giám đốc

1. Thành phần Ban Tổng giám đốc gồm có: Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc.
2. Thành viên Ban Tổng giám đốc do Chủ sở hữu bổ nhiệm hoặc thuê với nhiệm kỳ theo quy định của Chủ sở hữu từng thời kỳ, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên, chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
4. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.
5. Nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng giám đốc, thành viên Ban Tổng giám đốc:
   a. Ban Tổng giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro bao gồm các quy trình, bộ máy, nhân sự nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng

tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của pháp luật.

b. Ban Tổng giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng thành viên thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:

- Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của thành viên Ban Tổng giám đốc;
- Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;
- Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng giám đốc đối với Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên.

c. Nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà các vấn đề này không cần phải có quyết định của Hội đồng thành viên;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị, ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý trong Công ty, trừ các chức danh phải được Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên phê duyệt;
- Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty theo thẩm quyền, trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng thành viên;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Tuyển dụng lao động;
- Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động mà Tổng giám đốc ký với Công ty theo quyết định của Hội đồng thành viên.

Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý

doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;

c. Có tối thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;

d. Có Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;

e. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 (sáu) tháng gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

2. Phó Tổng giám đốc phụ trách nghiệp vụ thì phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b, c và e khoản 1 Điều này và có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ phụ trách.

3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc:

Tổng giám đốc Công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này;
- Có đơn xin từ chức;
- Theo quyết định của Chủ sở hữu.

Điều 26. Bộ phận Kiểm soát nội bộ

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng giám đốc có nhiệm vụ kiểm soát việc tuân thủ những nội dung sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;
- Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;

- Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
- Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
- Tách biệt tài sản của khách hàng;
- Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
- Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và của Công ty có liên quan đến việc bảo đảm an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin, cơ chế dự phòng nhằm xử lý các tình huống bất ngờ, bao gồm cả thiên tai, cháy nổ, hệ thống thông tin bị xâm nhập trái phép;
- Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng giám đốc giao.

2. Mục tiêu của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:
   - Hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan;
   - Bảo đảm quyền lợi khách hàng;
   - Hoạt động của Công ty an toàn, hiệu quả; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
   - Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; trung thực trong việc lập báo cáo tài chính của Công ty.
3. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:
   - Bố trí tối thiểu 01 (một) nhân viên làm kiểm soát tuân thủ;
   - Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
   - Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
   - Có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc Chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, và Chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

- Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 27. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát

1. Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm 01 (một) đến 03 (ba) Kiểm soát viên. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu công ty, Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 (năm) năm và Kiểm soát viên có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bổ nhiệm thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

3. Kiểm soát viên phải thường trú ở Việt Nam. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty. Trường hợp Chủ sở hữu bổ nhiệm một người làm Kiểm soát viên thì Kiểm soát viên phải đáp ứng đồng thời các điều kiện quy định tại khoản này.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

1. Nhiệm vụ của Kiểm soát viên:

   a. Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền Chủ sở hữu, quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

   b. Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, 06 (sáu) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc lên Chủ sở hữu;

   c. Kiến nghị Chủ sở hữu công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

   d. Xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của Công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, Thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban Tổng giám đốc và người quản lý Công ty có nghĩa vụ

cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền Chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên. Việc kiểm tra của Kiểm soát viên quy định tại điểm này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng thành viên và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty;

e. Tham dự và thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng thành viên và các cuộc họp khác trong Công ty;

f. Xây dựng quy trình kiểm soát để Chủ sở hữu thông qua;

g. Khi phát hiện thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên Ban Tổng giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, Chủ sở hữu hoặc khách hàng, xâm phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Chủ sở hữu và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Nếu vi phạm đó nghiêm trọng hoặc thành viên vi phạm không chịu thực hiện chấm dứt, điều chỉnh hành vi vi phạm đúng thời hạn theo yêu cầu, Kiểm soát viên phải tiếp tục báo cáo Chủ sở hữu đề nghị triệu tập họp Hội đồng thành viên để đề xuất biện pháp giải quyết tiếp theo;

h. Trường hợp Kiểm soát viên biết rằng thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên Ban Tổng giám đốc vi phạm quy định của pháp luật, nguyên tắc quản trị và Điều lệ Công ty, vì thế xâm phạm đến quyền và lợi ích của Công ty, nhưng không hoàn thành trách nhiệm của mình theo quy định, Kiểm soát viên đó phải chịu trách nhiệm về những vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ của mình;

i. Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu, quyết định của Chủ sở hữu công ty.

2. Quyền của Kiểm soát viên:

a. Sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

b. Tham khảo ý kiến của Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Chủ sở hữu công ty;

c. Được cung cấp đầy đủ thông tin:

- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng thành viên và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng thành viên;

- Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng thành viên hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng thành viên;
- Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên Công ty làm việc để thực thi nhiệm vụ của mình;
- Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

3. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Kiểm soát viên phải có nghĩa vụ sau đây:
   a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Chủ sở hữu và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
   b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Chủ sở hữu;
   c. Trung thành với lợi ích của Công ty và Chủ sở hữu công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác;
   d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
4. Trường hợp Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản này đều thuộc sở hữu của Công ty.
5. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong khi thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng thành viên phải thông báo bằng văn bản đến Kiểm soát viên, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 29: Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Đối với Ban Kiểm soát có từ 02 (hai) thành viên trở lên, Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần trong 01 (một) năm. Biên bản họp phải được ghi chép trung thực, đầy đủ nội dung họp và phải được lưu giữ theo quy định. Người ghi biên bản và các thành viên Ban

Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 30. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Không được giữ chức vụ quản lý trong Công ty. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác.
3. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác.
4. Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán; có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng.

Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 30 Điều lệ này.
2. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
3. Có đơn xin từ chức.
4. Theo quyết định của Chủ sở hữu công ty.

Điều 32. Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác theo quyết định của Chủ sở hữu Công ty. Chủ sở hữu Công ty quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Kiểm soát viên căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Kiểm soát viên đã được Chủ sở hữu chấp thuận, trừ trường hợp Chủ sở hữu có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Kiểm soát viên được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng thành viên, Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng thành viên (nếu có), một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng thành viên không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc có trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các nội quy, quy chế của Công ty và các quy định khác của Chủ sở hữu.

Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 35. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch của Công ty với những người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc xem xét quyết định theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một phiếu biểu quyết:
   a. Chủ sở hữu công ty và người có liên quan của Chủ sở hữu công ty;
   b. Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên và người có liên quan của những đối tượng này;
   c. Người quản lý Chủ sở hữu công ty, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Chủ sở hữu công ty và người có liên quan của những đối tượng này.

2. Người nhân danh Công ty ký kết hợp đồng phải thông báo cho Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng giao dịch đó. Đồng thời gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung giao dịch đó;
3. Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và Kiểm soát viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được thông báo theo nguyên tắc mỗi người có một phiếu biểu quyết; người có liên quan đến các bên không có quyền biểu quyết.
4. Hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:
   a. Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt;
   b. Giá sử dụng trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện;
   c. Chủ sở hữu công ty tuân thủ đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 4 Điều 77 Luật Doanh nghiệp.
5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật nếu được giao kết không đúng quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này. Người ký kết hợp đồng, giao dịch và người có liên quan là các bên của hợp đồng phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh và hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

XI. QUẢN TRỊ RỦI RO

Điều 36. Quản trị rủi ro

1. Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu của Công ty phải xây dựng hệ thống quản trị rủi ro theo nguyên tắc sau:
   a. Hệ thống tổ chức quản trị rủi ro tối thiểu phải quy định nội dung:
      - Trách nhiệm của Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty trong việc quản trị rủi ro;
      - Trách nhiệm của Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc quản trị rủi ro;
      - Trách nhiệm của Bộ phận quản trị rủi ro và các trưởng bộ phận nghiệp vụ

trong Công ty trong việc quản trị rủi ro;

- Chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro trong dài hạn và trong từng giai đoạn cụ thể được Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua;
- Kế hoạch triển khai thông qua các chính sách, quy trình đầy đủ;
- Công tác quản lý kiểm tra, rà soát thường xuyên của Tổng giám đốc;
- Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp.

b. Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập phải đảm bảo Công ty có khả năng xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo rủi ro và xử lý một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ của mình tại mọi thời điểm;

c. Hệ thống quản trị rủi ro phải được xây dựng để đảm bảo công tác quản trị rủi ro được thực hiện độc lập, khách quan, trung thực, thống nhất;

d. Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập phải đảm bảo các bộ phận tác nghiệp và bộ phận quản trị rủi ro được tổ chức tách biệt và độc lập với nhau và người phụ trách bộ phận tác nghiệp không đồng thời phụ trách bộ phận quản trị rủi ro và ngược lại.

2. Quy trình, quy chế nội bộ về quản trị rủi ro trong Công ty phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a. Hệ thống quản trị rủi ro trong Công ty phải được vận hành dựa trên các quy trình, quy chế nội bộ bằng văn bản;

b. Các quy trình, quy chế nội bộ phải được trình bày một cách rõ ràng để tất cả các cá nhân liên quan hiểu được nhiệm vụ và trách nhiệm của mình và có thể mô tả cụ thể, chi tiết về quy trình quản trị rủi ro liên quan. Công ty phải thường xuyên rà soát và cập nhật lại các quy trình, quy chế nội bộ này;

c. Các quy trình, quy chế nội bộ phải đảm bảo cơ quan quản lý nhà nước, Kiểm toán nội bộ, Kiểm soát nội bộ, Ban Kiểm soát hiểu được hoạt động quản trị rủi ro của Công ty;

d. Quy trình, quy chế nội bộ về quản trị rủi ro phải có tối thiểu các nội dung theo quy định pháp luật.

3. Công ty phải xây dựng hệ thống quy trình quản trị rủi ro bao gồm các nội dung: xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, giám sát rủi ro, và xử lý rủi ro.

4. Xây dựng kế hoạch dự phòng:

   Công ty phải xây dựng kế hoạch dự phòng cho các tình huống khẩn cấp xảy ra nhằm đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kinh doanh của Công ty;

   Tổng giám đốc chịu trách nhiệm xây dựng, rà soát thường xuyên kế hoạch dự phòng. Kế hoạch dự phòng phải được Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu Công ty thông qua.

5. Nguyên tắc lưu trữ hồ sơ, tài liệu

   Tất cả hồ sơ, tài liệu, báo cáo, biên bản họp, nghị quyết của Hội đồng thành viên hoặc quyết định của Chủ sở hữu công ty, các báo cáo về rủi ro, các quyết định của Tổng giám đốc và các tài liệu khác liên quan đến quản trị rủi ro phải được lưu trữ đầy đủ và sẵn sàng cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước khi có yêu cầu. Thời gian lưu trữ các tài liệu quy định được thực hiện theo quy định pháp luật.

XII. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

2. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Hội đồng thành viên, các báo cáo của Hội đồng thành viên, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác.

3. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 38. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng thành viên thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP QUỸ DỰ TRỮ

Điều 39. Phân phối lợi nhuận

Chủ sở hữu quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 41. Trích lập các quỹ theo quy định

1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:
   a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ;
   b. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
   c. Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
   d. Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.
2. Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý, sử dụng các quỹ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 43. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 44. Chế độ kế toán

1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XVI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 45. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 46. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 47. Kiểm toán

1. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét đúng quy định.

2. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCK chấp thuận và do Chủ sở hữu thông qua.

3. Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính năm, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng thành viên cùng với thư quản lý trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

XVIII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 48. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng thành viên quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc sử dụng, quản lý và lưu giữ dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.

XIX. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 49. Tổ chức lại Công ty

1. Công ty thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình Công ty sau khi được sự phê duyệt của Chủ sở hữu Công ty và chấp thuận của UBCK.
2. Trình tự, thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và pháp luật liên quan theo từng thời kỳ.

Điều 50. Giải thể

1. Công ty giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
   a. Chủ sở hữu quyết định giải thể Công ty trước thời hạn. Trường hợp Công ty giải thể trước thời hạn hoạt động phải được UBCK chấp thuận;
   b. UBCK thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bị Tòa án tuyên bố giải thể.
2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Trường hợp mất khả năng thanh toán, Công ty phải thực hiện giải thể theo quy định của Luật phá sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.
3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể, thủ tục thanh lý tài sản Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 51. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Các bên liên quan cố gắng giải quyết các tranh chấp, khiếu nại có liên quan tới công việc của Công ty hay bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ nào khác do Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp hay các quy định pháp luật khác quy định, giữa các cán bộ quản lý, người lao động với nhau và/ hoặc với Công ty thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng thành viên hay Chủ tịch Hội

đồng thành viên, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) chỉ định 01 (một) chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XXI. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 53. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Chủ sở hữu xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc có những quy định pháp luật mới khác với những điều khoản trong bản Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXII. HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 22 Mục, 54 Điều, được Chủ sở hữu Công ty TNHH chứng khoán ACB thông qua ngày 26 tháng 05 năm 2026 và giao cho Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH chứng khoán ACB ban hành. Bản Điều lệ này được Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH chứng khoán ACB ban hành ngày 26 tháng 10 năm 2026.

2. Điều lệ này được lập thành 04 (bốn) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng thành viên mới có giá trị.

5. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được ban hành nêu trên.

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 022399 Quyển 1 SCT/BS
Ngày 28-10-2026
Công chứng viên

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Đỗ Minh Toàn

Nguyễn Lê Nghĩa

The State Securities Commission granting the Certificate for Offering of Covered Warrants only means that the Issuer's registration application has met the conditions and procedures under relevant laws. It does not imply a guarantee of the Prospectus content, nor does it imply that the investment in warrants is guaranteed or fully settled, nor does it endorse the Issuer's objectives, investment strategies, or business plans.

Investors are recommended to read carefully and understand the regulations in the Prospectus, especially the risk warning section from page 04 in this Prospectus, and note the fees, charges, and taxes when trading covered warrants.

The trading price of warrants may change depending on market conditions; investors may suffer losses on their capital and may lose the entire investment capital. Information on the performance of the Issuer and previously issued warrants (if any) is for reference only and does not mean that the investment will guarantee profit for investors.

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ACB

PROSPECTUS

ACB SECURITIES COMPANY

(Operation License No. 06/GPHDKD
issued by the State Securities Commission on June 29, 2000
Amendment License No. 117/GPDC-UBCK dated October 12, 2026)

ACBS

OFFERING OF COVERED WARRANTS

(Certificate of Registration for Offering of Covered Warrants No. ...678 /GCN-UBCK do granted by the Chairman of the State Securities Commission on ..12/..11./2026

Warrant STB/ACBS/9M/133

This prospectus and supplementary materials will be available from the date of this announcement at:

ACB SECURITIES COMPANY

Address: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City

Phone: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751

Website: www.acbs.com.vn Email: acbs@acbs.com.vn

PERSON IN CHARGE OF INFORMATION DISCLOSURE

Mr. Vo Dinh Nam Position: Head of Human Resources

Phone: (028) 7300 7000

Ho Chi Minh City, .Oct. 2026

ACB SECURITIES COMPANY

(Operation License No. 06/GPHDKD
issued by the State Securities Commission on June 29, 2000
Amendment License No. 117/GPDC-UBCK dated October 12, 2026)

OFFERING OF COVERED WARRANTS

No.	Item	Content
1.	Warrant name	**Warrant STB/ACBS/9M/133**
2.	Underlying security (code)	**STB**
3.	Issuer of the underlying security	**Saigon Thai Loc Commercial Joint Stock Bank**
4.	Warrant type	Call warrant
5.	Exercise style	A warrant exercisable by the holder only on the maturity date
6.	Settlement method	Cash settlement
7.	Warrant term	**9 months**
8.	Expected issuance date	Within 10 (ten) working days from the date the State Securities Commission issues the Certificate of Registration for Offering of Covered Warrants.
9.	Expected last trading day	Two (02) working days before maturity
10.	Expected maturity date	**Nine (09) months from the issuance date**
11.	Conversion ratio	**11:1 (eleven warrants for one share)**
12.	Expected exercise price	Within +/- 20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the Issuance Notice. The specific exercise price will be announced in the Issuance Notice.
13.	Value of collateral for payment obligations	50% of the value of warrants offered
14.	Offering price	**From VND 1,000 (one thousand) to VND 2,500 (two thousand five hundred) per warrant. The specific offering price will be officially announced in the Issuance Notice.**
15.	Total number of warrants offered	**16,000,000 (sixteen million) warrants**
16.	Total offering value (expected)	**From VND 16,000,000,000 (sixteen billion) to VND 40,000,000,000 (forty billion)**

UNDERWRITING ORGANIZATION: None

ADVISORY ORGANIZATION: Not applicable

AUDIT ORGANIZATION

KPMG Limited Company Branch

- Address: No. 115 Nguyen Hue Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City.
- Phone: (028) 3821 9266
- Website: https://home.kpmg/vn/vi.

CUSTODIAN BANK

Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) - Nam Ky Khoi Nghia Branch

- Address: No. 56 (former), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City.
- Phone: (028) 3821 8812 Fax: (028) 3914 4714
- Website : www.bidv.com.vn

TABLE OF CONTENT

I. RISK FACTORS 4
1. Risks associated with the warrant issuer 4
2. Risks associated with warrant products 5
3. Risks associated with the underlying securities 6
4. Other risks 6
4.1. Economic risks 6
4.2. Legal risks 7
4.3. Political risk 7
4.4. Tax risks when exercising rights 7
II. PERSONS PRIMARILY RESPONSIBLE FOR THE CONTENT OF THE PROSPECTUS 7
1. Issuer 7
2. Underwriting organization, advisory organization: 8
III. CONCEPTS 8
IV. INVESTMENT OPPORTUNITIES 10
1. Overview of the Vietnamese economy 10
2. Vietnam's financial market and investment opportunities 11
3. Investment opportunities in warrants 12
V. INFORMATION ABOUT THE COVERED WARRANT ISSUER 12
1. General information about the covered warrant issuer 12
1.1. Summary of establishment and development history 12
1.2. Organizational structure of the Company 16
1.3. Management structure of the Company 19
1.4. List of capital-contributing members (name, address, ownership ratio) holding 5% or more of the Company's contributed capital and related parties; list of founding members and their ownership ratios (if any transfer restrictions remain effective) 24
1.5. List of related parties of the Company 24
1.6. List of the Issuer's parent companies and subsidiaries, companies in which the Issuer holds control or a controlling interest, and companies that control or hold a controlling interest in the Issuer 25
1.7. Information on the Issuer's management team 25
1.8. Information on risk management personnel relating to warrant issuance activities: experience, expertise, reputation and capability 28
2. Information regarding the performance of the Issuer 28

2.1. Summary of the Issuer's operations 28
2.2. Report on business performance for the years 2024–2025 and Q2/2026 31
2.3. Warrants issued by the Company: 32
3. Financial situation 40
3.1. Payment of debts due 40
3.2. Statutory amounts payable 40
3.3. Total outstanding borrowings 40
3.4. Current debt situation (total receivables, total payables) 40
3.5. Key financial indicators 41
VI. INFORMATION REGARDING COVERED WARRANTS 42
1. General information on the warrants 42
1.1. Information on the warrants offered 42
1.2. Information about previous issuances of similar warrants (for the case of a supplementary offering): N/A. 44
2. Information on the underlying securities and the underlying securities issuer 44
2.1. Information on the underlying securities 44
2.2. Information on the underlying securities issuer: 45
3. Warrant distribution period 46
4. Warrant subscription 47
5. Cancellation of the covered warrant offering 48
6. Exercise of warrants 49
6.1. When warrants reach their maturity date, payment will be made as follows (assuming that day T is the last registration date, which is also the maturity date, and T is calculated in working days): 49
6.2. Measures to be taken in case the Issuer becomes insolvent: 51
7. Rights of warrant holders 52
8. Warrant adjustments 52
9. Fees, charges and taxes arising from trading or exercising warrants 53
10. Market-making activities 54
VII. PAYMENT SECURITY PLAN FOR HOLDERS OF COVERED WARRANTS 56
1. Payment to warrant holders is secured by the following sources of assets 56
1.1. Hedging assets and other assets in the proprietary trading account 56
1.2. Assets held in the margin deposit account at the custodian bank 56
1.3. Payment guarantees or other assets (if any) 56
2. In the event that there are insufficient assets to settle the warrant exercise, the settlement of rights for covered warrant holders shall be carried out in accordance with the relevant laws applicable to partially secured creditors.partially secured. 56

VIII. RISK MANAGEMENT OF COVERED WARRANTS 56
1. Risk management process 56
1.1. Role of senior management in monitoring risk management, including the roles of 56
1.2. Risk management process 57
2. Risk hedging plan 62
2.1. Purpose of hedging 62
2.2. Organization of hedging activities 62
2.3. General implementation principles 63
3. Experience in warrant issuance: 66
IX. PARTIES RELATED TO THE OFFERING 74
1. Audit organization 74
2. Custodian Bank 74
3. Underwriting organization or distribution agent, advisory organization 74
X. CONFLICT OF INTEREST 74
XI. UNDERTAKINGS 75
XII. INTRODUCTION TO LEGAL DOCUMENTS RELATING TO WARRANT ISSUANCE 75
XIII. APPENDIX 76

(The rest of the page is intentionally left blank)

I. RISK FACTORS

Investors are advised to carefully read this prospectus and the accompanying documents to fully understand the contents of the covered warrants, the risks associated with investing in covered warrants, and at the same time assess the suitability of the investment in the covered warrant product with their investment objectives and financial situation. Investors are strongly advised to consult financial advisors, securities brokers or analysts prior to making any investment decision relating to this product.

Covered warrants are derivative financial instruments, complex in nature and not suitable for inexperienced investors. The issuer does not recommend any investment in covered warrants unless investors have a full understanding of the product and are willing to accept the investment risks described herein.

The issuer does not undertake any obligation to conduct investigations or research related to the underlying securities issuer. Warrant holders must not construe the issuance of covered warrants as any form of recommendation by the Issuer in relation to the underlying securities. In addition, holders should be aware that the companies or entities with underlying securities, or other related entities were not involved in the drafting of this prospectus.

1. Risks associated with the warrant issuer

- Risks from the issuer's transactions: The issuer may buy back warrants in the market, and these warrants can be held or canceled or resold. The issuer may enter into transactions for hedging purposes, and such transactions may have an impact on the market price of the covered warrants.
- Payment Risk: In the process of issuing warrants, although strict standards of solvency must always be complied with by the issuer, there is a risk that the issuer may become insolvent and unable to fulfill its payment obligations to covered warrant holders.
- Risk of warrant delisting: Warrants may be compulsorily delisted in the cases stipulated in Clause 6, Article 120 of Decree No. 155/2020/ND-CP as amended and supplemented. Therefore, there is a risk of warrants being delisted before the maturity date. The specific cases are as follows:
  a. The underlying securities are delisted or their stock index cannot be determined;
  b. The registration dossier for the offering of covered warrants contains inaccurate information or omits important details that could affect investment decisions, causing losses to investors; or when it is discovered that the issuer has not deposited sufficient funds to guarantee payment or does not have a bank guarantee for payment;
  c. Issuer violates its risk hedging obligations or seriously violates its market-making obligations, leading to its market-making activities terminated in accordance with the regulations of the Stock Exchange.

d. The warrants have either been fully exercised or have expired;

e. The listed company has its Operating license in the specialized field revoked.

- Risks from the Issuer's Autonomy: Warrant holders should note that we have autonomy in our business operations in accordance with the terms of this Prospectus and may influence the warrant price. In the event of an acquisition or restructuring related to covered warrant holders' interests, we have the right to choose which warrant-related activities we deem appropriate. The issuer is committed to making prudent decisions. If parties with obligations to the issuer are unable to fulfill their obligations, this may affect the warrant's performance.
- Risk due to conflict of interest: The issuer is involved in various activities that may create a conflict of interest with the warrant holder. The issuer can issue and list other warrants that could affect the price of this warrant.

2. Risks associated with warrant products

- General investment risk: Holders should be knowledgeable about warrant valuation methods and should only trade after careful consideration. Warrants are suitable for investors who understand the risks and pricing mechanisms involved. An investment in warrants is not equivalent to an investment in the underlying asset. Although the return of an investment in warrants is closely related to changes in the price of the underlying asset, the change in warrant price relative to changes in the underlying asset price may not be equivalent. The high leverage of warrants means that holders will have a higher investment risk compared to investing the same value in the underlying asset.
- Risk due to the maturity date of warrants: Because warrants have an maturity date, their price can decrease as the maturity date approaches, and this price reduction can be quite significant. If an investor holds the warrant until the maturity date and the settlement price is less than or equal to the exercise price, the warrant's price will be zero, resulting in a loss equal to the amount invested in purchasing the warrant. Therefore, before deciding to invest in warrants, investors need to carefully study the price trend of the underlying security during the warrant's validity period.
- Price risk: This is the risk arising from changes in the price of warrants. Changes in warrant price depend on many factors such as the price of the underlying security, the degree of volatility of the underlying security's price, the remaining validity period of the warrant, interest rates, dividends of the underlying security, etc., among which the most important factor is the price of the underlying security. In addition, the price of warrants also depends on the supply and demand of the warrant market. Although issuers usually issue warrants volume according to the registered quantity with the State Securities Commission, the issuer can still increase the volume of warrants offered through supplementary issuance, provided that the issuance limit does not

exceed the maximum issuance limit stipulated by the State Securities Commission. This supplementary issuance can affect the price of the warrants.

- Leverage risk: Investing in warrants only involves the change in the price of the underlying security and not directly investment in the underlying security. Therefore, investors benefit from the leverage nature of warrants by being able to receive the full change in the price of the underlying security while only having to pay a portion, not the full price of the underlying security. Additionally, the rate of change in the warrant's price on the market can be greater than the rate of change in the underlying security's price, so investors can gain profit or lose more than they would by directly investing in the underlying security.
- Liquidity risk: This is the risk that investors cannot sell warrants at their desired price due to a lack of liquidity in the market for those warrants. The liquidity of warrants depends on market supply and demand and the effectiveness of the issuer's market-making activities. Although the issuer commits to market-making and providing liquidity to the warrant market, the issuer does not guarantee that the warrant trading market will be active.
- Investors holding warrants do not have the same rights as shareholders owning the underlying security, including but not limited to the right to attend the General Meeting of Shareholders, receive dividends, the right to subscribe to newly issued shares, or other rights arising from the underlying security.

3. Risks associated with the underlying securities

Certain events (including the issuance of bonus shares or cash distributions by the Company, splitting or consolidation of the underlying securities, or restructuring events affecting the Company) may lead to adjustments to the warrants terms. However, the issuer is not obligated to adjust the terms and conditions of the warrants for every event related to the underlying securities. Any adjustments or non-adjustments decision will affect the value of the warrants. Warrant adjustments will be made in accordance with legal regulations. Additionally, certain events (including delisting or suspension of trading of the underlying securities) may result in the warrants being delisted or suspended in accordance with legal regulations.

4. Other risks

4.1. Economic risks

In a market economy, the business activities of enterprises are generally closely linked to the development of the Vietnamese economy. Economic growth creates many opportunities for businesses to develop, expand production and business activities, and attract more foreign investment. In the trend of global economic integration, businesses will face numerous challenges due to competitive pressure, market penetration, and expansion into new markets. Economic development prospects are always affected by many unpredictable and volatile factors, which, when

they occur, quickly and directly impact business operations. This indirectly affects the development of the stock market in general and the development of warrants in particular.

4.2. Legal risks

Currently, Vietnam's legal framework is being perfected and constantly updated to align with the general development trends of the economy and society. Therefore, enhancing the stability of State legal policies is crucial for businesses, especially as the Vietnamese economy gradually integrates with the continuous development of the global economy. To mitigate the risks associated with legal issues, businesses, including ACBS, will proactively and regularly update their knowledge of legal regulations to make appropriate adjustments during operations.

Operating as a Limited Liability Company, ACBS is governed by the Enterprise Law, the Securities Law, and related guiding documents. Any changes to these legal documents will affect the Company's operations.

4.3. Political risk

Political events and changes in government policy will always affect the economy and, consequently, the business operations of enterprises.

4.4. Tax risks when exercising rights

According to tax regulations, when exercising rights to warrants that expire in a profitable state, investors may face the risk that the amount of tax they have to pay may exceed the amount of payout they receive. Therefore, investors need to consider these issues during their investment process.

The business operations of the issuer, as well as the expectations of investors, may be affected by other force majeure risks such as natural disasters, epidemics, wars, or the impact of political and social changes in the world, etc. This not only affects the business operations of the issuer but also the issuer of the underlying securities, thereby indirectly affecting the price of warrant products.

II. PERSONS PRIMARILY RESPONSIBLE FOR THE CONTENT OF THIS PROSPECTUS

1. Issuer

ACB SECURITIES COMPANY (ACBS)

Mr. Do Minh Toan	Position: Chairperson of Board of Member.
Mr. Nguyen Duc Hoan	Position: President & CEO.
Mr. Vo Van Van	Position: Deputy Chief Financial Officer cum Chief Accountant.
Mr. Huynh Hieu Nghia	Position: Supervisor.

We warrant that the information and figures in this Prospectus are accurate, truthful, and we commit to being responsible for the truthfulness and accuracy of such information and figures in accordance with the facts as we reasonably aware of, or have investigated and collected.

2. Underwriting organization, advisory organization:

None.

III. CONCEPTS

- **ACBS; Issuer : ACB Securities Company.**
- **UBCKNN : State Securities Commission of Viet Nam.**
- **SGDCK : Stock Exchange.**
- **HOSE : Ho Chi Minh City Stock Exchange.**
- **HNX : Hanoi Stock Exchange.**
- **VSDC : Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.**
- **The underlying securities issuer is the organization that issues securities as the underlying asset of the warrant.**
- **TNHH : Limited Liability Company.**
- **MTV : Single-member.**
- **CTCP : Joint Stock Company.**
- **VND : Vietnamese Dong.**
- **CBCNV: Employees.**
- **SVCK: Year-on-year.**
- **DN: Enterprise.**
- **XNK: Export and import.**
- **NSNN: State Budget.**
- Covered warrant means a type of security with collateral issued by a securities company, which allows the holder to receive the difference between the exercise price and the underlying securities price at the time of excercise.
- Call warrants are warrants where the holder receives the difference when the underlying securities price is higher than the exercise price at the time of excercise.
- **Underlying securities are securities that are used as the underlying asset of warrants.**
- **The underlying securities issuer is the organization that issues securities as the**

underlying asset of the warrant.

- Warrant issuer (hereinafter referred to as issuer, or issuer) is a securities company that issues warrants.
- A custodian bank is a bank that deposits and supervises assets deposited by the warrant issuer to secure payment for the issued warrants, and is not a related person of the issuer in accordance with the securities law.
- **The warrant holder is an investor who owns warrants, who is also a partially secured creditor of the issuer, but is not the warrant issuer.**
- **The exercise price is the price used by the issuer to determine the payment to the warrant holder.**
- Conversion ratio indicates the number of warrants required to be converted into a unit of the underlying security. The conversion ratio is rounded to four decimal places
- **Maturity date means the date on which the warrant expires.**
- **Outstanding warrants are warrants that have not yet expired and are currently held by the warrant holder.**
- **Issued but not outstanding are warrants that have been issued but not yet owned by investors.**
- **Issuer's open warrant position includes all outstanding warrants that have not yet been exercised.**
- The theoretical hedging position is the expected quantity of underlying securities required to be held to hedge against risks for warrants, as determined in accordance with the issuer's hedging plan.
- The actual hedging position is the position determined by the quantity of actual underlying securities held, the quantity of underlying securities pending delivery in the proprietary trading account used for hedging purposes, the quantity of securities arising from the exercise of rights (stock dividend payments, share issuances to increase share capital from owner's equity) derived from the actual securities held in the proprietary trading account used for hedging purposes, and the converted quantity of securities in the event that the issuer uses hedging securities that share the same underlying security as the warrants. Securities sharing the same underlying security as the warrants include actual securities held in the proprietary trading account and securities pending delivery in the proprietary trading account.
- **In-the-money warrant (ITM) is a call warrant whose exercise price is lower than the price of the underlying security.**

- Out-of-the-money warrant (OTM) is a call warrant whose exercise price is higher than the price of the underlying security.
- At-the-money warrants (ATM) are call warrants whose exercise price is equal to the price of the underlying security.
- Delta; Delta hedging factor is the change in the warrant price in response to a change in underlying price, calculated based on the Black-Scholes formula.

Delta calculation formula:

$$Delta = \frac{Change\ in\ warrant\ price}{Change\ in\ underlying\ price}$$

- The Black-Scholes formula is a mathematical formula used to price financial instruments, most notably European options, assuming that the prices of these instruments follow a normal distribution.
- The settlement price of the warrant upon exercise of the right is the average closing price of the underlying securites during the five (05) trading days immediately preceding the maturity date, excluding the maturity date.

IV. INVESTMENT OPPORTUNITIES

1. Overview of the Vietnamese economy

September data reinforced the macroeconomic picture seen in August, with manufacturing and investment continuing to drive growth. GDP grew by 9.95% YoY in Q3, bringing growth for the first nine months to 9.01%. Public investment and realized FDI continued to support construction, equipment installation and industrial activity, while consumer spending recovered more slowly.

- The trade balance shifted to a USD 1.27 billion surplus in September after the trade deficit narrowed sharply in August. Electronics, machinery and telephones accounted for 77.7% of the increase in export turnover in the first nine months, while textiles and footwear grew slowly. PMI declined from 53.3 to 51.9, with export orders and employment continuing to fall, indicating that not all businesses benefited equally from the increase in output.
- Consumer activity showed positive signs, as retail sales adjusted for inflation grew by 7.8% in 9M2026, compared with 7.2% in the same period last year. Growth in labor income and international visitor arrivals jointly supported spending on services. Nevertheless, weak hiring in manufacturing continued to constrain the outlook for household income and purchasing power.
- Fuel price pressures persisted into September, pushing CPI up by 0.62% MoM, while core CPI increased by only 0.11%. The extension of fuel tax incentives until the end of December removed

the risk of the expiry of tax policy support mentioned in our previous report. Meanwhile, international fuel prices remained a source of pressure on transport and production costs. High funding costs continued to limit scope for lending rate cuts. Bank bond issuance rates increased to 8.84% in Q3, while issuance volume in the first nine months declined by 27.8%. Circular No. 50, Circular No. 138 and Decision No. 1809 continued to adjust mechanisms for capital mobilization, credit granting and access to financing; prospects for lower borrowing costs remained dependent on banks having stable funding sources.

- High funding costs continued to limit scope for lending rate cuts. Bank bond issuance rates increased to 8.84% in Q3, while issuance volume in the first nine months declined by 27.8%. Circular No. 50, Circular No. 138 and Decision No. 1809 continued to adjust mechanisms for capital mobilization, credit granting and access to financing; prospects for lower borrowing costs remained dependent on banks having stable funding sources.

(Source: Statistics Office – Ministry of Finance, S&P Global, compiled by ACBS)

2. Vietnam's financial market and investment opportunities

In terms of price trends, by the end of September 2026 the VN-Index had entered a corrective phase after recovering in August and approaching the resistance area established in 2026. The index continued to fluctuate around important technical support levels, while large-cap and banking stocks diverged, leaving the strength of the market recovery unclear.

In terms of valuation, the VN-Index P/E was around 12.x and the VN30 P/E around 12.x. Current valuations remained relatively attractive against a backdrop of positive prospects for Vietnam's economic growth, expectations of a market classification upgrade, and improving business performance among listed companies.

In terms of liquidity, the average trading value on the VN-Index in September 2026 was approximately VND 15.3 trillion per session, down from VND 19.3 trillion per session in August and substantially below the 2025 average of VND 26.5 trillion per session.

Figure. The VN-Index is correcting below its MA200 level to test a new trend.



(Source: FireAnt.vn, compiled by ACBS)

3. Investment opportunities in covered warrants

Cover Warrants are a product issued by securities companies, listed and traded on the HOSE (Ho Chi Minh Stock Exchange). This product provides investors with a risk hedging tool, as well as diversification and increased efficiency for their investment portfolios when the stock market experiences significant volatility. With high leverage, this is an opportunity for investors with small capital to access shares of good companies in the market through warrants. A small change in the price of the underlying security can lead to a larger change in the price of the warrant.

The price of a call option depends heavily on the price of the underlying security, the overall market trend, and several other factors. When investing in call options, the potential profit is unlimited if the price of the underlying security moves upwards as expected. Meanwhile, the maximum loss is fixed if the price of the underlying security moves downwards as predicted, and this loss is also the cost of purchasing the call option for the investor.

The timing and methods for trading warrants are similar and convenient to those for underlying securities traded on the HOSE. Investors do not need to open a separate trading account to invest in warrants. Furthermore, issuers must fulfill their market-making obligations for the warrants they issue, as stipulated by regulations, which contributes to ensuring liquidity and attracting more interested investors.

For foreign investors, warrants are an attractive investment product because there are no limits on the percentage of foreign investment, unlike when investing in underlying securities. Therefore, the Vietnamese stock market in general, and warrants in particular, will attract international financial institutions, creating a broader playing field for investors and demonstrating the professionalism of the market.

However, because warrants are a type of security with unique characteristics, we recommend that investors conduct thorough research before making investment decisions in order to minimize potential risks and losses.

V. INFORMATION ABOUT THE COVERED WARRANT ISSUER

1. General information about the covered warrant issuer

1.1. Summary of establishment and development history

ACB Securities Company (ACBS) was established under business license No. 06/GPHDKD issued by the State Securities Commission (SSC) on June 29, 2000. Its head office is located at: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh

City. ACBS's current charter capital is VND 13,000 billion.

In 2000: The State Securities Commission granted Operating License No. 06/GPHDKD dated June 29, 2000 for the establishment of ACB Securities Company, wholly owned by Asia Commercial Joint Stock Bank. Initial charter capital was VND 43 billion (forty-three billion Vietnamese dong). From the commencement of operations, ACBS was licensed by the State Securities Commission to conduct securities business activities as prescribed by law: securities brokerage; securities dealing; securities underwriting; portfolio management; and securities investment advisory.

2005: ACBS completed its first capital increase, raising its charter capital to VND 100 billion (One hundred billion dong).

Year 2006: In May 2006, charter capital was increased for the second time to VND 250 billion (two hundred and fifty billion VND).

2007: In September 2007, the company completed its third capital increase, raising its charter capital to to VND 500 billion (Five hundred billion dong). ACBS officially launched its online trading system, enabling internet-based transactions secured by digital certificates.

In 2008: On January 14, 2008, ACBS made its fourth capital increase, bringing charter capital to VND 1,000 billion (one thousand billion Vietnamese dong). At the same time, the Portfolio Management business was terminated in accordance with regulations of the State Securities Commission.

2009: On November 4 2009, ACBS completed its fifth capital increase, raising its charter capital to to VND 1,500 billion (One thousand five hundred billion Vietnamese Dong). Brand positioning with core values: Safety, Accuracy, Confidentiality, Creativity.

In 2010: ACBS put into operation trading services through the 1900 5555533 telephone hotline. The security method for Internet transactions was changed from USB Token digital certificates.

2011: ACBS was honored by Asiamoney Magazine with a number of prestigious awards, including: Best Customer Service Quality; Best Trade Excercise; Best Event and Seminar Organization; Best Investment Opportunity Presentation and Corporate Meeting Organization; and Best Broker.

In 2012: ACBS officially deployed the SWIFT electronic connectivity solution with foreign custodian banks. ACBS ranked third in brokerage market share on both HOSE and HNX.

Year 2013: Launched ACBS Trading software for mobile devices using the iOS.

2014: On June 13 2014, ACBS relocated its head office to 41 Mac Dinh Chi Street, Da Kao Ward, District 1, Ho Chi Minh City. The core values changed: Integrity, Efficiency, Harmony, Prudence, Innovation.

2015: Officially launched a new, modern, safer, and more secure trading system. Launched the ACBS Trading platform for desktops, laptops, and mobile devices using the Android operating system. Recognized among the Top 10 Most Representative Securities Companies in the Vietnamese stock market.

2016: On January 6, 2016, the new brand identity system was launched and officially put into use, based on the core values of "Trustworthy - Friendly - Agility". On April 22, 2016, Inaugurated the Bau Cat Transaction Office; the new trading system was successfully improved to be more modern, efficient, secure, and reliable; and the company was one of four securities companies honored and awarded a certificate of merit by the People's Committee of Ho Chi Minh City for its outstanding performance over consecutive years.

In 2017: ACBS launched the ACBS trade application for online securities trading on iOS and Android; organized the 'TRADE PRO 2017' competition for students in economics, finance, securities or banking who were interested in securities in Ho Chi Minh City. ACBS was honored among the Top 10 outstanding member securities companies; and launched the Top Trader - Talented Investor program.

2018: Continued to organize the ACBS Trade Pro competition for students interested in securities and those majoring in economics, finance, securities, or banking in Ho Chi Minh City. Celebrated the 18th anniversary of ACB Securities Company. Honored among Top 10 outstanding member securities companies of both HNX and HSX.

In 2019: On May 20, ACBS signed a cooperation agreement with EFG Hermes. Cho Lon Branch relocated its operations to 321-323 Tran Phu Street, Ward 08, District 05, Ho Chi Minh City.

2020: The company issued its first covered warrants and achieved a highly successful initial offering, with the subscription volume exceeding 50% in its initial IPO.

2021: ACBS increased its charter capital to VND 3,000 billion (Three trillion VND). Launched the S-eyes, an online securities account opening service integrated eKYC technology.

2022: ACBS relocated its Head Office to the 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City. Released a comprehensive

upgrade of mobile trading application, The ACBS SMART with a modern and market-aligned interface.

2023: ACBS increased its charter capital to VND 4,000 billion (Four trillion VND), and concurrently established the Mac Dinh Chi Branch and the Dong Saigon Branch. It was honored as an Outstanding Member in Securities Depository Operations in 2023 by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC).

2024: ACBS increased its charter capital to VND 7,000 billion (Seven trillion dong). Successfully implemented a new securities trading system (trading core); was honored as one of the Top 10 reputable companies in the Financial ndustry in 2024 by Vietnam Report and Vietnamnet newspaper; and won the Asian Outstanding Enterprise award, granted by APEA.

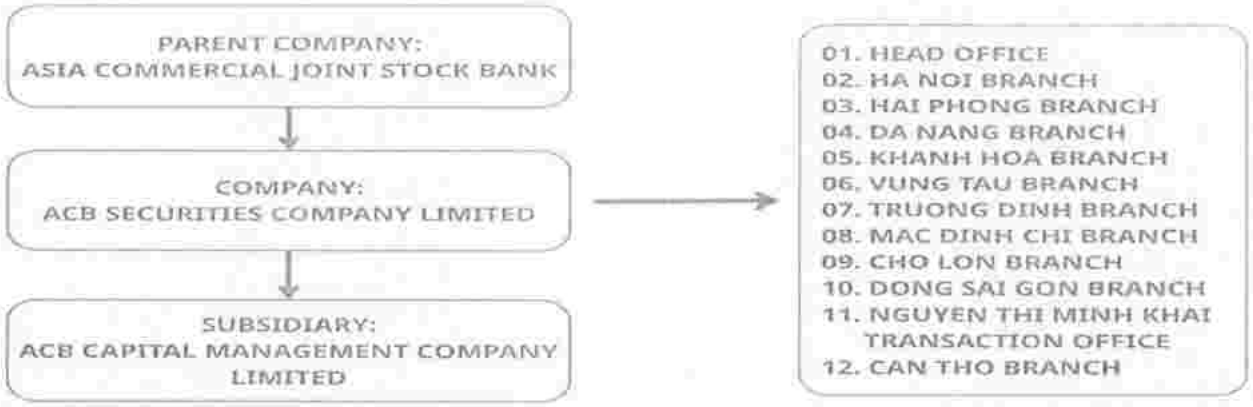
2025: ACBS increased its charter capital to VND 10,000 billion in January 2025 and subsequently raised an additional VND 1,000 billion, bringing total charter capital to VND 11,000 billion in April 2025. The company has received awards such as Fast-Growing Enterprise and Outstanding Asian Enterprise recognized by APEA; Outstanding Digital Transformation Product recognized by the Vietnam Financial Advisors Community (VWA) and Investment Newspaper; and Top 10 Reputable Companies in the Financial Industry recognized by Vietnam Report.

In October 2026, ACBS increased its charter capital to VND 13,000 billion (thirteen trillion Vietnamese dong).

- ***Achievements and awards***



1.2. Organizational structure of the Company



(Source: ACBS)

- **Parent company: Asia Commercial Joint Stock Bank**

Address: 442 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City.

Phone: (028) 3929 0999. Fax: (028) 3839 9885.

Charter capital: VND 58,044 billion.

- **Company: ACB SECURITIES COMPANY**

Address: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Xuan Hoa Ward, Ho
Chi Minh City .

Phone: (028) 7300 7000. Fax: (028) 7300 3751

Charter capital: VND 13,000 billion, 100% owned by Asia Commercial Joint Stock Bank.

- **Subsidiary: ACB Capital Management Company Limited**

Address: 480 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City.

Phone: (028) 6290 5989.

Charter capital: VND 1,050 billion, 100% owned by ACB Securities Company

Information about the branches and transaction offices of the Issuer

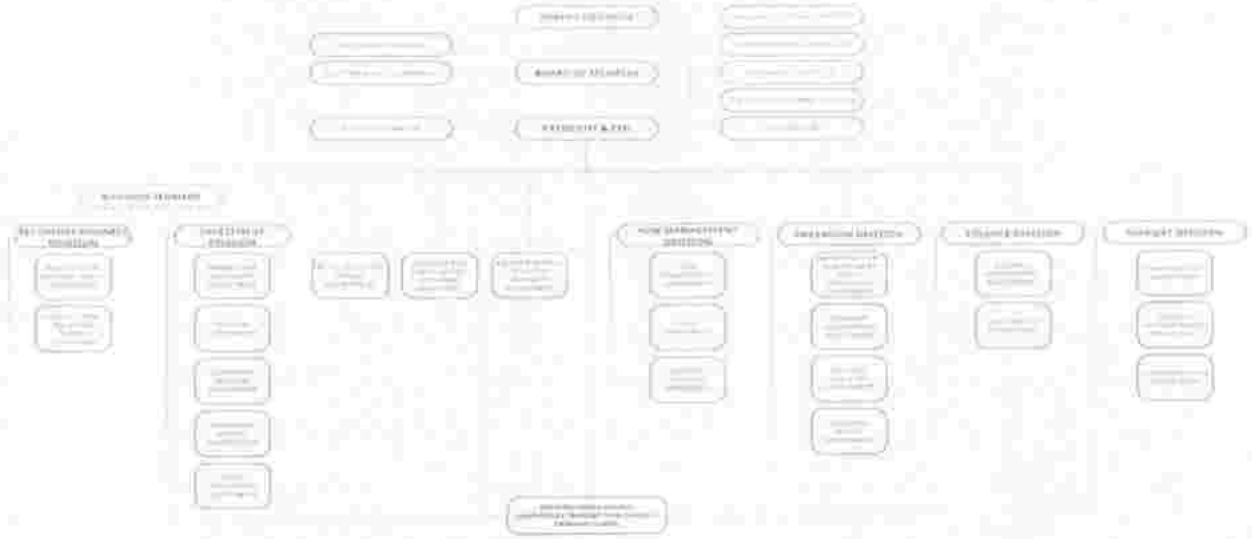
- Head office
  - ✓ Address: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City
  - ✓ Phone number: (028) 7300 7000
  - ✓ Initial registration date: June 29, 2000
  - ✓ Business registration certificate: 0302030508

- Hanoi Branch
  - ✓ Address: 10 Phan Chu Trinh Street, Cua Nam Ward, Hanoi
  - ✓ Phone number: (024) 3942 9395
  - ✓ Initial registration date: January 4, 2002
  - ✓ Business Registration Certificate: 0302030508-001
- Hai Phong Branch
  - ✓ Address: 3rd Floor, 15 Hoang Dieu Street, Hong Bang Ward, Hai Phong City
  - ✓ Phone number: (022) 5356 9998
  - ✓ Initial registration date: October 9, 2007
  - ✓ Certificate of business registration: 0302030508-002
- Da Nang Branch
  - ✓ Address: 218 Bach Dang Street, Hai Chau Ward, Da Nang
  - ✓ Phone number: (023) 6384 3444
  - ✓ Initial registration date: April 21, 2010
  - ✓ Business Registration Certificate: 0302030508-006
- Khanh Hoa Branch
  - ✓ Address: 80 Quang Trung Street, Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province
  - ✓ Phone number: (025) 8352 2762
  - ✓ Initial registration date: April 19, 2010
  - ✓ Certificate of business registration: 0302030508-007
- Vung Tau Branch
  - ✓ Address: 111 Hoang Hoa Tham Street (2nd Floor, Block A3-A8), Vung Tau Ward, Ho Chi Minh City
  - ✓ Phone number: (025) 4359 7104
  - ✓ Initial registration date: April 21, 2010
  - ✓ Certificate of business registration: 0302030508-005
- Truong Dinh Branch
  - ✓ Address: 107N Truong Dinh Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City
  - ✓ Phone number: (028) 5404 3054

- ✓ Initial registration date: November 3, 2008
- ✓ Business Registration Certificate: 0302030508-012

- Mac Dinh Chi Branch
  - ✓ Address: 41 Mac Dinh Chi Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City
  - ✓ Phone number: (028) 3823 4160
  - ✓ Initial registration date: January 27, 2023
  - ✓ Certificate of business registration: 0302030508-014
- Cho Lon Branch
  - ✓ Address: 321-323 Tran Phu Street, An Dong Ward, Ho Chi Minh City
  - ✓ Phone number: (028) 3969 5548
  - ✓ Initial registration date: April 15, 2010
  - ✓ Certificate of business registration: 0302030508-011
- East Saigon Branch
  - ✓ Address: 3rd Floor, Building No. 53-55 Nguyen Huu Canh Street, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City
  - ✓ Phone number: (028) 7301 7933
  - ✓ Initial registration date: November 8, 2023
  - ✓ Certificate of business registration: 0302030508-015
- Nguyen Thi Minh Khai Transaction Office
  - ✓ Address: 442 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City
  - ✓ Phone number: (028) 7303 1568
  - ✓ Decision approving the establishment of a securities company's transaction office: No. 232/QD-UBCK dated April 14, 2010 (Nguyen Thi Minh Khai Transaction Office is a transaction point directly under the Truong Dinh Branch, not registered as an independent subsidiary unit, and does not have a separate Certificate of business registration).
- Can Tho Branch
  - ✓ Address: 17–19 Nam Ky Khoi Nghia Street, Ninh Kieu Ward, Can Tho City
  - ✓ Phone number: (029) 2378 3638
  - ✓ Initial registration date: April 14, 2010
  - ✓ Certificate of business registration: 0302030508-004

1.3. Management structure of the Company



(Source: ACBS)

- **Supervisory Board:**

The Supervisory Board consists of 01 (one) Supervisor appointed and dismissed by the Company Owner. The term of the Supervisor is 05 (five) years and the Supervisor may be reappointed for an unlimited number of terms. The Supervisor is responsible before the law, the Company Owner and the Members' Council for exercising his/her rights and obligations.

- **Members' Council:**

The Members' Council consists of 04 (four) members appointed and dismissed by the Company Owner for a term of 05 (five) years; acts on behalf of the Company Owner in exercising the rights and obligations of the Company Owner; acts on behalf of the Company in exercising the rights and obligations of the Company, except for the rights and obligations of the President & CEO; and is responsible before the law and the Company Owner for exercising the assigned rights and obligations in accordance with the Company's Charter, the Enterprise Law and relevant laws.

Units under the Board of Members (BOM)

- **Human Resources and Remuneration Committee:**

A specialized body under the Board of Members, responsible for making proposals and providing advice to the Board of Members on the implementation of human resource management and remuneration, with a view to building, training and developing human resources, and designing an organizational structure that effectively supports ACBS's development needs .

- **Risk Management Committee:**

A specialized body under the Board of Members, responsible for making proposals and providing advice to its the Board of Members and the President & CEO in making decisions relating to risk management at ACBS.

- **Investment Committee:**

A specialized body under the Board of Members, responsible for making proposals and providing

advice to the Board of Members in making decisions relating to investment activities at ACBS.

- **Asset-Liability Management Committee (ALCO Council):**

A specialized body under the Board of Members, responsible for making proposals and providing advice to the Board of Members in making decisions to maintain a sustainable balance sheet, ensure liquidity and efficiency, and thereby maximizing profits according to ACBS's risk appetite, risk-bearing capacit and equity base.

- **Information Technology Committee (IT Council):**

A specialized body under the Board of Members, responsible for making proposals and providing advice to the Board of Members on information technology matters to ensure the implementation of IT development in line with ACBS's business development strategy in each period.

- **Internal Audit Department:**

Internal Audit Department is a specialized function under the Board of Members, responsible for independently assessing compliance with laws, the Charter, and decisions of the Board of Members; reviewing and evaluating the adequacy, effectiveness and efficiency of the internal control system under the Board of Directors; assessing the compliance of business operations with internal policies and procedures; parcitipating in the development of internal policies and procedures; evaluating compliance with legal regulations; reviewing controls and measures for safeguarding assets; assessing internal controls over financial reporting and business processes; evaluating the process of identifying, assessing, and managing business risks; evaluating the effectiveness of operations and compliance with contractual commitments; controlling the information technology system; investigating internal violations within the Company; conducting internal audits of the Company and its subsidiaries; and carrying out inspections and assessments of specific activities as required by the Board of Members, the Chairman of the Board of Members , the Board of Supervisors, and the Owner. The Internal Audit Department performs its functions on the principles of independence, integrity, objectivity, and confidentialitys.

- **President & CEO:**

The President & CEO is the person in charge of all daily business operations of the Company, appointed or hired by the Owner for a term as stipulated by the Owner from time to time, and may be reappointed for an unlimited number of terms; subject to the supervision of the Owner and the Board of Members, and accountable to the Owner, the Board of Members, and the law for the exercise of assigned rights and duties.

The President & CEO is assisted by Deputy President & CEOsPresident & CEOs assigned responsible responsible for segment different areas of responsibility.

Units directly under the President & CEO

- **Business Committee:**

The Business Committe is a specialized body reporting directly to the President & CEO, established to make proposals and provide advise to the President & CEO in making decision for the implementation of the business funtions as delegated/authorized by the Board of Members in each period.

The organizational structure is divided as follows:

a) The distribution channel (branches, transaction offices, and trading floors) is the profit center, the point of direct contact with individual and institutional clients (excluding financial institutions) to carry out business tasks, responsible for finding, developing, caring for, and managing clients, and providing client products and services including brokerage, investment consulting, providing and advising on the use of custody, pledging, and negotiated trading services for unlisted shares, etc., to clients, and updating and providing clients with market, legal, and professional information .

b) **The Securities Business Unit consists of 02 (two) Departments: Institutional Brokerage Services Department and the Priority Client Securities Services Department.**

i. The Institutional Brokerage Services Department is a business unit at the Head Office responsible for identifying, developing, nurturing, and managing clients, as well as providing products and services to domestic and international institutional clients. It performs brokerage and investment advisory services, processes buy and sell orders for domestic and international institutional clients, and updates and provides market analysis, transaction information, and in-depth securities investment analysis to clients.

ii. The Priority Client Securities Services Department is a unit that advises and provides priority client services at the Head Office, providing advice, management, and implementation of sales policies, focusing on product distribution and developing the priority client segment (including individual clients with large transactions...).

c) **The Investment Unit comprises 05 (five) Departments: Corporate Advisory Department; Proprietary Investment Department; Derivatives Market Department; Treasury Department; Fixed Income Department.**

i. The Corporate Advisory Department is a business unit directly under the Head Office, providing financial advisory services related to capital markets, debt markets, mergers and acquisitions advisory services, and other corporate financial advisory services related to the use of capital at ACBS.

ii. **The Proprietary Investment Department is a business unit at the Head Office that directly conducts investment trading activities in stocks.**

iii. The Derivatives Market Department is a business unit at the Head Office that directly conducts business operations related to derivative products, covered warrants, and structured financial products.

iv. The Treasury Department is a business unit at the Head Office that directly carries out the Company's capital business operations in each period to optimize costs and increase profits for the Company; manages the Company's assets and liabilities according to the direction of the ALCO Board; and manages the Company's liquidity to ensure liquidity for business operations and compliance with regulations.

v. **The Fixed Income Department is a business unit at the Head Office, under the**

Investment Division, with the following functions:

- Develop strategies, policies and processes for bond business activities.
- Organize and implement investment activities and purchase corporate bonds;
- Organizing activities related to the distribution of corporate bonds to the market, including offering, investment advisory, and customer service for institutional clients, with the aim of expanding the client base and generating revenue from service fees; valuation;
- Analyzing developments in the financial market, interest rate trends, corporate credit conditions, and macroeconomic factors ensures optimal investment efficiency and risk mitigation.
- Participate in building and developing the bond trading system.

d) The Retail Securities Services Department is responsible for managing, developing, and caring for clients who do not hold positions within the Distribution Channel. This care is provided through online tools and platforms to increase clients' assets and transaction value at ACBS.

e) The Business Solutions and Client Service Department supports the Board of Directors and coordinates with operational units in developing and implementing business policies, product policies, commission policies, and managing business performance in the distribution channel; the Individual Customer Securities Services Department, the Priority Customer Securities Services Department, and the Institutional Customer Securities Services Department.

f) The Market Analysis and Strategy Department supports the company's business units by providing analytical reports, market outlook reports, securities analysis, strategic reports, competitor and market surveys to improve customer service quality and increase investment value for the company and its clients.

g) **The Risk Management Unit consists of 03 (three) Departments: Risk Management Department; Internal Control Department and Legal Department.**

i. The Risk Management Department is responsible for identifying, assessing, and monitoring risks; developing and implementing risk management policies; approving credit applications; proposing risk mitigation solutions; and advising management on appropriate course of action.

ii. The Internal Control Department is the unit responsible for inspection, control, supervision, and warning; including but not limited to controlling compliance and monitoring operations in accordance with the law, the Company Charter, decisions of the Board of Members, regulations, rules, procedures, work processes, work instructions, risk management processes of the company, of relevant departments/divisions/sections, and of securities professionals within the Company.

iii. The Legal Department is responsible for advising and consulting on legal issues related to the Company's business operations; it also serves as the focal point for handling and

recovering bad debts, ensuring compliance with current regulations.

h) **The Operations Unit consists of 04 (four) Departments: Securities Operations Department; Application and Product Development Department; Infrastructure Development and Information Technology Operations Department; Data and Analytics Department.**

i. The Securities Operations Department is a functional unit at the Head Office responsible for organizing, managing, and supporting the implementation of securities-related operations for all units within the Company.

ii. The Application and Product Development Department supports the Board of Directors in planning and building the roadmap for the development and implementation of technology within ACBS; collaborates with other units within ACBS to implement technology solutions to serve business efficiency and support the achievement of ACBS's overall business goals; implements digitalization, automation, and business process optimization to minimize manual work, improve operational processes, and increase labor productivity.

iii. The Infrastructure Development and Information Technology Operations Department is responsible for developing infrastructure, managing security, and ensuring the stable, continuous, and secure operation of information systems in accordance with the Securities Law, relevant government agencies, and ACBS; and managing the overall information system architecture to ensure stability, interoperability, and scalability to support the Company's long-term development strategy.

iv. The Data and Analytics Department is responsible for managing and exploiting data, implementing data enrichment and data analysis activities to propose specific measures to improve ACBS's business efficiency and sales; it is the central point for providing data, reports, and analyses as needed by ACBS units.

i) **The Finance Unit consists of 02 (two) Departments: Performance Management Department; Accounting Department.**

i. The Performance Management Department is responsible for managing the company's business performance; establishing and operating processes and reporting systems to evaluate the company's performance; and analyzing the company's position relative to its competitors in the market.

ii. The Accounting Department is responsible for advising, organizing, managing, and executing accounting operations in accordance with the Company's regulations, ACB's regulations, and current legal regulations; and managing expenses, including budget and cost efficiency, for the Company.

j) **The Support Unit consists of 03 (three) Departments: Human Resources Management Department; General Administration Department and Communications Department.**

i. The Human Resources Management Department is responsible for advising the President & CEO on the development and implementation of human resource

management strategies, implementing personnel policies, developing and attracting talent, planning and effectively managing the workforce, in order to support and promote the implementation of the Company's business strategy.

ii. The General Administration Department is responsible for organizing and carrying out tasks related to the administrative management of the system, infrastructure development, asset management, equipment management, and other related tasks to meet the company's development needs.

iii. The Communications Department is responsible for organizing and implementing the company's communication and event activities, conducting digital communication campaigns, managing brand identity, and building the company's image.

1.4. List of capital-contributing members (name, address, ownership ratio) holding 5% or more of the Company's contributed capital and related parties; list of founding members and their ownership ratios (if any transfer restrictions remain effective)

- **List of capital-contributing members holding more than 5% of the charter capital.**

Unit: billion VND

Name of contributing member	Address	Capital contribution	Percentage (%)
Asia Commercial Joint Stock Bank	442 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City	13,000	100%
Total		**13,000**	**100%**

Source: ACBS)

List of related persons of the Company:

No.	Name of organization/individual	Relationship with the company/ Position held within the company (if any)
I	**Parent company**	
1	Asia Commercial Bank	Parent company
2	ACB Fund Management Company Limited (ACBC)	Subsidiary company
II	**Board of Members**	
1	Do Minh Toan	Chairman of the Board of Members
2	Nguyen Duc Thai Han	Vice Chairman of the Board of Members
3	Huynh Duy Sang	Board Member
4	Trinh Bao Quoc	Board Member
5	Huynh Hieu Nghia	Controller
6	Nguyen Duc Hoan	President & CEO
7	Vo Van Van	Deputy Chief Financial Officer and Chief Accountant
III	**Authorized person to disclose information**	

	Vo Dinh Nam	Human Resources Director
IV	Company secretary	
	Duong Kim Lien	Company Secretary

(Source: ACBS)

1.6. List of the Issuer's parent companies and subsidiaries, companies in which the Issuer holds control or a controlling interest, and companies that control or hold a controlling interest in the Issuer

- **A list of the issuer's parent companies, or companies that hold controlling or controlling stakes in the issuer.**

Parent company: Asia Commercial Joint Stock Bank

- Address: 442 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City.
- Phone: (028) 3929 0999. Fax: (028) 3839 9885.
- Charter capital: VND 58,044 billion.

- **A list of the issuer's subsidiaries, or companies in which the issuer holds controlling interest or a controlling stake.**

Subsidiary: ACB Capital Management Company Limited

- Address: 480 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City.
- Phone: (028) 6290 5989.
- Charter capital: VND 1,050 billion, 100% owned by ACB Securities Company.

1.7. Information on the Issuer's management team

- **Members' Council**

No.	Full name	Job title
1.	Do Minh Toan	Chairman
2.	Nguyen Duc Thai Han	Vice Chairman
3.	Trinh Bao Quoc	Member
4.	Huynh Duy Sang	Member

Chairman of the Board of Members

Full name : Do Minh Toan .

Gender : Male.

Nationality : Vietnamese.

Ethnicity : Kinh.

Year of birth : 1971.

Professional qualifications: Master of Business Administration from Columbia Southern University, USA ; Bachelor of Banking from the University of Banking Ho Chi Minh City; Bachelor of International Trade Management from the University of Economics Ho Chi Minh City; Bachelor of Law from the University of Law Ho Chi Minh City .

Current position held at the company: Chairman of the Board of Members of ACB Securities Company.

Current position held at the parent company: Member of the Board of Directors of the Asia Commercial Joint Stock Bank.

Vice Chairman of the Board of Members

Full name : Nguyen Duc Thai Han.

Gender : Male.

Nationality : Vietnamese.

Ethnicity : Kinh.

Year of birth : 1967.

Qualifications: Bachelor of Science , University of Ho Chi Minh City.

Current position held at the company: Vice Chairman of the Board of Members of ACB Securities Company.

Current position held at the parent company : Deputy President & CEO of Asia Commercial Joint Stock Bank.

Member of the Board of Members

Full name : Trinh Bao Quoc.

Gender : Male.

Nationality : American.

Ethnicity : Kinh.

Year of birth : 1971.

Professional qualifications: Master of Business Administration, Berkeley Haas School of Business, University of California, USA; Bachelor of Biology and Bachelor of History, University of Kansas, USA .

Current position held at the Company: Member of the Board of Directors of ACB Securities Company.

Current position held at the parent company : Member Independent Board of Directors of Asia Commercial Joint Stock Bank.

Member of the Board of Members

Full name : Huynh Duy Sang .

Gender : Male.

Nationality : Vietnamese.

Ethnicity : Kinh.

Year of birth : 1984.

Qualifications: Master of Finance and Banking, University of Paris Dauphine & ESCP Europe .

Current position held at the company: Member of the Board of Directors .

Current position held at the parent company: Director of the Financial Markets Division of Asia Commercial Joint Stock Bank.

- **President & CEO**

Full name	Job title
Nguyen Duc Hoan	President & CEO

Full name : Nguyen Duc Hoan .

Gender : Male.

Nationality : Vietnamese.

Ethnicity : Kinh.

Year of birth : 1974.

Qualifications: Master of Business Administration from the University of Leicester (UK) ; Master of Science in International Finance (MSc in Finance) from the University of Westminster (UK).

Current position held at the company: President & CEO of ACB Securities Company.

Current position held at the parent company: None.

- **Supervisor**

Full name	Job title
Huynh Hieu Nghia	Supervisor

Full name : Huynh Hieu Nghia.

Gender : Male.

Nationality : Vietnamese.

Ethnicity : Kinh.

Year of birth : 1964 .

Qualifications: Bachelor of Accounting, University of Banking Ho Chi Minh City.

Current position held at the company: Auditor of ACB Securities Company.

Current position held at the parent company: Head of Internal Audit Department, Asia Commercial Joint Stock Bank.

- **Deputy Chief Financial Officer cum Chief Accountant**

Full name	Job title
Vo Van Van	Deputy Chief Financial Officer cum Chief Accountant

Chief Accountant

Full name : Vo Van Van.

Gender : Male.

Nationality : Vietnamese.

Ethnicity : Kinh.

Year of birth : 1978 .

Educational qualifications: Bachelor's degree.

Current position held at the company: Deputy Chief Financial Officer cum Chief Accountant of ACB Securities Company.

Current position held at the parent company: None.

1.8. Information on risk management personnel relating to warrant issuance activities: experience, expertise, reputation and capability

- Mr. Dang Quang Huy – Liquidity and Market Risk Management Functional Manager.
- Professional certification issued by the State Securities Commission: Financial Analysis
- Experience: 8 years of experience working in the finance and securities industry.

2. Information regarding the performance of the Issuer

2.1. Summary of the Issuer's operations

- **Operating situation of the Issuer:**

ACBS's main business activities :

At the end of Q3 2026, ACBS continued to expand its asset base and loan portfolio compared with the beginning of the year. Key consolidated indicators were as follows:

- Total assets as of September 30, 2026 reached nearly VND 43,799 billion, up 13.5% from the

beginning of the year.

- Loans as of September 30, 2026 reached approximately VND 22,634 billion, up 30.5% from the beginning of the year.
- Total outstanding borrowings and issued bonds as of September 30, 2026 reached nearly VND 28,525 billion.
- Cumulative profit before tax for the first nine months of 2026 reached VND 793 billion.
- The return on average assets (ROA), based on cumulative after-tax profit for the first nine months, was 1.54%, while the return on average equity (ROE) was 4.35%.
- ACBS recorded consolidated profit after tax of VND 634 billion for the first nine months of 2026, down 13.8% YoY.
- Current business performance at ACBS:
- **Proprietary Trading and Capital Business**
- In the first nine months of 2026, total gains from financial assets at fair value through profit or loss (FVTPL) and held-to-maturity investments (HTM) reached VND 2,082 billion, accounting for approximately 52.7% of consolidated operating revenue. Of this amount, gains from FVTPL reached VND 1,484 billion and interest income from HTM investments reached VND 598 billion.
- **Margin Lending and Receivables**
- Consolidated income from loans and receivables for the first nine months of 2026 reached VND 1,578 billion, up 103.7% YoY and representing approximately 39.9% of total operating revenue. As of September 30, 2026, loans stood at VND 22,634 billion, up 30.5% from the beginning of the year and accounting for 51.7% of consolidated total assets. Lending continued to contribute significantly to the Company's revenue.
- **Securities Brokerage Activities**
- Consolidated securities brokerage revenue for the first nine months of 2026 reached nearly VND 266 billion, down 18.8% YoY. Brokerage revenue in Q3 2026 alone was nearly VND 69 billion.
- **Underwriting and Corporate Advisory Activities**
- Consolidated financial advisory revenue for the first nine months of 2026 reached VND 11.2 billion, compared with VND 1.5 billion in the same period of the previous year. Revenue from this activity in Q3 2026 alone reached VND 10.9 billion.

Major Investments:

As of September 30, 2026, ACBS's financial assets measured at fair value through profit or loss (FVTPL) reached VND 6,539 billion, up 31.0% from the beginning of the year and accounting for 14.9% of consolidated total assets. Held-to-maturity investments (HTM) stood at VND

11,799 billion, down 4.8% from the beginning of the year and accounting for 26.9% of total assets. These figures are stated at their carrying amounts in the Q3 2026 consolidated financial statements.

Alongside the changing behavior and risk appetite of investors in the underlying market, warrant investors have also become more defensive and willing to accept significantly lower valuations compared to the 2021-2023 period. With adaptation and operational experience gained since 2020, ACBS has improved its products and attracted more attention from customers in the market, helping ACBS increase its market share in the warrant market and maintain its position among the top 3 market makers in Vietnam. ACBS's warrant products are gradually becoming highly competitive and a reasonable defensive and alternative investment channel for investors who prefer large-cap stocks. This trend is expected to continue to develop and expand in 2026.

In the stock market development strategy until 2030, recently approved by the Prime Minister, the market capitalization of stocks will reach 100% of GDP in 2025 and 120% of GDP in 2030. This figure is nearly double the current market capitalization. The outstanding debt of the bond market will reach at least 47% of GDP (of which corporate bond debt will reach at least 20% of GDP) by 2025 and at least 58% of GDP by 2030. Following this trend, ACBS's subsequent investments in 2026 must expand significantly in both quantity and quality to generate profits not only for the company and shareholders but also for customers who trust and use ACBS's investment-related services.

Subsidiaries and associates

ACB Capital Management Company Limited (ACBC) is a subsidiary of ACBS, established under operating license No. 41/UBCK-GP issued by the State Securities Commission on October 28, 2008, operating in the field of fund management.

In 2026, the stock market has generally recorded positive performance, albeit accompanied by continued volatility. Against this backdrop, ACBC has remained flexible in adapting to market developments, effectively capturing investment opportunities while staying aligned with its investment strategy and maintaining strong risk management discipline, with a focus on delivering added value to clients. The Company's business activities are centered on optimizing investment efficiency and pursuing sustainable long-term growth.

As of the end of Q3 2026, ACBC's business results were as follows:

- Charter capital: VND 1,050 billion
- Profit before tax: VND (44) billion
- Profit after tax: VND (44) billion

In 2026, ACBC will continue to focus on its core business, improving the efficiency of asset management for existing customers, while effectively managing the ACB50 Member Fund to deliver optimal value to customers. ACBC will continue to research, design, and manage new

investment funds to diversify the products and services offered to existing and potential customers.

- **Litigation / Disputes Currently Involving the Company and Ongoing Developments (if any)**

The Company is currently involved in a dispute relating to a margin trading agreement with a client. In addition, the Company is a party with related rights and obligations in certain cases where other parties are disputing matters concerning bond purchase agreements and claims for contractual damages.

As of the present time, such disputes and litigation do not have a material impact on the Company's business operations.

- **Compliance with Payment Obligations of Previously Issued Financial Products**

Since 2020, ACBS has offered covered warrants as financial products and fully complied with payment obligations upon warrant maturity as stipulated in Point c, Clause 1, Article 202 of Government Decree 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, and Point g, Clause 1, Article 202a, supplemented by Clause 72, Article 1 of Government Decree 245/2025/ND-CP dated September 11, 2025.

- **Other information**

The State Securities Commission of Vietnam (SSC) issued Decision No. 267/QD-XPHC dated 12 September 2025 and Decision No. 410/QD-XPHC dated 12 November 2025 imposing administrative sanctions in the field of securities and the securities market on ACB Securities Company.

2.2. Report on business performance for 2024–2025 and Q3 2026

Unit: million VND

No.	Consolidated indicators	Year 2024	Year 2025	%+/- 2025/2024	Cumulative 9M2026
1	Total Asset Value	26,040,684	38,583,644	48%	43,799,050
2	Revenue from business activities	2,534,400	4,613,719	82%	3,954,343
3	Profits from business activities	846,194	1,253,726	48%	792,433
4	Other profits	488	221	-55%	628
5	Profit before tax	846,682	1,253,947	48%	793,061
6	Profit after tax	683,017	1,017,986	49%	634,479

(Source: ACBS's audited consolidated financial statements for 2024 and 2025 and its consolidated financial statements for Q3 2026)

2.3. Warrants issued by the Company:

- The covered warrants are outstanding and listed on HOSE

No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
1	Warrant FPT/ACBS/Call/EU/Cash/10M/93	CFPT2610	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	10.7639:1	76,244 VND	19,000,000
2	Warrant MSN/ACBS/Call/EU/Cash/10M/94	CMSN2609	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	8:1	85,000 VND	16,000,000
3	Warrant TPB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/95	CTPB2605	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	1.6806:1	15,125 VND	11,000,000
4	Warrant VHM/ACBS/Call/EU/Cash/10M/96	CVHM2609	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	4.3334:1	62,593 VND	16,000,000
5	Warrant VIB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/97	CVIB2604	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	1.7320:1	16,020 VND	20,000,000
6	Warrant VNM/ACBS/Call/EU/Cash/10M/98	CVNM2605	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	5.8148:1	62,993 VND	16,000,000
7	Warrant VPB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/99	CVPB2608	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	1.5586:1	23,379 VND	15,000,000
8	Warrant VRE/ACBS/Call/EU/Cash/10M/100	CVRE2603	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	2.8973:1	29,938 VND	16,000,000
9	Warrant HPG/ACBS/8M/102 – Term: 8 months	CHPG2625	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	2:1	25,000 VND	18,000,000
10	Warrant MBB/ACBS/8M/103 – Term: 8 months	CMBB2614	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	1.6019:1	20,825 VND	18,000,000
11	Warrant MWG/ACBS/8M/104 – Term: 8 months	CMWG2616	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	6.8019:1	79,680 VND	18,000,000
12	Warrant STB/ACBS/8M/105 – Term: 8 months	CSTB2619	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	5:1	79,000 VND	18,000,000
13	Warrant TCB/ACBS/8M/106 – Term: 8 months	CTCB2611	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	2.0015:1	22,684 VND	18,000,000
14	Warrant VPB/ACBS/8M/107 – Term: 8 months	CVPB2615	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	1.5863:1	22,605 VND	18,000,000
15	Warrant FPT/ACBS/8M/101 – Term: 8 months	CFPT2631	Call	08 months	26/08/2026	26/04/2027	10.9121:1	65,473 VND	15,000,000
16	Warrant MSN/ACBS/8M/109	CMSN2626	Call	08 months	26/08/2026	26/04/2027	10:1	69,000 VND	15,000,000

No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
	– Term: 8 months								
17	Warrant SHB/ACBS/8M/110 – Term: 8 months	CSHB2620	Call	08 months	26/08/2026	26/04/2027	2:1	12,500 VND	5,000,000
18	Warrant VHM/ACBS/8M/112 – Term: 8 months	CVHM2620	Call	08 months	26/08/2026	26/04/2027	10:1	76,000 VND	4,000,000
19	Warrant VIB/ACBS/8M/113 – Term: 8 months	CVIB2611	Call	08 months	26/08/2026	26/04/2027	1.8267:1	13,700 VND	15,000,000
20	Warrant VNM/ACBS/8M/114 – Term: 8 months	CVNM2619	Call	08 months	26/08/2026	26/04/2027	6:1	64,000 VND	11,000,000
21	Warrant VRE/ACBS/8M/115 – Term: 8 months	CVRE2610	Call	08 months	26/08/2026	26/04/2027	3:1	25,000 VND	4,000,000
22	Warrant FPT/ACBS/7M/116	CFPT2636	Call	07 months	25/09/2026	23/04/2027	9:1	69,100 VND	15,000,000
23	Warrant HPG/ACBS/7M/117	CHPG2642	Call	07 months	25/09/2026	23/04/2027	3:1	23,000 VND	28,000,000
24	Warrant MBB/ACBS/7M/118	CMBB2624	Call	07 months	25/09/2026	23/04/2027	3:1	21,000 VND	28,000,000
25	Warrant MSN/ACBS/7M/119	CMSN2631	Call	07 months	25/09/2026	23/04/2027	9:1	71,000 VND	20,000,000
26	Warrant MWG/ACBS/7M/120	CMWG2630	Call	07 months	25/09/2026	23/04/2027	8.8816:1	75,000 VND	28,000,000
27	Warrant STB/ACBS/7M/122	CSTB2631	Call	07 months	25/09/2026	23/04/2027	7:1	77,000 VND	15,000,000
28	Warrant TCB/ACBS/7M/123	CTCB2624	Call	07 months	25/09/2026	23/04/2027	2.6687:1	22,016 VND	20,000,000
29	Warrant VIB/ACBS/7M/125	CVIB2612	Call	07 months	25/09/2026	23/04/2027	2:1	14,000 VND	20,000,000
30	Warrant VNM/ACBS/7M/126	CVNM2624	Call	07 months	25/09/2026	23/04/2027	7:1	61,000 VND	15,000,000
31	Warrant VPB/ACBS/7M/127	CVPB2630	Call	07 months	25/09/2026	23/04/2027	2.3795:1	22,209 VND	20,000,000
32	Warrant SHB/ACBS/7M/121	CSHB2622	Call	07 months	25/09/2026	23/04/2027	2:1	12,500 VND	15,000,000

- **The covered warrants have expired**

No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
1	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/3M/01	CHPG2023	Call	3 months	12/10/2020	12/01/2021	1:1	28,500 VND	2,000,000

No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
2	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/6M/02	CHPG2102	Call	6 months	05/01/2021	05/07/2021	0.7352:1	30,144 VND	4,000,000
3	Warrant TCB/ACBS/Call/EU/Cash/9M/05	CTCB2101	Call	9 months	05/01/2021	05/10/2021	1:1	31,000 VND	2,000,000
4	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/4M/05	CHPG2110	Call	4 months	04/08/2021	06/12/2021	5:1	44,000 VND	10,000,000
5	Warrant VNM/ACBS/Call/EU/Cash/4M/07	CVNM2108	Call	4 months	04/08/2021	06/12/2021	9.8301:1	78,641 VND	5,000,000
6	Warrant FPT/ACBS/Call/EU/Cash/4M/10	CFPT2104	Call	4 months	04/08/2021	06/12/2021	9.8947:1	79,158 VND	7,000,000
7	Warrant MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/04	CMWG2104	Call	12 months	22/03/2021	22/03/2022	6.6444:1	89,699 VND	5,000,000
8	Warrant TCB/ACBS/Call/EU/Cash/9M/06	CTCB2105	Call	9 months	04/08/2021	04/05/2022	5:1	45,000 VND	15,000,000
9	Warrant VRE/ACBS/Call/EU/Cash/9M/08	CVRE2105	Call	9 months	04/08/2021	04/05/2022	5:1	30,000 VND	10,000,000
10	Warrant MSN/ACBS/Call/EU/Cash/9M/09	CMSN2104	Call	9 months	04/08/2021	04/05/2022	8.3261:1	98,248 VND	5,000,000
11	Warrant VHM/ACBS/Call/EU/Cash/9M/11	CVHM2115	Call	9 months	17/11/2021	17/08/2022	9.7163:1	91,333 VND	15,000,000
12	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/6M/12	CHPG2208	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	3.7823:1	30,258 VND	10,000,000
13	Warrant TCB/ACBS/Call/EU/Cash/6M/13	CTCB2204	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	5:1	45,000 VND	5,000,000
14	Warrant MSN/ACBS/Call/EU/Cash/6M/14	CMSN2202	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	8.2758:1	126,620 VND	5,000,000
15	Warrant MWG/ACBS/Call/EU/Cash/6M/15	CMWG2204	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	4.9711:1	72,080 VND	5,000,000

No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
16	Warrant VNM/ACBS/Call/EU/Cash/6M/16	CVNM2204	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	9.6717:1	70,603 VND	5,000,000
17	Warrant VRE/ACBS/Call/EU/Cash/6M/17	CVRE2204	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	5:1	33,000 VND	5,000,000
18	Warrant VIC/ACBS/Call/EU/Cash/6M/18	CVIC2203	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	10:1	86,000 VND	5,000,000
19	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/8M/19	CHPG2225	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	3:1	17,000 VND	18,000,000
20	Warrant TCB/ACBS/Call/EU/Cash/8M/20	CTCB2214	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	3:1	27,000 VND	4,500,000
21	Warrant MBB/ACBS/Call/EU/Cash/8M/21	CMBB2213	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	3:1	17,000 VND	9,000,000
22	Warrant MSN/ACBS/Call/EU/Cash/8M/22	CMSN2214	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	10:1	100,000 VND	3,000,000
23	Warrant MWG/ACBS/Call/EU/Cash/8M/23	CMWG2213	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	6:1	54,000 VND	9,000,000
24	Warrant VNM/ACBS/Call/EU/Cash/8M/24	CVNM2211	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	5.8946:1	66,806 VND	6,000,000
25	Warrant VRE/ACBS/Call/EU/Cash/8M/25	CVRE2219	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	3:1	29,000 VND	4,500,000
26	Warrant VHM/ACBS/Call/EU/Cash/8M/26	CVHM2218	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	6:1	54,000 VND	9,000,000
27	Warrant FPT/ACBS/Call/EU/Cash/8M/27	CFPT2212	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	10:1	70,000 VND	8,000,000
28	Warrant POW/ACBS/Call/EU/Cash/8M/28	CPOW2210	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	1:1	13,000 VND	2,000,000
29	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/9M/29	CHPG2306	Call	9 months	09/02/2023	09/11/2023	3:1	20,000 VND	24,000,000

No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
30	Warrant FPT/ACBS/Call/EU/Cash/9M/30	CFPT2303	Call	9 months	09/02/2023	09/11/2023	8.4983:1	73,085 VND	8,000,000
31	Warrant STB/ACBS/Call/EU/Cash/9M/31	CSTB2303	Call	9 months	09/02/2023	09/11/2023	2:1	22,000 VND	10,000,000
32	Warrant MWG/ACBS/Call/EU/Cash/9M/32	CMWG2302	Call	9 months	09/02/2023	09/11/2023	5.943:1	49,525 VND	12,000,000
33	Warrant FPT/ACBS/Call/EU/Cash/7M/42	CFPT2311	Call	7 months	18/08/2023	18/03/2024	9.8844:1	88,960 VND	10,000,000
34	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/7M/43	CHPG2330	Call	7 months	18/08/2023	18/03/2024	3:1	31,000 VND	12,000,000
35	Warrant MBB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/44	CMBB2313	Call	7 months	18/08/2023	18/03/2024	2:1	21,000 VND	10,000,000
36	Warrant TCB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/45	CTCB2308	Call	7 months	18/08/2023	18/03/2024	3:1	37,000 VND	9,000,000
37	Warrant STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/33	CSTB2306	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	2:1	30,000 VND	19,000,000
38	Warrant MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/34	CMBB2306	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	1.6965:1	16,965 VND	20,000,000
39	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/35	CHPG2309	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	3:1	24,000 VND	25,000,000
40	Warrant MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/36	CMWG2305	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	3,962:1	35,658 VND	9,000,000
41	Warrant VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/37	CVIB2302	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	1.5718:1	18,076 VND	15,000,000
42	Warrant TCB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/38	CTCB2302	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	3:1	27,000 VND	14,000,000
43	Warrant VHM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/39	CVHM2302	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	4:1	50,000 VND	12,000,000

No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
44	Warrant MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/40	CMSN2302	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	6:1	66,000 VND	6,000,000
45	Warrant VRE/ACBS/Call/EU/Cash/12M/41	CVRE2303	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	3:1	25,000 VND	8,000,000
46	Warrant MWG/ACBS/Call/EU/Cash/10M/46	CMWG2316	Call	10 months	24/10/2023	23/08/2024	6:1	48,000 VND	10,000,000
47	Warrant STB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/47	CSTB2334	Call	10 months	24/10/2023	23/08/2024	3:1	27,000 VND	8,000,000
48	Warrant VIB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/48	CVIB2306	Call	10 months	24/10/2023	23/08/2024	1.8879:1	16,047 VND	7,000,000
49	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/49	CHPG2402	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	2.7268:1	28,177 VND	10,500,000
50	Warrant MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/50	CMBB2402	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	1.7003:1	20,403 VND	11,000,000
51	Warrant MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/51	CMWG2401	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	4:1	66,000 VND	10,000,000
52	Warrant STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/52	CSTB2402	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	3:1	30,000 VND	10,500,000
53	Warrant VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/53	CVIB2402	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	1.6444:1	19,732 VND	10,000,000
54	Warrant VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/54	CVNM2401	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	7.4141:1	61,166 VND	8,000,000
55	Warrant VPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/55	CVPB2401	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	1.8488:1	19,412 VND	9,000,000
56	Warrant FPT/ACBS/Call/EU/Cash/12M/56	CFPT2404	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	12,8473: 1	103,635 VND	12,000,000
57	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/57	CHPG2409	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	2,4982: 1	20,818 VND	20,000,000

No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
58	Warrant MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/58	CMBB2407	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	1.3033:1	16,943 VND	15,000,000
59	Warrant MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/59	CMSN2406	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	6:1	79,000 VND	6,000,000
60	Warrant MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/60	CMWG2407	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	5.9149:1	69,007 VND	18,000,000
61	Warrant STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/61	CSTB2410	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	3:1	38,000 VND	11,000,000
62	Warrant TCB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/62	CTCB2403	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	4.8710:1	25,329 VND	12,000,000
63	Warrant VHM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/63	CVHM2408	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	4:1	38,000 VND	7,000,000
64	Warrant VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/64	CVIB2407	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	1.6895: 1	15,205 VND	9,000,000
65	Warrant VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/65	CVNM2407	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	5.4968:1	62,296 VND	9,000,000
66	Warrant VPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/66	CVPB2409	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	1.9471:1	21,418 VND	11,000,000
67	Warrant VRE/ACBS/Call/EU/Cash/12M/67	CVRE2407	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	2:1	16,000 VND	6,000,000
68	Warrant FPT/ACBS/Call/EU/Cash/7M/81	CFPT2519	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	6.8870:1	121,385 VND	16,000,000
69	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/7M/82	CHPG2528	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	2:1	30,000 VND	17,000,000
70	Warrant MBB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/83	CMBB2518	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	1.5:1	21,750 VND	17,000,000
71	Warrant MWG/ACBS/Call/EU/Cash/7M/84	CMWG2520	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	4,9291: 1	77,879 VND	17,000,000

No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
72	Warrant STB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/85	CSTB2528	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	3:1	49,000 VND	17,000,000
73	Warrant TCB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/86	CTCB2518	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	1,9484: 1	35,071 VND	16,000,000
74	Warrant FPT/ACBS/Call/EU/Cash/12M/68	CFPT2513	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	11.0965:1	115,234 VND	26,700,000
75	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/69	CHPG2518	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	2.4533:1	22,897 VND	31,900,000
76	Warrant MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/70	CMBB2511	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	2.25:1	18,750 VND	35,200,000
77	Warrant MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/71	CMSN2512	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	7:1	60,000 VND	10,000,000
78	Warrant MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/72	CMWG2511	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	5.9149:1	63,092 VND	27,600,000
79	Warrant STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/73	CSTB2515	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	3:1	40,000 VND	25,500,000
80	Warrant TCB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/74	CTCB2507	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	2.8624:1	27,193 VND	20,100,000
81	Warrant TPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/75	CTPB2503	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	1.9063:1	12,391 VND	12,900,000
82	Warrant VHM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/76	CVHM2512	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	4:1	58,000 VND	10,000,000
83	Warrant VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/77	CVIB2504	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	1.6654:1	15,821 VND	16,600,000
84	Warrant VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/78	CVNM2511	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	5.7358:1	52,579 VND	14,200,000
85	Warrant VPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/79	CVPB2513	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	1.9651:1	17,686 VND	29,500,000

No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
86	Warrant VRE/ACBS/Call/EU/Cash/12M/80	CVRE2512	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	2:1	23,500 VND	11,000,000
87	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/10M/87	CHPG2604	Call	10 months	26/12/2025	26/10/2026	2.6778:1	25,885 VND	19,000,000
88	Warrant MBB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/88	CMBB2604	Call	10 months	26/12/2025	26/10/2026	2.4028:1	21,626 VND	19,000,000
89	Warrant MWG/ACBS/Call/EU/Cash/10M/89	CMWG2604	Call	10 months	26/12/2025	26/10/2026	6.8019:1	82,595 VND	19,000,000
90	Warrant STB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/90	CSTB2604	Call	10 months	26/12/2025	26/10/2026	5:1	60,000 VND	19,000,000
91	Warrant TCB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/91	CTCB2601	Call	10 months	26/12/2025	26/10/2026	3.9176:1	36,238 VND	19,000,000

(*) Payment obligations: Since 2020, ACBS has offered covered warrants as financial products and fully complied with payment obligations upon warrant maturity as stipulated in Point c, Clause 1, Article 202 of Government Decree 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, and Point g, Clause 1, Article 202a, supplemented by Clause 72, Article 1 of Government Decree 245/2025/ND-CP dated September 11, 2025.

3. Financial situation

3.1. Payment of debts due

The company has always paid all its debts on time and in full.

3.2. Statutory amounts payable

The company always pays its dues as required by law.

3.3. Total outstanding borrowings

Information on overdue debts, total outstanding guaranteed debt (if any), short-term, medium-term and long-term overdue debts, causes of overdue debts, and recoverability: None.

3.4. Current debt situation (total receivables, total payables)

Total outstanding loans and current debt situation:

Unit: million VND

No.	Consolidated indicators	Year 2024	Year 2025	%+/- 2025/2024	September 30, 2026
1	Total outstanding loan balance	16,403,200	23,373,380	42%	28,525,140
2	Total accounts receivable	9,604,261	18,999,797	98%	22,886,189
3	Total liabilities	16,788,968	24,313,943	45%	28,894,869

(Source: ACBS's audited consolidated financial statements for 2024 and 2025 and its consolidated financial statements for Q3 2026)

3.5. Key financial indicators

No.	Consolidated indicators	Year 2024	Year 2025	Note
1	**Indicators of financial stability (million VND)**			
1.1	- Value of available capital	8,800,225	9,637,458	
1.2	- Risks (Market risk, payment risk, operational risk, additional risk)	1,558,550	1,435,262	
1.3	- Capital Adequacy Ratio (%): *(Available capital / Total risk)*	565%	671%	
2	**Solvency criteria (times)**			
2.1	- Short-term ratio: *(Short-term Assets/ Short-term Liabilities)*	1.54	1.59	
2.2	- Quick ratio: *((Short-term Assets – Inventory)/Short-term Liabilities)*	1.54	1.59	No inventory
3	**Indicators on capital structure (times)**			
3.1	- Debt/Total Assets Ratio	0.64	0.63	
3.2	- Debt/Equity Ratio	1.81	1.70	
4	**Profitability indicator (times)**			

No.	Consolidated indicators	Year 2024	Year 2025	Note
4.1	- Profit after tax/Net Revenue Ratio	0.27	0.22	
4.2	- Profit after tax/Equity Ratio	0.07	0.07	
4.3	- Profit after tax/Total Assets Ratio	0.03	0.03	
4.4	- Operating Profit/Net Revenue Ratio	0.33	0.27	
4.5	- Earnings per share (EPS)	N/A	N/A	(*)

(Source: ACBS)

(*): ACBS operates as a Limited Liability Company, therefore it does not have an EPS (Earnings Per Share) indicator.

VI. INFORMATION REGARDING COVERED WARRANTS

1. General information on the warrants

1.1. Information on the warrants offered

- Warrant name: Warrant STB/ACBS/9M/133.
- Name (code) of the underlying security: STB.
- Issuer of the underlying security: Saigon Tai Loc Commercial Joint Stock Bank.
- Warrant type: Call warrant.
- Exercise style: European-style warrant, exercisable only on the maturity date.
- Settlement method: Cash settlement.
- Warrant term: 9 months.
- Expected issuance date: Within 10 (ten) working days from the date the State Securities Commission issues the Certificate of Registration for Offering of Covered Warrants.
- Maturity date: Nine (09) months from the issuance date.
- Conversion ratio: 11:1.
- Exercise price: Within a range of +/- 20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance notice date. The specific exercise price will be announced in the Issuance Notice.
- Minimum offering price (expected): VND 1,000 per warrant. The specific offering price will be officially announced in the Issuance Notice.

- Maximum offering price (expected): VND 2,500 per warrant. The specific offering price will be officially announced in the Issuance Notice.
- Total number of warrants registered for offering: 16,000,000 warrants.
- Total offering value (expected): VND 16,000,000,000 (sixteen billion) to VND 40,000,000,000 (forty billion).
- Payment security assets: Cash (VND) deposited at the Custodian Bank to secure payment.
- The value of colateral for payment security obligation is expected to be 50% of the value of the warrants offered.
- Pricing method: according to the Black-Scholes formula as follows:

$$C=\frac{N(d_1)S\text{-}N(d_2)Xe^{-r_cT}}{k}$$

Where:

$$d_1 = \frac{ln(\frac{S}{X})+(r_c+\frac{\sigma^2}{2})T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1\text{-}\sigma\sqrt{T}$$

Of which:

C: The theoretical price of the call option.

N(d 1), N(d 2): Cumulative normal distribution probabilities.

Parameter	Calculation method
X: The exercise price of the warrant.	This is determined by ACBS depending on market conditions at the time ACBS is officially licensed to make its initial public offering of warrants.
S: Current stock price.	This is the closing price of the underlying asset at the time ACBS was officially licensed to make its initial public offering of warrants or at the time of calculation for the report.
T: Remaining time until maturity (in years)	This is the number of days from the calculation date to the warrant's maturity date/365.
rc: Risk-free interest rate (annualized).	The average 12-month savings interest rate of the four banks Vietcombank, Vietinbank, BIDV, and Agribank at the time ACBS was officially licensed to offer warrants to the public or at the time of calculation for this report, plus a margin of 2%.
: Expected price volatility of the underlying security (annualized).	Expected price volatility = past price volatility x (1 + adjustment factor) In there:

Parameter	Calculation method
	- The past price volatility of an underlying security is determined over the most recent 12 months. - The adjustment factor is determined based on market demand for warrants and underlying securities, the liquidity of the warrants and underlying securities, and the expected price volatility of similar warrants.
k: Warrant conversion ratio	This is the number of warrants required to convert into one unit of underlying securities.

1.2. Information about previous issuances of similar warrants (for the case of a supplementary offering): N/A.

2. Information on the underlying securities and the underlying securities issuer

2.1. Information on the underlying securities

- Name of the underlying security: Shares of Saigon Tai Loc Commercial Joint Stock Bank.
- Initial listing date of the underlying security (STB): July 12, 2006.
- Price-to-earnings (P/E) ratio (based on EPS for the latest four quarters and the price as of October 23, 2026): 41.9 times.
- Market capitalization (as of October 23, 2026): VND 129,137 billion.
- Annualized average price volatility of the underlying security (STB) over the most recent six months: 32%.
- Liquidity and price volatility in 2025:
  - ✓ Average trading volume during the year: 11,169,630 shares;
  - ✓ Highest trading price during the year (adjusted): VND 61,000/share;
  - ✓ Lowest trading price during the year (adjusted): VND 33,100/share;
  - ✓ Closing price on the last trading day of the year (adjusted): VND 58,000/share.
- Adjusted closing price of the underlying security on the last trading day of each month during the most recent 12 months (VND/share)

Month 1/2025	37,000
Month 2/2025	38,250
Month 3/2025	38,300
Month 4/2025	39,100

Month 5/2025	40,700
Month 6/2025	46,700
Month 7/2025	49,950
Month 8/2025	55,600
Month 9/2025	56,900
Month 10/2025	55,500
Month 11/2025	48,600
Month 12/2025	58,000

2.2. Information on the underlying securities issuer:

- Name of the underlying securities issuer: Saigon Tai Loc Commercial Joint Stock Bank.
- 2.1. Information on the underlying securities
- Business sector: Finance and Banking.
- **Business performance:**

Consolidated business results for 2024–2025 and Q3 2026:

Unit: million VND

No.	Indicator	Year 2024	Year 2025	%+/- 2025/2024	Cumulative through Q3 2026
1	Total asset value	748,094,546	917,119,803	22.59%	1,057,397,840
2	Equity	54,972,070	59,866,744	8.90%	64,136,639
3	Total operating income	28,677,118	32,056,679	11.78%	27,793,979
4	Taxes and other statutory payments (fulfillment of obligations to the State budget)	1,301,063	265,635	-79.58%	573,451
5	Profit before tax	12,720,365	7,628,025	-40.03%	5,893,421
6	Net profit after tax	10,087,495	5,939,111	-41.12%	4,277,778
7	Return on equity (ROE)	18.35%	9.92%		6.67%

(Source: STB's audited consolidated financial statements for 2024 and 2025, consolidated financial statements for Q3 2026, FiinPro-X company data and ACBS calculations. Financial ratio (7) is calculated using period-end balances.)

Key financial indicators of the underlying securities issuer for the two most recent years

No.	Indicator	Year 2024	Year 2025
1	**Solvency ratio (times)**		
1.1	- Net loan-to-deposit ratio (LDR)	0.94	0.98
1.2	- Loans outstanding / Total assets	0.71	0.66
2	**Capital structure indicator (times)**		
2.1	- Debt/Total Assets Ratio	0.93	0.93
2.2	- Debt/Equity Ratio	12.61	14.32
3	**Profitability indicator (%)**		
3.1	- Net profit after tax / Total operating income ratio	35.18%	18.53%
3.2	- Net Profit/Equity Ratio	18.35%	9.92%
33	- Net Profit/Total Assets Ratio	1.35	0.65%
34	- Net profit from operating activities before credit loss provisions / Total operating income	51.24%	59.31%
35	- Earnings per share (EPS) (VND/share)	4,751	3,150

(Source: STB's audited consolidated financial statements for 2024 and 2025, FiinPro-X company data and ACBS calculations. Financial ratios (1.1 to 3.4) are calculated using period-end balances.)

3. Warrant distribution period

ACBS plans to distribute warrants immediately after receiving the Certificate of Registration for Offering Covered Warrants from the State Securities Commission as per regulations.

The distribution of warrants to investors is expected to be carried out within 10 working days from the effective date of the Certificate of Registration for Offering of Covered Warrants, of which the period for investors to register for purchase shall be at least 03 days.

The expected warrant distribution schedule is as follows:

No.	Content	Estimated time	Note
1	State Securities Commission issues Certificate of Registration for Offering Covered Warrants	T	Working day

No.	Content	Estimated time	Note
2	Publish information regarding the Certificate of Registration for the Offering of Covered Warrants issued by the State Securities Commission.	T T+1→	Within 24 hours from date T
3	Publish information about the issuance on the website of the issuer and the stock exchange, including: - Warrant Issuance Notice -Warrant Offering Prospectus	T+2 T+3→	Within 3 working days from date T
4	Publish the Warrant Issuance Notice in one electronic or print newspaper for three consecutive issues.	T+2 T+7→	
5	Distribute warrant (where the minimum subscription period for investors is 3 days)	T+3 Maximum T+7→	
6	Report and disclose information on the results of warrant distribution (within 3 working days from the date of completion of warrant distribution).	T+8 T+9→	Within 3 working days from day T+7

(*) Note:

- The specific distribution schedule will be officially announced in the Warrant Issuance Notice.
- The deposit for payment security obligation is deposited by ACBS at the custodian bank for the entire validity period of the warrants and must maintain a minimum of 50% of the value of the issued warrants, excluding the number of warrants that have been delisted. This asset may not be used as collateral, mortgage, or security for loans or other financial obligations of ACBS or any other third party.
- The distribution of warrants will only take place after ACBS ensures that warrant buyers have access to the Prospectus.

4. Warrant subscription

Registration period

ACBS will officially announce the subscription registration period in the Warrant Issuance Notice after the State Securities Commission grants the Certificate of Registration for Offering Covered Warrants. The period available for investors to register for subscription shall be at least 03 days and is expected to follow the schedule set out in Section 3, Part VI above.

Registration method

Investors register to purchase through online channels:

- Visit SMART.acbs.com.vn
- Through the ACBS SMART application

Payment method

When registering to purchase warrants, investors simultaneously deposit the warrant purchase price into the Company's escrow account according to the following information:

- Account holder: ACB SECURITIES COMPANY.
- Account number: 8640138465 at BIDV, Nam Ky Khoi Nghia Branch.

Method for handling undistributed warrants

In the event that the total number of warrants subscribed by investors is less than the number of warrants offered, the issuer may transfer the unsold warrants to its proprietary trading account and continue to distribute them through market-making activities on the HOSE trading system after the warrants are listed on HOSE.

In case the number of warrants subscribed exceeds the number of warrants offered for sale

In the event that the total number of warrants subscribed by investors exceeds the number of warrants offered, the number of warrants each investor is entitled to purchase will be determined based on the principle of allocation according to the subscription ratio of the investors, specifically as follows:

$$\text{The number of warrants each investor is allowed to purchase.} = \text{Total number of warrants offered} \times \frac{\text{Number of warrants each investor registered to purchase}}{\text{Total number of warrants registered for purchase by investors}}$$

The number of warrants allocated to each investor will be rounded down to the nearest hundred (100 warrants), and the total number of warrants distributed to all investors will not exceed the total number of warrants offered.

In the event that any remaining warrants arise after rounding down (if any), these warrants will be allocated equally among investors with the largest equal purchase volume. If, after the above allocation, there are still remaining warrants, these remaining warrants will be allocated to ACBS's proprietary trading account.

5. Cancellation of the covered warrant offering

In the event that the Company's public offering of securities is canceled in accordance with Article 28 of the Securities Law 2019 and other relevant regulations (if any), the Company is responsible for disclosing information about the cancellation of the offering in accordance with the law. Simultaneously, within 15 (fifteen) days from the date the offering is canceled, the Company will recall all issued securities and fully refund the amount paid by investors (excluding interest, if any), through the payment method announced by the Company during the offering. After the aforementioned period, the Company is responsible for compensating investors for damages in accordance with the published commitments and relevant laws.

6. Exercise of warrants

6.1. When warrants reach their maturity date, payment will be made as follows (assuming that day T is the last registration date, which is also the maturity date, and T is calculated in working days):

- Day T - 7: VSDC prepares and sends to HOSE and the Depository Members a Notice regarding the closing of the list of warrant holders for exercise of warrants.
- Day T: ACBS sends VSDC a notification of the warrant settlement price.
- Day T + 1 (9:00 AM): VSDC creates and transfers the List of Warrant Holders to the Custodian Member (in the form of electronic documents).
- Day T + 1 (11:00 AM): The depository member verifies the information in the List provided by VSDC and sends VSDC a confirmation notification (in the form of an electronic document).

  In the event of confirmation of errors or discrepancies in data, the Depository Member must send VSDC a document specifying the erroneous or inaccurate information for coordination with VSDC to make corrections. Immediately after the corrections are made, VSDC will provide the corrected List to the Depository Member (in electronic form).
- Day T + 2: VSDC sends ACBS the consolidated list of warrant holders.
- Day T + 3: ACBS sends VSDC a Confirmation Notice of the Consolidated List of Warrant Holders. If ACBS does not approve the information in the List, it must send a written notice to VSDC stating the reasons.

  On day T+3, ACBS transfers the full payment amount to the warrant holder's deposit account as notified by VSDC.
- Day T + 4: VSDC allocates payment funds to warrant holders into the account of the relevant

Depository Member. The Depository Member is responsible for allocating funds to warrant holders on the settlement day (Day T + 5).

- Day T + 5: is the payment date. On this date, the Depository Member allocates the payment to the investors.

Note:

- The payout amount per warrant unit: This is the amount per warrant unit in the case where the settlement price is greater than the exercise price, calculated from the difference between the settlement price and the exercise price, equal to [(settlement price – Exercise price)/conversion ratio].
- The settlement price of the warrant upon exercise of the right is the average closing price of the underlying securites during the five (05) trading days immediately preceding the maturity date, excluding the maturity date.
- In cases where the underlying securities price is adjusted in accordance with the Regulations of the Stock Exchange within five (05) trading days prior to the maturity date, the closing price of the underlying stock on the trading days preceding the ex-date shall be adjusted accordingly. The calculation methodology and rounding rules applied to these adjusted closing prices shall be consistent with those applied on the ex-rights trading date. The Issuer shall determine the settlement price used as the basis for calculating the cash settlement amount and disclose this settlement price for all outstanding warrants on the maturity date.

Example:

The covered warrant VIB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/48 (HOSE: CVIB2306) has:

- Last trading date: August 21, 2024
- Maturity date: August 23, 2024
- The warrant settlement price is the average closing price during the last 05 (five) trading days of the underlying security (VIB shares) preceding the maturity date, excluding the maturity date. In this case, the closing price of VIB shares is determined over the following 05 (five) days: 16/08/2024, 19/08/2024, 20/08/2024, 21/08/2024, 22/08/2024.

During the five (05) days used to calculate the average price, VIB has an ex-rights event resulting in an adjustment to the underlying securities price:

The Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) announced (Notice No. 1453/TB-SGDHCM) the record date as follows:

- Listed organization: Vietnam International Commercial Joint Stock Bank
- Stock code: VIB
- Security type: Ordinary shares
- Par value: VND 10,000
- **Ex-date: August 22, 2024**
- Record date: August 23, 2024
- Purpose: Issuance of bonus shares from equity to increase charter capital by VND 4,312,572,810,000
- Exercise ratio: 100:17

Accordingly, the settlement price of warrant CVIB2306 is calculated as follows:

Date	VIB - closing price (unadjusted)	VIB - adjusted closing price (before rounding)	VIB - adjusted closing price (rounded)
22/08/2024 **(Ex-date ofVIB)**	18,400	18,400.0	18,400
21/08/2024	21,350	[21,350/(1 + 17%)] = 18,247.9	18,250
20/08/2024	21,400	[21,400/(1 + 17%)] = 18,290.6	18,300
19/08/2024	21,500	[21,500/(1 + 17%)] = 18,376.1	18,400
16/08/2024	21,150	[21,150/(1 + 17%)] = 18,076.9	18,100
Settlement price of warrant CVIB2306		**[18,400 + 18,250 +18,300 +18,400 +18,100]/5= 18,290**	

- Net payment amount: This is the amount paid after deducting any costs associated with exercising the right (personal income tax and other expenses, if any).
- If the investor does not place an order to exercise the warrant, the profitable warrant will be automatically exercised in cash on the maturity date.

6.2. Measures to be taken in case the Issuer becomes insolvent:

In the event that the issuing organization becomes insolvent, payment to investors shall be made in accordance with Clause 3, Article 13 of Circular No. 122/2025/TT-BTC dated December 22, 2025, issued by the Ministry of Finance guiding covered warrants. Assets used to pay investors shall come from the following sources:

- Hedging assets and other assets held in the proprietary trading account;
- Assets held in an escrow account at the custodian bank;

- Payment guarantee or other collateral (if any):

If the issuer still lacks sufficient assets to pay the investors, the matter will be resolved according to the relevant legal provisions applicable to partially secured creditors.

7. Rights of warrant holders

- Rights of the warrant holder: the warrant holder is entitled to receive the difference when the price of the underlying security is higher than the exercise price at the time of exercise.
- In the event of the issuer's insolvency, bankruptcy, or dissolution: the settlement of rights for warrant holders shall be carried out in accordance with the relevant laws applicable to partially secured creditors.
- In the event that warrants are delisted due to the issuer suspending or temporarily ceasing operations; merging, consolidating, dissolving, going bankrupt, or having its establishment and operation license revoked; when the registration dossier for the warrant offering is found to contain false or omitted important information that could affect investment decisions and cause losses to investors; due to the delisting of the underlying securities; or when the stock index cannot be determined due to force majeure reasons as clearly stipulated in the principles for index determination; or when the Stock Exchange deems it necessary to protect the rights of investors, the method for calculating the settlement price of warrant holders from the effective date of delisting shall be applied according to the Black-Scholes formula as stated in section 1.1, part V of this Prospectus.

8. Warrant adjustments

- The issuer must adjust warrants in the following cases: The price of the underlying security is adjusted due to the issuer distributing cash dividends, issuing shares to pay dividends, issuing shares to increase share capital from equity, issuing new shares, etc.
- Adjustment of the exercise price and conversion ratio upon occurrence of corporate actions relating to the underlying securities:
  - ✓ Adjustment time: The ex-dividend date of the underlying asset.
  - ✓ New exercise price = Old exercise price x (Adjusted reference price of the underlying asset on the ex-dividend date/Unadjusted reference price of the underlying asset on the ex-dividend date).
  - ✓ New conversion ratio = Old conversion ratio × (Adjusted reference price of the underlying asset on the ex-dividend date/Unadjusted reference price of the underlying

asset on the ex-dividend date).

- The adjusted conversion ratio or exercise price shall be rounded to 4 decimal places
- Any further adjustments will be based on HOSE's adjustment decision, and the issuer will make appropriate adjustments in accordance with regulations.

9. Fees, charges and taxes arising from trading or exercising warrants

- **Transaction fees: These apply when investors place buy or sell orders for warrants. The fee rate is determined by the securities company where the investor has opened their warrant trading account.**
- Tax: When investors transfer warrants, hold warrants until maturity, and exercise profitable warrants, the applicable tax rate is 0.1% on the warrant transfer price for each transaction.

Note: In some cases, the amount of tax payable may be higher than the amount paid by the investor received from the issuer, depending on the correlation between the settlement price of the underlying security, and conversion ratio.

Examples of how to calculate taxes:

✓ ***Case 1: Applies when the investor transfers warrants before the maturity date (tax rate of 0.1% on the transfer price of the warrants for each transaction).***

Example 1 : An investor buys 100 call warrants with MWG as the underlying asset at a price of VND 2,000/warrant, a conversion ratio of 1:1, and a strike price of VND 30,000. If the investor sells these 100 warrants at a price of VND 3,000/warrant, the tax payable is: VND 3,000 x 100 x 0.1% = VND 300.

✓ ***Case 2: Applies when an investor holds warrants and these warrants are delisted before the maturity date (tax rate of 0.1% on the warrant transfer price for each transaction). In this case, the warrant transfer price for each transaction is:***

- *The repurchase price at the market price set by the Issuer through market-making activities x Number of warrants (before the effective delisting date); or;*
- *The settlement price of the warrants is announced by the issuer x Number of warrants (after the effective delisting date).*

Example 2 : Corresponding to the assumptions in Example 1, if the warrants are delisted and the issuer announces the settlement price of the warrants as VND 3,000/warrant, then the tax the investor must pay for the 100 warrants they own is: 3,000 x 100 x 0.1% = VND 300.

- ✓ *Case 3: Applies when the investor holds the warrant until maturity and exercises the warrant for a profitable warrant (tax rate of 0.1% on the warrant transfer price for each transaction). In this case, the warrant transfer price for each transaction equals the settlement price of the underlying security multiplied by (x) the number of warrants divided by the conversion ratio.*

Example 3 : Corresponding to the assumptions in Example 1, if the settlement price of the underlying security announced by the Stock Exchange at the time of exercising the right is VND 30,000/share, then the tax the investor must pay when exercising the right for 100 warrants they own is: VND 30,000 x 100 x 0.1% = VND 3,000

- ✓ ***Case 4: In some cases, the amount of tax payable may be higher than the amount of payment the investor receives from the issuer, depending on the correlation between the settlement price of the underlying security and the conversion ratio.***

Example 4: An investor buys 100 call warrants with MWG as the underlying asset, with a conversion ratio of 1:1 and a strike price of VND 100,000.

If an investor holds the warrant until the maturity date and the settlement price of the underlying security announced by the Stock Exchange at the time of exercising the right is VND 100,100/share, then the warrant will expire in a profitable state and the investor will receive a payment from the issuer of: (100,100 – 100,000) x 100 = VND 10,000.

Tax payable for 100 warrants = 100,100 x 100 x 0.1% = VND 10,010.

Therefore, in this case, the amount of tax payable by the investor is higher than the amount of payment received by the investor by (10,010 – 10,000) = 10 VND.

- **Exercise fee: Investors must pay VSDC a fee as stipulated.**
- **Custody and transfer fees : Applied according to VSDC regulations.**

10. Market-making activities

ACBS must participate in placing market-making orders within five (05) minutes from the occurrence of one of the following events:

- ✓ *There is only a buy order or only a sell order for the warrant.*
- ✓ *There are no buy or sell orders for the warrants.*
- ✓ *The market price spread exceeds 5%. The price spread is the percentage of (lowest bid price – highest bid price) / highest bid price.*

When participating in the market making activity, ACBS must comply with the following:

- ✓ *The minimum order size is 100 warrants.*
- ✓ *The type of order used is a limit order.*
- ✓ *Order prices must ensure that the spread does not exceed 5%*
- ✓ *In the absence of buy and sell orders for warrants, ACBS must quote prices in both directions (placing both bid and ask orders).*
- ✓ *The minimum time an order remains on the trading system is one (01) minute.*

In the following cases, ACBS is not required to perform market-making activities:

- ✓ *The periodic order matching session determines the opening price (ATO), the first five (05) minutes after the end of ATO, and the periodic order matching session determines the closing price (ATC).*
- ✓ *Trading of the underlying asset of the warrant has been suspended.*
- ✓ *The theoretical price of the warrant, calculated according to the formula stated in ACBS's prospectus, is less than or equal to 10 VND.*
- ✓ *If the number of warrants in the market maker account does not meet the minimum quantity (100 warrants), ACBS will be exempt from placing sell orders.*
- ✓ *Since no warrants have been issued (in the case that ACBS has not yet sold any warrants to investors), ACBS is exempt from placing buy orders.*
- ✓ *In the event of delisting warrants, ACBS is exempt from placing sell orders.*
- ✓ *If the warrant price reaches the ceiling (excess buy orders at the ceiling price), ACBS is exempt from placing sell orders, or if the warrant price falls to the floor (excess sell orders at the floor price), ACBS is exempt from placing buy orders.*
- ✓ *When the underlying security price reaches its ceiling (excess buy orders at the ceiling price), ACBS is exempt from placing sell orders for call warrants and is exempt from placing buy orders for put warrants.*
- ✓ *When the underlying stock price falls to its floor price (excess sell orders at the floor price), ACBS is exempt from placing buy orders for call warrants and exempt from placing sell orders for put warrants.*
- ✓ *Warrants are in-the-money by 30% or more (i.e., for call warrants, the underlying security price is more than 30% above the exercise price); ACBS is exempt from placing sell orders.*

- ✓ *Within 14 days before the warrant expires.*
- ✓ *When force majeure events occur, such as natural disasters, fires, wars, etc.*
- ✓ *Other cases will be applied by the Stock Exchange after obtaining the approval of the State Securities Commission.*
- ✓ *The Vietnam Stock Exchange will monitor ACBS's market-making pricing practices and request explanations from ACBS if necessary.*

VII. PAYMENT GUARANTEE PLAN FOR HOLDERS OF COVERED WARRANTS

1. Payment to warrant holders is secured by the following sources of assets

Hedging assets and other assets held in the proprietary trading account;

Assets held in an escrow account at a custodian bank;

Payment guarantee or other collateral (if any).

2. In the event that there are insufficient assets to settle the warrant exercise, the settlement of rights for covered warrant holders shall be carried out in accordance with the relevant laws applicable to partially secured creditors.

VIII. RISK MANAGEMENT OF COVERED WARRANT

1. Risk management process

1.1. Role of senior management in monitoring risk management, including the roles of relevant departments

ACBS Members' Council

- Approve ACBS's warrant issuance activities within the limits stipulated at ACBS.
- Approve the allocation of funds for the entire warrant issuance activity in accordance with the regulations of the State Securities Commission and the law.
- Approve scenarios for risk hedging activities related to warrant issuance, including but not limited to determining size limits, maximum loss limits, expected returns, and hedging positions; in accordance with investment limits and risk appetite in investment activities approved by the Board of Members of ACBS (if any).
- Approve and issue the risk management procedure and related internal procedures.

ACBS President & CEO

- Responsible for implementing approvals from the Board of Members of ACBS.

- Act in accordance with the decision-making authority and limits set by the Board of Members of ACBS.
- Ensure that the process is fully and clearly established and organized.

Risk Management Department

- Propose position limits and stop-loss limits for hedging activities.
- Monitor and warn of risks related to limitations in hedging operations for warrant issuance activities, market risks, and other fluctuations affecting ACBS's capital and beneftis.
- Provide recommendations or warnings when risk mitigation activities for warrant issuance reach internal or regulatory limits or constraints.

Derivatives Market Department

Monitor, comply with, and warn of risks related to the limitations of hedging activities for warrant issuance, market risks, and other fluctuations affecting ACBS's capital and benefits. Simultaneously, immediately report these matters to the competent authority for review and appropriate action.

Legal Department

Verify the legal compliance of the contents of the Risk Management Procedure related to ACBS's warrant issuance activities.

Internal Control Department

Monitoring the implementation of risk management regulations and procedures to ensure these activities are carried out carefully, in the correct order, and in compliance with internal regulations and applicable laws.

1.2. Risk management process

ACBS implements a risk management process in its warrant trading operations following these steps, procedures:

Step 1: Identify potential risks arising from warrant trading.

In the issuance of warrants, ACBS may encounter the following main risks:

a. **Payment risk : This risk arises when ACBS is unable to fulfill part or all of its committed obligations to investors. For example, ACBS becomes insolvent when investors exercise their rights due to insufficient shares or cash.**

b. **Market risk:**

- Risks arise from micro and macroeconomic fluctuations that negatively impact one or more industries or specific businesses, thereby causing panic and sell-offs of warrants or underlying assets.
- Risks arise from fluctuations stemming from socio-political factors both domestically and internationally, leading to widespread sell-offs of warrants or underlying assets;
- Risk of price manipulation or liquidity manipulation that is not promptly detected and prevented.

c. **Legal risks:**

- Risks arise from ACBS's business policies not complying with current legal regulations;
- Risks arise from ACBS departments, operations, and employees performing their work in a manner that does not comply with current legal regulations.
- Risks arise from unfavorable changes in relevant legal regulations or ACBS's difficulty in quickly adapting to changes in legal requirements, resulting in incomplete compliance with legal regulations.
- Risks arise from unclear terms in economic contracts, leading to customer lawsuits or ACBS being unable to sue customers, or having a low chance of winning the case.
- Legal risks may arise that lead to ACBS being fined, warned, temporarily suspended from operation, or having its warrant trading license revoked.

d. **Operational risks:**

- Risks arise because ACBS has not yet finalized/updated its current operating procedures.
- Risks arising from human error or system issues may lead to clients conducting transactions that do not comply with regulations at ACBS.
- Risks arise from human error or trading system errors leading to incorrect calculations of hedging ratios/values, resulting in the purchase or sale of underlying securities/warrants exceeding the risk neutrality.
- Risks arise from employees inadvertently or intentionally failing to follow procedures and guidelines in operational departments.
- Risks arise from external objective factors such as natural disasters, wars, epidemics, etc.

e. **Liquidity risk: The risk that arises when ACBS is unable to execute, or executes at a**

higher cost, buys/sells transactions to achieve risk neutrality due to the stock's lack of or low liquidity.

- Step 2: Risk Analysis

a. **Payment risk: Given ACBS's scale and history of managing funds and assets, the likelihood of this risk occurring at ACBS is low. In addition, ACBS also implements hedging activities as required by regulations to ensure that shares are paid to customers on the exercise date.**

b. **Market risk : This is the biggest and most likely risk, as well as the most difficult to prevent, in the business of issuing covered warrants; when this risk arises, it also causes significant losses to ACBS's business operations.**

c. **Legal risks: These can occur if ACBS inadvertently fails to properly perform an activity due to a lack of consultation from the Legal sub-department, or because it has not yet updated its practices to reflect changes in regulations and policies.**

d. **Operational risks: Risks related to software system errors are possible, in addition to risks related to employees making mistakes in procedures.**

e. **Liquidity risk: Under normal market conditions with large-cap stocks, this risk is low. However, liquidity risk can still occur due to sudden positive/negative news about the company, or information that negatively impacts the entire market.**

- Step 3: Risk Control

Based on an assessment of the significant risks that may occur in warrant trading at ACBS, the company has developed specific risk control measures for each type of risk as follows:

a. **Payment risk:**

- Risk hedging principle:
  - ✓ *Maintain a neutral risk hedging ratio at a certain rate, but not lower than the requirements of the Securities and Exchange Commission;*
  - ✓ *In addition, ACBS always maintains reserve assets to ensure its ability to meet payment obligations when maturing warrants.*
- Method of exercise:
  - ✓ *Daily purchase/sale of underlying securities and warrants to ensure the risk-neutral hedging ratio.*

✓ *ACBS's overall liquidity risk assessment includes any anticipated payment obligations arising from maturing warrants.*

- Infrastructure for implementation: Trading software system, Excel software, BI system, monitoring reports.

b. Liquidity risk

- Risk hedging principle: Ensure that hedging transaction costs are kept to a minimum.
- How to implement it: Always trade to ensure a regulated risk neutrality ratio, only issue warrants for large-cap and stable-liquidity stocks. In addition, there are regulations on the maximum volume of shares or underlying assets that must be traded to limit liquidity risk.
- Infrastructure for implementation: Trading software system, monitoring reports.

c. Operational risk

- Risk hedging principle: Minimize the occurrence of operational risk events.
- Method of exercise:

✓ *The business units have established comprehensive operational procedures related to the trading of covered warrants.*

✓ *Provide full training on products and operating procedures.*

✓ *Conduct risk awareness and risk hedging training for all personnel to minimize potential fraud.*

✓ *Thoroughly test all trading and support software systems before deployment. In addition, always take into account feedback from ACBS customers or staff to make adjustments if necessary.*

✓ *There is support, inspection, and supervision from the risk management sub-department, internal control sub-department.*

- Implementation tool:

✓ *Work processes.*

✓ *Instructional and training materials.*

d. Legal risks

- Risk hedging principle: Comply with relevant legal regulations.

- Method of exercise:
  - ✓ *The legal department reviews processes or product policies before they are released and put into use.*
  - ✓ *The legal department regularly updates itself on changes in legal documents so that it can promptly adjust business operations if necessary.*
  - ✓ *Providing awareness training for ACBS employees on the legal risks of violating regulations.*
- Tools used: Legal documents, policies, and procedures of ACBS.

Step 4: Risk Monitoring

- Risk management activities are monitored daily or periodically through specific monitoring reports as stipulated by the State Securities Commission, Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE), and ABCS. Risk monitoring for hedging activities is carried out according to the hedging procedure.
- Regularly analyze and assess past risks to identify areas with high potential risks and implement appropriate risk mitigation and control measures.

1.3. Transaction controls, credit limits and margin requirements (as specific to the Issuer)

Transaction control

- For client transactions: orders are only entered into the system when the buyer has sufficient funds and the seller has the securities ready for sale.
- For proprietary trading: investment limits for proprietary trading are approved by the Investment Council. Proprietary trading is completely separate from client trading.

Margin limit: Implemented according to Decision 87/QD-UBCK dated January 25, 2017 of the State Securities Commission on guiding margin trading loans for securities companies:

- The total outstanding margin lending balance of a securities company must not exceed 200% of the securities company's equity.
- The total amount of margin trading loans provided by a securities company to a single client must not exceed 3% of the securities company's equity.
- The total outstanding margin lending balance of a securities company for a single security must not exceed 10% of the securities company's equity.

- The total number of securities lent for margin trading by a securities company must not exceed 5% of the total number of listed securities of a listed organization.

1.4. Credit rating agency: None

2. Risk hedging plan

2.1. Purpose of hedging

To ensure the ability to pay warrant holders and effectively limiting losses caused by potetial risks to ACBS and warrant holders.

2.2. Organization of hedging activities

The board of management is responsible for

- Directing the development of strategies, policies, and procedures for managing warrant risks.
- Assign responsibilities and monitor the implementation of the risk management process that has been issued by the competent authority.
- Monitor performance and be accountable to the competent authority for the exercise of rights and responsibilities in risk management.

The Internal Control Sub-Department (part of the Internal Control Department) is responsible for

- Monitor and supervise compliance with legal regulations, company charter, decisions of the Board of Members, and related documents.
- Inspect and monitor issuance and risk mitigation activities in accordance with company regulations, procedures, and policies.
- Monitor and assess any conflicts of interest (if any).

The Risk Management Sub-Department (part of the Risk Management Department) is responsible for

- Monitor and supervise the risk prevention activities of the department directly involved in hedging of warrants.
- Warning to the board of management regarding the limits set by ACBS, the Stock Exchange, and the State Securities Commission related to the issuance and hedging of warrants.
- Advise the board of management on measures to prevent, mitigate, and manage risks.
- Ensure that risks are managed in accordance with ACBS policies and compliance with

risk management regulations issued throughout the system.

The Derivatives Market Department is responsible for

- Directly involved in the risk hedging process for warrants.
- Conducting hedging activities involving the purchase and sale of underlying securities, and submitting daily reports on the difference between the theoretical hedging position and the actual hedging position as required by the State Securities Commission and the Stock Exchange.
- Responsible for providing information and coordinating with the the Risk Management Department to manage and control risks for covered warrant.

Information about the personnel in the department directly responsible for risk hedging activities for warrants.

Mr. Huynh Minh Tuan – Head of Derivatives Market Department.

Professional qualifications: Chartered Financial Analyst Level 3 (CFA Level 3), Securities Practitioner Certificate in Financial Analysis issued by the State Securities Commission.

Experience: 8 years of experience working in the field of securities analysis and investment.

2.3. General implementation principles

ACBS applies a delta-neutral hedging strategy, meaning that along with issuing warrants, ACBS will simultaneously execute buy and sell transactions of the underlying securities to keep ACBS's total hedging position from falling below the minimum hedging ratio required by the State Securities Commission when the price of the underlying securities changes.

a. Hedging securities

- The underlying securities of warrants.

b. Risk hedging position

How to calculate the risk hedging factor

- The risk hedging factor applied by ACBS is the Delta factor.
- Delta: The delta risk hedging factor is the value representing the change in the warrant price in response to a change in the price of the underlying security.
- Delta is calculated based on the Black-Scholes formula as follows:

$$\text{Delta CALL} = N(d\ 1)$$

In there:

- DeltaCALL: Delta value of the call covered warrants;
- $N(d1)$: Cumulative normal distribution probability, with d1 determined by the Black-Scholes valuation formula as follows:

$$d_1 = \frac{ln(\frac{S}{X}) + (r_c + \frac{\sigma^2}{2})T}{\sigma\sqrt{T}}$$

The input parameters in the above formula are defined as follows:

Parameter	Calculation method
X: The exercise price of the warrants	This is determined by ACBS depending on market conditions at the time ACBS is officially licensed to make its initial public offering of warrants.
S: Current price of the underlying security.	This is the closing price of the underlying security at the time ACBS is officially licensed to make its initial public offering of warrants or at the time of calculation for the report.
T: Remaining time until maturity (calculated annually)	The number of days from the calculation date to the maturity date of warrants / 365.
rc : Risk-free interest rate (calculated annually).	The average 12-month savings interest rate of the four banks Vietcombank, Vietinbank, BIDV, and Agribank at the time ACBS is officially licensed to make its initial public offering of warrants or at the time of calculation for this report, plus a margin of 2%.
Expected price volatility of the underlying security (calculated annually).	Expected price volatility = past price volatility x (1 + adjustment factor) In there: - The past price volatility of an underlying security is determined over the most recent 12 months. - The adjustment factor is determined based on market demand for warrants and underlying securities, the liquidity of the warrants and underlying securities, and the expected price volatility of similar warrants.

k: Warrant conversion ratio	This is the number of warrants required to convert into one unit of the underlying security.

Theoretical risk hedging position

- ACBS determines the theoretical hedging position based on the Black-Scholes formula as follows:

$$P = Delta \times OI / k$$

Of which:

- P: The number of underlying securities that ACBS plans to hold to hedge against the risk of the warrants.
- OI: Determines the theoretical risk hedging position. OI = Number of outstanding warrants + Number of warrants sold from the proprietary trading account but not yet recorded in the investor's account by VSDC - Warrants awaiting delivery to the issuer's proprietary trading account.
- k: The conversion ratio of warrants.
- Delta: The delta risk hedging factor is the change in the warrant price corresponding to a change in the price of the underlying security, calculated using the formula DeltaCALL = N(d1).

Actual risk hedging position

- The difference between the theoretical hedging position and the actual hedging position on day T of the warrant is determined as follows:

$$\Delta pT\ \% = (PT - pT)/PT \times 100\ \%$$

Of which:

- Δ pT %: The difference between the theoretical hedging position and the actual hedging position on day T.
- PT: The theoretical hedging position of a warrant on day T.

- pT: The actual hedging position of the warrant on day T.
- P.TTPS ACBS implements risk hedging measures to ensure that the difference between the theoretical hedging position and the actual hedging position at the end of the trading day does not exceed 20%.
- To hedging risks, P.TTPS must ensure compliance with the principles stipulated in the Investment Policy and the approval of the Investment Council regarding risk hedging limits for each period. Any instances exceeding these limits require the approval of the President & CEO or the competent authority.
- The hedging position must be managed by ACBS on a case-by-case basis.

c. Risk prevention plan

- ACBS applies a delta-neutral hedging strategy, meaning that along with issuing warrants, ACBS will simultaneously execute buy and sell transactions of the underlying securities to keep ACBS's total hedging position from falling below the minimum hedging ratio required by the State Securities Commission when the price of the underlying securities changes.

d. Illustrative example

- Assume that ACBS issues covered warrants with the following input parameters:
  - Underlying asset: ABC (hypothetical underlying security ticker symbol).
  - Issuance date: October 15, 2020.
  - Listing date: October 22, 2020.
  - Maturity date: January 15, 2021.
  - Conversion Ratio: 1:1.
  - Interest rate: 7%.
  - Expected price volatility: 36%.
  - Exercise Price: 24,000.
- ACBS buys and sells ABC shares when the ABC share price changes as follows:

Date	ABC share price	Delta	Number of outstanding warrants	Theoretical risk hedging position (Shares)	Actual risk Hedging position (Shares)	Change in Number of ABC shares
21/10/2020	24,000	0.57	1,000,000	570,000	700,000	0
22/10/2020	25,000	0.66	900,000	594,000	700,000	0
23/10/2020	23,500	0.53	900,000	477,000	700,000	0
26/10/2020	24,500	0.62	950,000	589,000	700,000	0
27/10/2020	26,000	0.74	1,000,000	740,000	900,000	+ 200,000
28/10/2020	25,000	0.66	1,000,000	660,000	800,000	-100,000

3. Experience in warrant issuance:

ACBS has issued warrants with the following parameters:

The covered warrants are outstanding and listed on HOSE

No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
1	Warrant FPT/ACBS/Call/EU/	CFPT2610	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	10.7639:1	76,244	19,000,000

No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
	Cash/10M/93							VND	
2	Warrant MSN/ACBS/Call/EU/Cash/10M/94	CMSN2609	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	8:1	85,000 VND	16,000,000
3	Warrant TPB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/95	CTPB2605	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	1.6806:1	15,125 VND	11,000,000
4	Warrant VHM/ACBS/Call/EU/Cash/10M/96	CVHM2609	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	4.3334:1	62,593 VND	16,000,000
5	Warrant VIB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/97	CVIB2604	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	1.7320:1	16,020 VND	20,000,000
6	Warrant VNM/ACBS/Call/EU/Cash/10M/98	CVNM2605	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	5.8148:1	62,993 VND	16,000,000
7	Warrant VPB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/99	CVPB2608	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	1.5586:1	23,379 VND	15,000,000
8	Warrant VRE/ACBS/Call/EU/Cash/10M/100	CVRE2603	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	2.8973:1	29,938 VND	16,000,000
9	Warrant HPG/ACBS/8M/102 – Term: 8 months	CHPG2625	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	2:1	25,000 VND	18,000,000
10	Warrant MBB/ACBS/8M/103 – Term: 8 months	CMBB2614	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	1.6019:1	20,825 VND	18,000,000
11	Warrant MWG/ACBS/8M/104 – Term: 8 months	CMWG2616	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	6.8019:1	79,680 VND	18,000,000
12	Warrant STB/ACBS/8M/105 – Term: 8 months	CSTB2619	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	5:1	79,000 VND	18,000,000
13	Warrant TCB/ACBS/8M/106 – Term: 8 months	CTCB2611	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	2.0015:1	22,684 VND	18,000,000
14	Warrant VPB/ACBS/8M/107 – Term: 8 months	CVPB2615	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	1.5863:1	22,605 VND	18,000,000
15	Warrant FPT/ACBS/8M/101 – Term: 8 months	CFPT2631	Call	08 months	26/08/2026	26/04/2027	10.9121:1	65,473 VND	15,000,000
16	Warrant MSN/ACBS/8M/109 – Term: 8 months	CMSN2626	Call	08 months	26/08/2026	26/04/2027	10:1	69,000 VND	15,000,000
17	Warrant SHB/ACBS/8M/110 – Term: 8 months	CSHB2620	Call	08 months	26/08/2026	26/04/2027	2:1	12,500 VND	5,000,000
18	Warrant VHM/ACBS/8M/112	CVHM2620	Call	08 months	26/08/2026	26/04/2027	10:1	76,000 VND	4,000,000

No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
	– Term: 8 months								
19	Warrant VIB/ACBS/8M/113 – Term: 8 months	CVIB2611	Call	08 months	26/08/2026	26/04/2027	1.8267:1	13,700 VND	15,000,000
20	Warrant VNM/ACBS/8M/114 – Term: 8 months	CVNM2619	Call	08 months	26/08/2026	26/04/2027	6:1	64,000 VND	11,000,000
21	Warrant VRE/ACBS/8M/115 – Term: 8 months	CVRE2610	Call	08 months	26/08/2026	26/04/2027	3:1	25,000 VND	4,000,000
22	Warrant FPT/ACBS/7M/116	CFPT2636	Call	07 months	25/09/2026	23/04/2027	9:1	69,100 VND	15,000,000
23	Warrant HPG/ACBS/7M/117	CHPG2642	Call	07 months	25/09/2026	23/04/2027	3:1	23,000 VND	28,000,000
24	Warrant MBB/ACBS/7M/118	CMBB2624	Call	07 months	25/09/2026	23/04/2027	3:1	21,000 VND	28,000,000
25	Warrant MSN/ACBS/7M/119	CMSN2631	Call	07 months	25/09/2026	23/04/2027	9:1	71,000 VND	20,000,000
26	Warrant MWG/ACBS/7M/120	CMWG2630	Call	07 months	25/09/2026	23/04/2027	8.8816:1	75,000 VND	28,000,000
27	Warrant STB/ACBS/7M/122	CSTB2631	Call	07 months	25/09/2026	23/04/2027	7:1	77,000 VND	15,000,000
28	Warrant TCB/ACBS/7M/123	CTCB2624	Call	07 months	25/09/2026	23/04/2027	2.6687:1	22,016 VND	20,000,000
29	Warrant VIB/ACBS/7M/125	CVIB2612	Call	07 months	25/09/2026	23/04/2027	2:1	14,000 VND	20,000,000
30	Warrant VNM/ACBS/7M/126	CVNM2624	Call	07 months	25/09/2026	23/04/2027	7:1	61,000 VND	15,000,000
31	Warrant VPB/ACBS/7M/127	CVPB2630	Call	07 months	25/09/2026	23/04/2027	2.3795:1	22,209 VND	20,000,000
32	Warrant SHB/ACBS/7M/121	CSHB2622	Call	07 months	25/09/2026	23/04/2027	2:1	12,500 VND	15,000,000

+ The covered warrants have expired

No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
1	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/3M/01	CHPG2023	Call	3 months	12/10/2020	12/01/2021	1:1	28,500 VND	2,000,000
2	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/6M/02	CHPG2102	Call	6 months	05/01/2021	05/07/2021	0.7352:1	30,144 VND	4,000,000
3	Warrant TCB/ACBS/Call/EU/Cash/9M/05	CTCB2101	Call	9 months	05/01/2021	05/10/2021	1:1	31,000 VND	2,000,000
4	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/4M/05	CHPG2110	Call	4 months	04/08/2021	06/12/2021	5:1	44,000 VND	10,000,000
5	Warrant	CVNM2108	Call	4 months	04/08/2021	06/12/2021	9.8301:1	78,641	5,000,000

No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
	VNM/ACBS/Call /EU/Cash/4M/07							VND	
6	Warrant FPT/ACBS/Call/ EU/Cash/4M/10	CFPT2104	Call	4 months	04/08/2021	06/12/2021	9.8947:1	79,158 VND	7,000,000
7	Warrant MWG/ACBS/Call /EU/Cash/12M/04	CMWG2104	Call	12 months	22/03/2021	22/03/2022	6.6444:1	89,699 VND	5,000,000
8	Warrant TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/06	CTCB2105	Call	9 months	04/08/2021	04/05/2022	5:1	45,000 VND	15,000,000
9	Warrant VRE/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/08	CVRE2105	Call	9 months	04/08/2021	04/05/2022	5:1	30,000 VND	10,000,000
10	Warrant MSN/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/09	CMSN2104	Call	9 months	04/08/2021	04/05/2022	8.3261:1	98,248 VND	5,000,000
11	Warrant VHM/ACBS/Call /EU/Cash/9M/11	CVHM2115	Call	9 months	17/11/2021	17/08/2022	9.7163:1	91,333 VND	15,000,000
12	Warrant HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/12	CHPG2208	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	3.7823:1	30,258 VND	10,000,000
13	Warrant TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/13	CTCB2204	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	5:1	45,000 VND	5,000,000
14	Warrant MSN/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/14	CMSN2202	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	8.2758:1	126,620 VND	5,000,000
15	Warrant MWG/ACBS/Call /EU/Cash/6M/15	CMWG2204	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	4.9711:1	72,080 VND	5,000,000
16	Warrant VNM/ACBS/Call /EU/Cash/6M/16	CVNM2204	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	9.6717:1	70,603 VND	5,000,000
17	Warrant VRE/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/17	CVRE2204	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	5:1	33,000 VND	5,000,000
18	Warrant VIC/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/18	CVIC2203	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	10:1	86,000 VND	5,000,000
19	Warrant HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/19	CHPG2225	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	3:1	17,000 VND	18,000,000
20	Warrant TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/20	CTCB2214	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	3:1	27,000 VND	4,500,000
21	Warrant MBB/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/21	CMBB2213	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	3:1	17,000 VND	9,000,000
22	Warrant MSN/ACBS/Call/	CMSN2214	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	10:1	100,000 VND	3,000,000

No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
	EU/Cash/8M/22								
23	Warrant MWG/ACBS/Call/EU/Cash/8M/23	CMWG2213	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	6:1	54,000 VND	9,000,000
24	Warrant VNM/ACBS/Call/EU/Cash/8M/24	CVNM2211	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	5.8946:1	66,806 VND	6,000,000
25	Warrant VRE/ACBS/Call/EU/Cash/8M/25	CVRE2219	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	3:1	29,000 VND	4,500,000
26	Warrant VHM/ACBS/Call/EU/Cash/8M/26	CVHM2218	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	6:1	54,000 VND	9,000,000
27	Warrant FPT/ACBS/Call/EU/Cash/8M/27	CFPT2212	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	10:1	70,000 VND	8,000,000
28	Warrant POW/ACBS/Call/EU/Cash/8M/28	CPOW2210	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	1:1	13,000 VND	2,000,000
29	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/9M/29	CHPG2306	Call	9 months	09/02/2023	09/11/2023	3:1	20,000 VND	24,000,000
30	Warrant FPT/ACBS/Call/EU/Cash/9M/30	CFPT2303	Call	9 months	09/02/2023	09/11/2023	8.4983:1	73,085 VND	8,000,000
31	Warrant STB/ACBS/Call/EU/Cash/9M/31	CSTB2303	Call	9 months	09/02/2023	09/11/2023	2:1	22,000 VND	10,000,000
32	Warrant MWG/ACBS/Call/EU/Cash/9M/32	CMWG2302	Call	9 months	09/02/2023	09/11/2023	5.943:1	49,525 VND	12,000,000
33	Warrant FPT/ACBS/Call/EU/Cash/7M/42	CFPT2311	Call	7 months	18/08/2023	18/03/2024	9.8844:1	88,960 VND	10,000,000
34	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/7M/43	CHPG2330	Call	7 months	18/08/2023	18/03/2024	3:1	31,000 VND	12,000,000
35	Warrant MBB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/44	CMBB2313	Call	7 months	18/08/2023	18/03/2024	2:1	21,000 VND	10,000,000
36	Warrant TCB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/45	CTCB2308	Call	7 months	18/08/2023	18/03/2024	3:1	37,000 VND	9,000,000
37	Warrant STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/33	CSTB2306	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	2:1	30,000 VND	19,000,000
38	Warrant MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/34	CMBB2306	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	1.6965:1	16,965 VND	20,000,000
39	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/35	CHPG2309	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	3:1	24,000 VND	25,000,000

No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
40	Warrant MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/36	CMWG2305	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	3,962:1	35,658 VND	9,000,000
41	Warrant VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/37	CVIB2302	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	1.5718:1	18,076 VND	15,000,000
42	Warrant TCB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/38	CTCB2302	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	3:1	27,000 VND	14,000,000
43	Warrant VHM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/39	CVHM2302	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	4:1	50,000 VND	12,000,000
44	Warrant MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/40	CMSN2302	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	6:1	66,000 VND	6,000,000
45	Warrant VRE/ACBS/Call/EU/Cash/12M/41	CVRE2303	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	3:1	25,000 VND	8,000,000
46	Warrant MWG/ACBS/Call/EU/Cash/10M/46	CMWG2316	Call	10 months	24/10/2023	23/08/2024	6:1	48,000 VND	10,000,000
47	Warrant STB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/47	CSTB2334	Call	10 months	24/10/2023	23/08/2024	3:1	27,000 VND	8,000,000
48	Warrant VIB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/48	CVIB2306	Call	10 months	24/10/2023	23/08/2024	1.8879:1	16,047 VND	7,000,000
49	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/49	CHPG2402	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	2.7268:1	28,177 VND	10,500,000
50	Warrant MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/50	CMBB2402	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	1.7003:1	20,403 VND	11,000,000
51	Warrant MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/51	CMWG2401	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	4:1	66,000 VND	10,000,000
52	Warrant STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/52	CSTB2402	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	3:1	30,000 VND	10,500,000
53	Warrant VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/53	CVIB2402	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	1.6444:1	19,732 VND	10,000,000
54	Warrant VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/54	CVNM2401	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	7.4141:1	61,166 VND	8,000,000
55	Warrant VPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/55	CVPB2401	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	1.8488:1	19,412 VND	9,000,000
56	Warrant FPT/ACBS/Call/EU/Cash/12M/56	CFPT2404	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	12.8473: 1	103,635 VND	12,000,000
57	Warrant	CHPG2409	Call	12	4/11/2024	4/11/2025	2.4982: 1	20,818	20,000,000

No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
	HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/57			months				VND	
58	Warrant MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/58	CMBB2407	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	1.3033:1	16,943 VND	15,000,000
59	Warrant MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/59	CMSN2406	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	6:1	79,000 VND	6,000,000
60	Warrant MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/60	CMWG2407	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	5,9149: 1	69,007 VND	18,000,000
61	Warrant STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/61	CSTB2410	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	3:1	38,000 VND	11,000,000
62	Warrant TCB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/62	CTCB2403	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	4.8710:1	25,329 VND	12,000,000
63	Warrant VHM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/63	CVHM2408	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	4:1	38,000 VND	7,000,000
64	Warrant VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/64	CVIB2407	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	1,6895: 1	15,205 VND	9,000,000
65	Warrant VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/65	CVNM2407	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	5.4968:1	62,296 VND	9,000,000
66	Warrant VPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/66	CVPB2409	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	1.9471:1	21,418 VND	11,000,000
67	Warrant VRE/ACBS/Call/EU/Cash/12M/67	CVRE2407	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	2:1	16,000 VND	6,000,000
68	Warrant FPT/ACBS/Call/EU/Cash/7M/81	CFPT2519	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	6.8870:1	121,385 VND	16,000,000
69	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/7M/82	CHPG2528	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	2:1	30,000 VND	17,000,000
70	Warrant MBB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/83	CMBB2518	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	1.5:1	21,750 VND	17,000,000
71	Warrant MWG/ACBS/Call / EU/Cash/7M/84	CMWG2520	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	4,9291: 1	77,879 VND	17,000,000
72	Warrant STB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/85	CSTB2528	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	3:1	49,000 VND	17,000,000
73	Warrant TCB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/86	CTCB2518	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	1,9484: 1	35,071 VND	16,000,000
74	Warrant FPT/ACBS/Call/	CFPT2513	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	11.0965: 1	115,234 VND	26,700,000

No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
	EU/Cash/12M/68								
75	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/69	CHPG2518	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	2.4533:1	22,897 VND	31,900,000
76	Warrant MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/70	CMBB2511	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	2.25:1	18,750 VND	35,200,000
77	Warrant MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/71	CMSN2512	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	7:1	60,000 VND	10,000,000
78	Warrant MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/72	CMWG2511	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	5.9149:1	63,092 VND	27,600,000
79	Warrant STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/73	CSTB2515	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	3:1	40,000 VND	25,500,000
80	Warrant TCB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/74	CTCB2507	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	2.8624:1	27,193 VND	20,100,000
81	Warrant TPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/75	CTPB2503	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	1.9063:1	12,391 VND	12,900,000
82	Warrant VHM/ACBS/Cal/EU/Cash/12M/76	CVHM2512	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	4:1	58,000 VND	10,000,000
83	Warrant VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/77	CVIB2504	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	1.6654:1	15,821 VND	16,600,000
84	Warrant VNM/ACBS/Cal/EU/Cash/12M/78	CVNM2511	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	5.7358:1	52,579 VND	14,200,000
85	Warrant VPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/79	CVPB2513	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	1.9651:1	17,686 VND	29,500,000
86	Warrant VRE/ACBS/Call/EU/Cash/12M/80	CVRE2512	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	2:1	23,500 VND	11,000,000
87	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/10M/87	CHPG2604	Call	10 months	26/12/2025	26/10/2026	2.6778:1	25,885 VND	19,000,000
88	Warrant MBB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/88	CMBB2604	Call	10 months	26/12/2025	26/10/2026	2.4028:1	21,626 VND	19,000,000
89	Warrant MWG/ACBS/Call/EU/Cash/10M/89	CMWG2604	Call	10 months	26/12/2025	26/10/2026	6.8019:1	82,595 VND	19,000,000
90	Warrant STB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/90	CSTB2604	Call	10 months	26/12/2025	26/10/2026	5:1	60,000 VND	19,000,000
91	Warrant TCB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/91	CTCB2601	Call	10 months	26/12/2025	26/10/2026	3.9176:1	36,238 VND	19,000,000

IX. RELATED PARTIES TO THE OFFERING

1. Audit organization

- Company Name: KPMG Limited Company Branch
- Address: No. 115 Nguyen Hue Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City
- Phone: (028) 3821 9266.
- Website: https://home.kpmg/vn/vi.

2. Custodian Bank

- Bank Name: Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) - Nam Ky Khoi Nghia Branch
- Address: No. 56 (former), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City.
- Phone: (028) 3821 8812 Fax: (028) 3914 4714
- Website: www.bidv.com.vn

3. Underwriting organization or distribution agent, advisory organization

None

X. CONFLICT OF INTEREST

We, our branches, transaction offices, and subsidiaries may engage in investment, brokerage, fund management, and other activities that may give rise to material information regarding the Company and/or the underlying securities or issuers, or may publish research reports relating to the Company and/or the underlying securities. Such activities, information, and/or research reports may relate to or affect the Company and the underlying securities, and may result in adverse consequences for investors or create conflicts of interest in connection with the issuance of warrants. We are under no obligation to disclose such information and may issue research reports and engage in any such activities independently of the warrant issuance.

In the normal course of business, we, our Head Office, branches, transaction offices, and subsidiaries may conduct transactions for our own account or for our clients and may participate in transactions related to the Company and/or the underlying securities or related derivative products. This may indirectly affect the interests of investors.

As of the date of submission of the application and completion of procedures relating to the offering of warrants based on the Issuer's underlying securities, ACBS is not a related party of the Custodian Bank, the Audit Organization or the issuer of the underlying securities.

XI. UNDERTAKINGS

The Issuer hereby undertakes full responsibility for the accuracy and truthfulness of the information contained in this Prospectus and all attached documents.

XII. INTRODUCTION OF LEGAL DOCUMENTS RELATED TO WARRANT ISSUANCE

No.	RELEVANT LEGAL DOCUMENTS
1.	Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020
2.	Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 and Law No. 56/2024/QH15 dated November 29, 2024
3.	Government Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 providing detailed implementation of certain articles of the Law on Securities and Decree No. 245/2025/ND-CP dated 11 September 2025 amending and supplementing certain provisions of Decree No. 155/2020/ND-CP.
4.	Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 of the Minister of Finance on disclosure of information on the securities market, as amended and supplemented by Circular No. 68/2024/TT-BTC dated 18 September 2024, Circular No. 18/2025/TT-BTC dated 26 April 2025, and Circular No. 08/2026/TT-BTC dated 03 February 2026.
5.	Circular No. 121/2020/TT-BTC dated 31 December 2020 of the Minister of Finance on securities company operations.
6.	Circular No. 122/2025/TT-BTC dated 22 December 2025 of the Minister of Finance guiding covered warrant activities.
7.	Decision No. 72/QD-UBCK dated 18 January 2018 of the Chairman of the State Securities Commission promulgating the Regulation on offering and risk hedging of covered warrants.
8.	Decision No. 34/QD-SGDHCM dated 20 January 2021 of the Chief Executive Officer of Ho Chi Minh City Stock Exchange promulgating the Regulation on listing and disclosure of covered warrants on Ho Chi Minh City Stock Exchange.
9	Decision No. 30/QD-HDTV dated 16 April 2025 promulgating the Regulation on registration and settlement of covered warrants at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.
10	Other relevant legal documents.

XIII. APPENDIX

- License for the establishment and operation of the issuing organization;
- Resolution of the Board of Members approving the offering plan and the listing of warrants;
- Agreement on escrow of payment collateral / written confirmation of payment guarantee.
- Charter of the Issuer.

(The rest of the page is intentionally left blank)

Ho Chi Minh City, ...October 31..... 2026

ISSUER

ACB SECURITIES COMPANY

ACBS

[Signed]

CUSTODIAN BANK

JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM

NAM KY KHOI NGHIA BRANCH

BIDV

[Signed]

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 41/GUQ-ACBS.26 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2026*

GIẤY ỦY QUYỀN

Người ủy quyền **: Ông Đỗ Minh Toàn**

Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB - Là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Người được ủy quyền **: Ông Võ Văn Vân**

Chức vụ : Phó Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

I. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

1. Người được ủy quyền được đại diện cho Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS") ký các văn bản, hồ sơ, tài liệu liên quan đến chứng quyền có bảo đảm do ACBS phát hành, trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Tổng Giám đốc ACBS, cụ thể như sau:

   1.1. Ký văn bản Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm;

   1.2. Ký văn bản Báo cáo kết quả phân phối chứng quyền có bảo đảm;

   1.3. Ký Bản cáo bạch chào bán chứng quyền có bảo đảm;

   1.4. Ký văn bản Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chứng quyền có bảo đảm tại ngày đáo hạn;

   1.4. Ký các văn bản, tài liệu, báo cáo khác liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền có bảo đảm của ACBS theo quy định pháp luật và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trong phạm vi ủy quyền nói trên, Người được ủy quyền phải có trách nhiệm thực hiện công việc theo đúng nội dung ủy quyền, tuân thủ quy định của pháp luật, của ACBS. Người được ủy quyền được sử dụng con dấu của Công ty để đóng dấu trên các văn bản của Người được ủy quyền ký.

3. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

II. THỜI HẠN ỦY QUYỀN

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày 17/11/2026 đến hết ngày 18/11/2026.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN	NGƯỜI ỦY QUYỀN
	S.G.P: 06 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN ACB - P.XUÂN HÒA - T.P HỒ CHÍ MINH
VÕ VĂN VÂN	ĐỖ MINH TOÀN

Nơi nhận:
- HĐTV, Ban kiểm soát ACBS;
- Ban điều hành;
- Các Trưởng phòng tại Hội sở;
- Giám đốc chi nhánh;
- Lưu: P.HCTH.

ACB SECURITIES COMPANY

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

No.: 41/GUQ-ACBS.26

Ho Chi Minh City, November 17, 2026

POWER OF ATTORNEY

Authorizing Person : **Mr. Do Minh Toan**

Position : Chairman of the Board of Members of ACB Securities Company - Legal representative of ACB Securities Company.

Authorized person : **Mr . Vo Van Van**

Position : Deputy Chief Financial Officer cum Chief Accountant

I. CONTENT OF AUTHORIZATION

1. The Authorized Person ACB Securities Company ("ACBS") to sign documents, dossiers, and materials related to covered warrants issued by ACBS, within the scope of rights and responsibilities of the President & CEO of ACBS, specifically as follows:

   1.1. Sign the Notice of Issuance of Covered Warrants;

   1.2. Sign the report on the distribution results of covered warrants;

   1.3. Sign the prospectus for offering covered warrants;

   1.4. Sign the Notification document on the record date for exercising covered warrants at maturity;

   1.4. Sign other documents, materials, and reports relating to ACBS's covered warrant issuance activities as prescribed by law and as required by competent regulatory authorities.

2. Within the scope of the above authorization, the Authorized Person is responsible for performing the work in accordance with the authorization content and in compliance with the law and ACBS regulations. The Authorized Person may use the Company's seal to stamp documents signed by the Authorized Person.

3. The authorized person is not allowed to further delegate this authority to others.

II. AUTHORIZATION PERIOD

This power of attorney is valid from 17/11/2026 until the end of 18/11/2026.

AUTHORIZED PERSON	AUTHORIZING PERSON
(Signed)	*(Signed and sealed)*
VO VAN VAN	DO MINH TOAN

Recipients:
- Board of Members, ACBS Supervisory Board;
- Board of Management;
- Heads of departments at the headquarters;
- Branch Director;
- Archives: P.HCTH.